

TS. BÙI KIM ĐỈNH (Chủ biên)

HỎI - ĐÁP

MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG

CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên
ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh))

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

V - G0 / 045572

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HÀ NỘI - 2009

Tập thể tác giả

*** TS. Bùi Kim Đình (Chủ biên)**

*** Ths. Phùng Thị Hiền**

*** Ths. Vũ Ngọc Lương**



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

LỜI NÓI ĐẦU

Để phù hợp với thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước và sự nghiệp giáo dục, đào tạo; quán triệt quan điểm đổi mới công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chương trình mới và biên soạn giáo trình ***Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*** (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

Nhằm giúp cho đông đảo sinh viên, thuận tiện trong việc học tập, ôn tập môn học trên. Chúng tôi tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách ***Hỏi - đáp môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*** theo đúng kết cấu và nội dung giáo trình trên. Sách do các giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy lý luận Mác-Lênin lâu năm biên soạn.

Trong quá trình biên soạn, tập thể tác giả đã có nhiều cố gắng, song không tránh khỏi những thiếu sót. Mong được bạn đọc góp ý kiến để lần tái bản sau cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

TẬP THỂ TÁC GIẢ

Tháng 7 năm 2009

Câu 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”

Trả lời:

Việc hiểu biết những vấn đề này giúp việc sinh viên học sinh có định hướng và sự chỉ dẫn đúng đắn để nghiên cứu môn học.

1. Đối tượng:

Đường lối cách mạng (mục tiêu cơ bản và phương thức cơ bản để đạt mục tiêu trong mỗi thời đoạn) có vai trò quan trọng bậc nhất với toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Nó quyết định công tác tư tưởng, tổ chức, chiều hướng vận động và thành, bại của phong trào. Đường lối cách mạng là cơ sở cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, định hướng cho hành động của cán bộ, đảng viên và là dấu hiệu nổi bật phản ánh năng lực, trình độ chính trị của một Đảng.

- Đường lối cách mạng của Đảng là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời là sự bổ sung, phát triển lý luận trong sự vận động không ngừng của đời sống hiện thực trong nước và quốc tế.

Do đó, môn học tập trung nghiên cứu hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi

Đảng thành lập 1930 đến nay, những kinh nghiệm của Đảng trong hoạch định, thực hiện đường lối.

2. Nhiệm vụ

- Làm rõ sự ra đời và hoạt động chủ yếu của Đảng cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

- Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng, nhấn mạnh đến đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới.

- Kết quả thực hiện đường lối qua các thời kỳ

- Những kinh nghiệm xây dựng và thực hiện đường lối.

3. Phương pháp nghiên cứu

Là phương hướng và cách thức tối ưu để đạt kết quả nghiên cứu.

- Phương pháp luận là của triết học mác xít (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử), các quan điểm phương pháp luận của Hồ Chí Minh và của Đảng.

- Phương pháp phổ biến là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Bên cạnh đó, sử dụng các phương pháp thích hợp: phân tích, tổng hợp, đối chiếu so sánh, định lượng.

4. Ý nghĩa của việc học tập

- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ

bản nhất về sự ra đời và hoạt động của Đảng, tập trung vào lĩnh vực đường lối của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng, nhất là trong thời kỳ đổi mới.

- Học tập, quán triệt đường lối để hiểu và vận dụng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

- Đường lối chính trị là phương cách xử lý tình huống, cách giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng, của đất nước trong các thời kỳ và các lĩnh vực khác nhau, qua đó người học thêm hiểu biết, nâng cao năng lực hoạt động và củng cố niềm tin vào Đảng, vào sự nghiệp cách mạng.

Câu 2. Chính sách thống trị của thực dân Pháp, tình hình giai cấp - xã hội ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX?

Trả lời:

1. Chính sách thống trị của thực dân Pháp

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng, tấn công xâm lược Việt Nam. Sau khi tạm thời dập tắt được các phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp từng bước thiết lập bộ máy thống trị ở Việt Nam.

Về chính trị: Thực dân Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, tước bỏ mọi quyền đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn, chia Việt Nam ra thành ba xứ: Bắc Kỳ,

Trung Kỳ, Nam Kỳ và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng. Đồng thời với chính sách nham hiểm này, thực dân Pháp cầu kết với giai cấp địa chủ trong việc bóc lột kinh tế và áp bức đối với nhân dân Việt Nam.

Về kinh tế, thực dân Pháp thực hiện chính sách bóc lột về kinh tế: tiến hành cướp ruộng đất để lập đồn điền; đầu tư khai thác tài nguyên; xây dựng một số cơ sở công nghiệp; xây dựng hệ thống đường giao thông, bến cảng phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa. Việc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tạo nên sự chuyển biến của nền kinh tế Việt Nam (hình thành một số ngành kinh tế mới...) nhưng cũng dẫn đến hậu quả là nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc vào tư bản Pháp, bị kìm hãm trong vòng lạc hậu.

Về văn hóa-xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hóa, giáo dục thực dân, ngu dân; dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu...

2. Tình hình giai cấp-xã hội ở Việt Nam

Dưới tác động của chính sách cai trị thực dân, xã hội Việt Nam diễn ra quá trình phân hóa sâu sắc.

Ngoài hai giai cấp cũ là giai cấp địa chủ phong kiến và nông dân, xã hội Việt Nam xuất hiện các giai cấp mới: giai cấp công nhân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản.

Giai cấp địa chủ phong kiến: Đa số các lãnh đạo... in

Pháp tăng cường bóc lột, áp bức nông dân. Tuy nhiên, trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hóa, một bộ phận địa chủ (đặc biệt là lớp trí thức phong kiến) có lòng yêu nước, căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức và mức độ khác nhau.

Giai cấp nông dân: Là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam, bị thực dân và phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Tình cảnh khốn khổ, bần cùng của giai cấp nông dân Việt Nam đã làm tăng thêm lòng căm thù đế quốc và phong kiến tay sai, làm tăng thêm ý chí cách mạng của họ trong cuộc đấu tranh giành lại ruộng đất và quyền sống tự do.

Giai cấp công nhân Việt Nam: Ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, giai cấp công nhân tập trung nhiều ở các thành phố và vùng mỏ như: Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Quảng Ninh.

Đa số công nhân Việt Nam xuất thân từ giai cấp nông dân. Vì vậy, giai cấp công nhân có quan hệ trực tiếp và chặt chẽ với giai cấp nông dân. Giai cấp công nhân Việt Nam bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột. Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân Việt Nam là ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, và vừa lớn lên đã sớm được tiếp thu ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhanh chóng trở thành một lực lượng chính trị tự giác, thống nhất...

Giai cấp tiểu tư sản Việt Nam: Bao gồm tư sản công nghiệp, tư sản thương nghiệp,... Trong giai cấp tư sản có một bộ phận kiêm địa chủ.

Ngay từ khi mới ra đời, giai cấp tư sản Việt Nam đã bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa cạnh tranh, chèn ép. Do đó, thế lực kinh tế và địa vị chính trị của giai cấp tư sản Việt Nam nhỏ bé và yếu ớt. Vì vậy, giai cấp tư sản Việt Nam không đủ điều kiện để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đi đến thành công.

Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam: Bao gồm học sinh, trí thức, viên chức và những người làm nghề tự do... Trong đó, giới trí thức và học sinh là bộ phận quan trọng của tầng lớp tiểu tư sản. Đời sống của tiểu tư sản Việt Nam bấp bênh và dễ bị phá sản trở thành những người vô sản. Tiểu tư sản Việt Nam có lòng yêu nước, căm thù đế quốc, thực dân, nhạy cảm với thời cuộc, lại chịu ảnh hưởng của những tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài truyền vào. Vì vậy, đây là lực lượng có tinh thần cách mạng cao.

Tóm lại, chính sách thống trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó đặc biệt là sự ra đời hai giai cấp mới là công nhân và tư sản Việt Nam. Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam lúc này đều mang thân phận người dân mất nước, và ở những mức độ khác nhau, đều bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột. Vì vậy, trên cơ sở phân tích thực trạng xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám, ta có thể thấy rằng, xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám là một xã hội phân hóa sâu sắc, mâu thuẫn gay gắt giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Trong đó, mâu thuẫn cơ bản nhất là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ và các nước chư hầu. Đây là mâu thuẫn cơ bản, chi phối tất cả các mâu thuẫn khác trong xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.

cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến, đã nảy sinh mâu thuẫn vừa cơ bản, vừa chủ yếu và ngày càng gay gắt trong đời sống dân tộc, đó là: mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Tính chất của xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra hai yêu cầu: một là, phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân; hai là, xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.

Câu 3. Tóm tắt phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản ở Việt Nam trước năm 1930. Nhận xét?

Trả lời:

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản diễn ra mạnh mẽ. Những phong trào tiêu biểu diễn ra trong thời kỳ này là:

- *Phong trào Cần Vương (1885-1896)*: Ngày 13/7/1885, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương. Phong trào Cần Vương phát triển mạnh ra nhiều địa phương ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Ngày 1/11/1888 vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn tiếp tục đến năm 1896.

- *Cuộc khởi nghĩa Yên Thế* (Bắc Giang) diễn ra từ năm 1884. Nghĩa quân Yên Thế đã đánh thắng Pháp nhiều trận và gây cho chúng nhiều khó khăn, thiệt hại. Cuộc chiến đấu của nghĩa quân Yên Thế kéo dài đến năm 1913 thì bị dập tắt.

Thất bại của các phong trào trên đã chứng tỏ giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng phong kiến không đủ điều kiện để lãnh đạo phong trào yêu nước giải quyết thành công nhiệm vụ dân tộc ở Việt Nam.

Bên cạnh các cuộc khởi nghĩa nêu trên, đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của các tầng lớp sĩ phu tiến bộ chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản đã diễn ra sôi nổi:

- *Phong trào Đông Du (1906-1908)*, do nhà yêu nước Phan Bội Châu lãnh đạo mở đầu cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Phong trào này đã đưa 1 số thanh niên yêu nước sang du học ở Nhật, dựa vào Nhật để đánh Pháp, dùng thơ văn yêu nước để thức tỉnh nhân dân.

- *Phong trào Duy Tân (1906-1908)*, do Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng.... lãnh đạo, nhằm vận động cải cách văn hóa xã hội, động viên lòng yêu nước, đã kích bộn vua quan phong kiến thối nát, khẩu hiệu là: "ý Pháp, đả Pháp". Ngoài ra, trong thời kỳ này ở Việt Nam còn có nhiều phong trào đấu tranh khác như: Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907); Phong trào "tẩy chay Khách trú" (1919); Phong trào chống độc quyền xuất nhập khẩu ở cảng Sài Gòn (1923); đấu tranh trong

các hội đồng quản hạt, hội đồng thành phố... đòi cải cách tự do dân chủ...

Từ trong các phong trào đấu tranh, các tổ chức đảng phái ra đời: *Đảng Lập hiến* (năm 1923); *Đảng Thanh niên* (tháng 3-1926); *Đảng Thanh niên cao vọng* (năm 1926); *Việt Nam nghĩa đoàn* (năm 1925), sau nhiều lần đổi tên, tháng 7-1928 lấy tên là *Tân Việt cách mạng Đảng*; *Việt Nam quốc dân Đảng* (12-1927). Các đảng phái chính trị tư sản và tiểu tư sản trên đây góp phần thúc đẩy phong trào yêu nước chống Pháp, đặc biệt là Tân Việt cách mạng Đảng và Việt Nam quốc dân Đảng.

Nhận xét

- Trước yêu cầu lịch sử của xã hội Việt Nam, các phong trào đấu tranh chống Pháp diễn ra sôi nổi. Mục tiêu của các phong trào là giành độc lập dân tộc, nhưng trên các lập trường giai cấp khác nhau nhằm khôi phục chế độ phong kiến, hoặc thiết lập chế độ quân chủ lập hiến, hoặc cao hơn là thiết lập chế độ cộng hòa tư sản.

- Các phong trào đấu tranh diễn ra với các phương thức và biện pháp khác nhau: bạo động hoặc cải cách; với quan điểm tập hợp lực lượng bên ngoài khác nhau: dựa vào Pháp để thực hiện cải cách, hoặc dựa vào ngoại viện để đánh Pháp... Nhưng cuối cùng các cuộc đấu tranh đều thất bại.

- Một số tổ chức chính trị theo lập trường quốc gia tư sản ra đời và đã thể hiện được vai trò của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và dân chủ. Nhưng các phong trào và tổ

chức trên, do những hạn chế về giai cấp, đường lối chính trị; hệ thống tổ chức thiếu chặt chẽ; chưa tập hợp được rộng rãi lực lượng của dân tộc, nên cuối cùng đã không thành công.

- Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo lập trường quốc gia tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX đã phản ánh địa vị kinh tế và chính trị yếu kém của giai cấp này trong tiến trình cách mạng dân tộc, phản ánh sự bất lực của họ trước những nhiệm vụ do lịch sử dân tộc Việt Nam đặt ra.

- Mặc dù bị thất bại, nhưng sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có ý nghĩa rất quan trọng. Nó là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam, đồng thời tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, quan điểm cách mạng của Hồ Chí Minh. Phong trào yêu nước trở thành một trong ba nhân tố dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 4. Sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc cho sự thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam?

Trả lời:

1. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị

- Tổ cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân các nước thuộc địa.

Người viết nhiều bài đăng trên các báo: “Người cùng khổ”, “Đời sống công nhân”, “Nhân đạo”, tạp chí “Cộng sản”, “Thư tín quốc tế”, đặc biệt là, năm 1925 Người viết tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” đã gây tiếng vang và ảnh hưởng lớn đến các phong trào yêu nước ở trong nước và các thuộc địa...

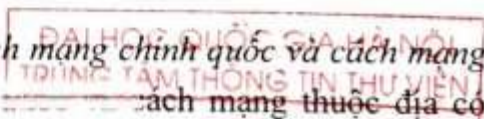
Nội dung của các bài báo, các tác phẩm, Người đều tập trung lên án chủ nghĩa thực dân, vạch trần bản chất xâm lược, phản động, bóc lột, đàn áp tàn bạo của chúng. Người tố cáo danh thép trước thế giới và nhân dân Pháp đối với các thuộc địa và thức tỉnh lòng yêu nước, ý chí phản kháng của các dân tộc thuộc địa.

- Phác thảo đường lối cứu nước (thể hiện tập trung trong tác phẩm “Đường cách mệnh”, năm 1927). Nội dung cơ bản của tác phẩm:

+ *Đi sâu vạch rõ bản chất phản động của chủ nghĩa thực dân.* Chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, là kẻ thù trực tiếp và nguy hại nhất của nhân dân các nước thuộc địa...

+ *Con đường đi lên của cách mạng Việt Nam* là làm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng này có quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau.

+ *Mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa*



mối quan hệ khăng khít với nhau. Phải thực hiện sự liên minh chiến đấu giữa các lực lượng cách mạng ở thuộc địa và chính quốc. Đặc biệt Người chỉ rõ, cách mạng thuộc địa có tính chủ động, độc lập, có thể giành thắng lợi trước cách mạng chính quốc, góp phần đẩy mạnh cách mạng ở chính quốc.

+ *Về lực lượng cách mạng*: công nông là chủ, là gốc của cách mạng; còn người học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công nông. Cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải là việc của một hai người.

+ *Mục tiêu cách mạng*: quyền lực thuộc về nhân dân.

+ *Về đoàn kết quốc tế*: đặt cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới; phải thực hiện sự liên minh, đoàn kết với các lực lượng cách mạng thế giới.

+ *Về Đảng*, tác phẩm nhấn mạnh: Cách mạng muốn thắng lợi trước hết phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đảng đó phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm hệ tư tưởng và vận dụng học thuyết đó vào Việt Nam.

Đó là những hoạt động chính trị và những tư tưởng chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá vào Việt Nam đầu thế kỷ XX, hướng cho các phong trào giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản, dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Chuẩn bị về tổ chức

- Năm 1921, Nguy

ở các nước thuộc địa Pháp lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, nhằm tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa thực dân.

- Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc). Người đã cùng những nhà lãnh đạo cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan, Indônêxia... thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.

- Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên để huấn luyện cán bộ trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước ở Việt Nam. Đây là tổ chức tiền thân của Đảng.

Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên và tác phẩm Đường cách mệnh đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929), An Nam Cộng sản Đảng(7/1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (1/1930). Từ ngày 6/1 đến 7/2/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã họp ở Cửu Long-Hương Cảng-Trung Quốc dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, đã nhất trí thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thông qua Chính Cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng và Lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc nhân dịp thành lập Đảng.

Các văn kiện quan trọng của Đảng được Hội nghị thông qua là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng

Câu 5. Sự phát triển của phong trào dân tộc vô sản và sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam?

Trả lời:

- Ngay từ khi mới ra đời, công nhân đã tiến hành đấu tranh chống thực dân Pháp áp bức, bóc lột, nhưng chủ yếu là đấu tranh kinh tế. Các hình thức đấu tranh là bãi công, bỏ việc, đập phá máy móc... Bãi công là hình thức riêng biệt của giai cấp công nhân đã xuất hiện trong những năm 1906-1908, báo hiệu sự ra đời của một lực lượng chính trị mới.

Ban đầu, công nhân còn chiến đấu “dưới lá cờ của người khác”, tham gia tích cực vào các hoạt động, phong trào yêu nước theo tư tưởng phong kiến và tư sản.

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, do Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa, giai cấp công nhân tăng lên mạnh mẽ. Phong trào công nhân có tổ chức hơn, những yêu sách về kinh tế đã gắn kết với khẩu hiệu chính trị mà sự thành lập Công hội Đỏ ở Bắc Kỳ (1919), cuộc bãi công của công nhân Ba Son (1925) là những dấu hiệu nổi bật.

- Do hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc và Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, của phong trào “vô sản hóa”, do ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, lý luận cách mạng ngày càng được truyền bá sâu rộng vào phong trào công nhân, phong trào công nhân ngày càng phát triển từ tự phát đến tự giác.

Sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta những năm đầu thế kỷ XX đã tạo tiền đề tích cực cho sự ra đời các tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

Phong trào công nhân là điều kiện bên trong để đón nhận chủ nghĩa Mác -Lênin từ bên ngoài truyền bá vào nước ta, để những tư tưởng đó có điều kiện thuận lợi phát huy tác dụng. Đồng thời phong trào công nhân phát triển là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp với chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào yêu nước dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930).

Hoạt động truyền bá lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào phong trào công nhân Việt Nam đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Sự lớn mạnh của phong trào công nhân đã vượt quá khả năng lãnh đạo của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên - một hình thức tổ chức quá độ. Từ sự phân hóa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, đã ra đời 2 tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929); An Nam Cộng sản Đảng (7/1929); và sau đó là Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (1/1930).

Câu 6. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

Trả lời:

1. Hoàn cảnh ra đời

- Hoàn cảnh quốc tế

+ Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi mở ra thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đặt ra cho những người yêu nước Việt Nam một sự lựa chọn mới: độc lập dân tộc đi lên CNXH hay độc lập dân tộc đi lên CNTB.

+ Vai trò và sự tác động của lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin là nhân tố thúc đẩy sự ra đời của các Đảng cộng sản và sự thành lập Quốc tế Cộng sản. Điều đó khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân trong việc quyết định sự phát triển của xã hội.

- Hoàn cảnh trong nước

+ Vào giữa thế kỷ XIX thực dân Pháp xâm lược nước ta. Đến cuối thế kỷ XIX, sau khi cơ bản kết thúc giai đoạn vũ trang xâm lược, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành kế hoạch bóc lột sức người, sức của ở Việt Nam.

+ Sự khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp đã làm gay gắt thêm các mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam, vừa làm nảy sinh mâu thuẫn mới. Tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội, đặc biệt các mâu thuẫn dân tộc và giai cấp đã dẫn đến nhu cầu đấu tranh để tự giải phóng.

+ Độc lập dân tộc và tự do dân chủ là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta, là nhu cầu bức thiết của dân tộc ta.

Sự ra đời của Đảng là kết quả của một quá trình lựa chọn con đường cứu nước.

Từ khi bị Thực dân pháp xâm lược, đô hộ, nhân dân cả nước đã liên tục anh dũng đứng lên chống giặc. Các phong trào yêu nước phát triển theo nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau. Đầu thế kỷ XX và đặc biệt là từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng chính trị tư sản và tiểu tư sản thành thị diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Tuy vậy, qua kiểm nghiệm của lịch sử các phong trào yêu nước đều lần lượt thất bại vì đã không đáp ứng được những yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Tính chất thời đại đã thay đổi. Con đường giải quyết mâu thuẫn xã hội, sự sắp xếp lực lượng, phương pháp cách mạng, giai cấp lãnh đạo phải thay đổi. Vai trò lịch sử thuộc về giai cấp vô sản. Ở Việt Nam, giai cấp vô sản đang hình thành và chưa có đảng tiên phong của mình. Phong trào công nhân chưa trở thành phong trào chính trị độc lập. Cách mạng Việt Nam đứng trước cuộc khủng hoảng trầm trọng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Vì vậy cần phải tìm cách ra khỏi khủng hoảng là yêu cầu bức xúc của lịch sử.

2. Đặc điểm ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng ra đời là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Từ sự nhân tích vi tri kinh tế-xã hội của các giai cấp

trong xã hội Việt Nam cho thấy chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp đảm nhiệm được sứ mệnh lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

- Lịch sử đã trao cho giai cấp công nhân ngọn cờ dân tộc. Đó là một yêu cầu khách quan. Giai cấp công nhân là giai cấp trung tâm của thời đại mới, đại diện cho quyền lợi dân tộc và quyền lợi giai cấp, bởi vì “trong tất cả các giai cấp hiện nay đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng”¹.

- Phong trào công nhân ra đời và phát triển là quá trình lịch sử tự nhiên. Muốn trở thành một phong trào tự giác, nó phải được vũ trang bằng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin - vũ khí lý luận và tư tưởng của giai cấp công nhân.

- Giai cấp công nhân muốn lãnh đạo cách mạng thành công thì phải được tổ chức thành một chính đảng cách mạng tiên phong. Chỉ khi được tổ chức thành một chính đảng độc lập thì giai cấp công nhân mới có khả năng tập hợp được các lực lượng dân tộc và dân chủ.

- Là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, sứ mệnh của Đảng gắn liền với sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đó là sứ mệnh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

- Sự thành lập Đảng Cộng sản là quy luật của sự vận động

1. C. Mác - F. Ăngghen: Toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 1995, tr. 610.

của phong trào công nhân từ tự phát đến tự giác khi nó được trang bị lý luận cách mạng chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Ở Việt Nam, trong quá trình phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, nhiều chiến sỹ yêu nước đã đi tìm đường cứu nước, nhưng chỉ có Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên tìm thấy chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường giải phóng dân tộc theo đường lối cách mạng Vô sản. Nguyễn Ái Quốc thực hiện công việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đặc điểm ra đời của ĐCSVN có vừa mang tính chất phổ biến vừa mang tính chất đặc thù. Tính phổ biến là tuân thủ quy luật chung về sự ra đời của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế - đó là sự kết hợp của chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Tính đặc thù đó là có thêm yếu tố cấu thành là phong trào yêu nước. Bởi, chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam là một động lực lớn. Thực tiễn ở Việt Nam lúc này có 2 phong trào cùng tồn tại và thúc đẩy nhau, đó là phong trào yêu nước và phong trào công nhân. Hai phong trào này gắn bó mật thiết với nhau trong đấu tranh giải phóng dân tộc, bởi họ có kẻ thù chung là đế quốc Pháp xâm lược và bọn tay sai bán nước, cùng mục tiêu đấu tranh cho độc lập tự do và hạnh phúc của nhân dân. Mặt khác, phong trào yêu nước Việt Nam đấu tranh theo ngọn cờ tư tưởng phong kiến và dân chủ tư sản đều thất bại, vì thế họ khát khao một lý luận cách mạng soi sáng con đường

đấu tranh của mình. Nguyễn Ái Quốc là người phát hiện ra đòi hỏi đó và đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào yêu nước làm chuyên hóa lập trường các chiến sỹ yêu nước, gắn chặt con đường cứu nước giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp theo quỹ đạo cách mạng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Sự chuyển biến đó đã tạo tiền đề vững chắc cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Việt Nam đã thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển. Các phong trào đấu tranh từ năm 1925 đến năm 1929 chứng tỏ giai cấp công nhân đã trưởng thành và đang trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Tình hình khách quan đó, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của tổ chức đảng cách mạng tiên phong.

- Sự phân hóa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã hình thành các tổ chức cộng sản, là sự kiện chứng tỏ việc thành lập Đảng Cộng sản là kết quả tất yếu của sự phát triển phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam vào cuối những năm 20 của thế kỷ XX.

- Ba tổ chức cộng sản ra đời (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của phong trào cách mạng. Việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất là một tất yếu khách quan.

Từ 6/1 đến 7/2/1930 tại Hương Cảng-Trung Quốc, dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, hội nghị hợp nhất các tổ

chức cộng sản đã được tiến hành. Hội nghị đã thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 7. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, ý nghĩa sự ra đời của Đảng?

Trả lời:

Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh xác định những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam:

- *Phương hướng và mục tiêu của cách mạng Việt Nam:*

Chủ trương làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

- *Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền.*

Về chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.

Về kinh tế: Thu tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ.

- *Về lực lượng cách mạng*: Đảng chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các tầng lớp, các lực lượng tiến bộ, các cá nhân yêu nước, trước hết là công nông. Đảng phải thu phục cho được công nông và làm cho giai cấp công nhân đủ sức lãnh đạo cách mạng, đồng thời phải tranh thủ liên lạc với các tầng lớp: tiểu tư sản, trí thức, trung nông ... để kéo họ về phía vô sản giai cấp. Lợi dụng bộ phận phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam chưa rõ bộ mặt phản cách mạng. Bộ phận nào rõ mặt phản cách mạng phải đánh đổ. Trong khi thực hiện sự liên minh tạm thời với các giai cấp, tầng lớp khác không được thỏa hiệp giai cấp.

- *Về đoàn kết quốc tế*: Cương lĩnh khẳng định, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới; phải liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản thế giới.

- *Về Đảng*: Cương lĩnh khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

Những nội dung trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã đặt ra và giải quyết những vấn đề cơ bản, cấp bách và định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển cách mạng Việt Nam. Tinh thần cơ bản của nó là đoàn kết toàn dân, chống đế quốc Pháp thống trị, giành độc lập, hướng tới xã hội cộng sản.

** Ý nghĩa sự ra đời của ĐCSVN*

- Đảng ra đời đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách

mạng nước ta, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước trong những năm đầu thế kỷ XX, đồng thời khẳng định vị trí lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt Nam.

- Đảng ra đời là kết quả tất yếu, khách quan, phù hợp với xu thế thời đại.

- Đảng ra đời là một sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đây chính là điều kiện cơ bản quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Đảng ra đời mở ra thời kỳ mới cho sự phát triển của dân tộc- thời kỳ độc lập dân tộc, dân chủ gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đảng ra đời trở thành ngọn cờ đoàn kết các yếu tố giai cấp, dân tộc, quốc tế tạo thành sức mạnh tổng hợp của cách mạng giành thắng lợi.

Câu 8. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng. So sánh với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

Trả lời:

Tháng 10/1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) đã họp và thông qua bản “Luận Cương chính trị” do đồng chí Trần Phú khởi thảo với những nội dung chính sau:

- *Xác định mâu thuẫn*: ở Đông Dương, mâu thuẫn giữa một bên là thợ thuyền, dân cày, các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ, phong kiến và tư bản đế quốc.

- *Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương*: Lúc đầu cách mạng Đông Dương là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, có tính chất thổ địa và phản đế, “tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng”, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”.

- *Nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền*: đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít. Trong hai nhiệm vụ này, Luận cương xác định: “vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền”.

- *Về lực lượng cách mạng*: Giai cấp vô sản và giai cấp nông dân là 2 động lực chính, trong đó, giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng.

- *Về phương pháp cách mạng*: Luận cương chỉ rõ phải sử dụng bạo lực cách mạng, khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền.

- *Về đoàn kết quốc tế*: Luận cương nhấn mạnh, phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp.

- *Về Đảng*: sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cốt yếu đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng. Đảng đó phải lấy chủ nghĩa Mác- Lênin làm nền tảng, có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, trưởng thành từ trong thực tiễn đấu tranh.

Qua nội dung trên, Luận cương đã có những đóng góp quan trọng về đường lối chiến lược, sách lược cách mạng. Tuy vậy, so với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Luận cương có một số hạn chế, đó là: xác định không đúng mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, do đó không đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Trong khi nhấn mạnh vai trò của công nông, chưa chú ý đến vị trí, vai trò và khả năng cách mạng của giai cấp, tầng lớp khác và sự cần thiết của việc đoàn kết dân tộc, chống đế quốc.

Câu 9. Quá trình phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)?

Trả lời:

Từ ngày 14 đến 31/10/1930, BCH TƯ họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) do Trần Phú-người được Quốc tế Cộng sản phái về tăng cường cho Đảng chủ trì. Hội nghị thông qua nhiều quyết định quan trọng: Phê phán hội nghị hợp nhất chỉ chú trọng thống nhất mà không đấu tranh với như: Đảng, chỉ nhấn mạnh đấu

tranh dân tộc mà coi nhẹ đấu tranh giai cấp, chia đất.... Từ đó quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thủ tiêu Chánh cương, Sách lược vắn tắt của Đảng; thông qua Luận cương chính trị của Đảng.

Luận cương tháng 10-1930 đã phát triển và làm rõ thêm nhiều vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam đó là cuộc cách mạng tư sản dân quyền có hai nhiệm vụ phản đế và điền địa khi hoàn thành sẽ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua phát triển tư bản chủ nghĩa. Luận cương nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến, coi vấn đề ruộng đất là “cái cốt của của cách mạng tư sản dân quyền”, là “cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày”; nhấn mạnh vai trò của liên minh công-nông, của Đảng Cộng sản lãnh đạo với những thuộc tính cụ thể và của cách mạng bạo lực.

- Nhưng Luận cương có những hạn chế:

+ Trong khi Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng chủ trương tập trung vào nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc, thì Luận cương lại chủ trương trước hết tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp, chống địa chủ phong kiến, chia đất, tranh thủ nông dân, sau đó mới tiến lên lãnh đạo toàn dân tộc chống đế quốc, giành độc lập. Chủ trương này không đúng ở Việt Nam.

+ Luận cương nhấn mạnh đến đấu tranh giai cấp, vai trò của giai cấp công nhân và nông dân, đánh giá thấp mặt tích cực, cường điệu mặt tiêu cực của các giai tầng trung gian (tư sản, tiểu tư sản), không thấy sự cần thiết và khả năng tập hợp lực lượng một

mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc. Giai cấp phong kiến, địa chủ bị liệt vào đối tượng phải đánh đổ.

Nguyên nhân của hạn chế này là do bệnh ấu trĩ “tả” khuynh đang phổ biến trong các Đảng lớn của Quốc tế Cộng sản khi đó, do Đảng mới ra đời, còn thiếu kinh nghiệm, không thấy mâu thuẫn hàng đầu ở Việt Nam là mâu thuẫn dân tộc.

Từ Hội nghị BCHTW tháng 10-1930 đến bản “Chương trình hành động của Đảng” tháng 6-1932 và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935) của Đảng, quan điểm, tư tưởng của Luận Cương chính trị (thực chất là của Quốc tế Cộng sản) đã được xác lập và giữ vị trí chủ đạo trong Đảng. Những tư tưởng, quan điểm đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc dù có bảo lưu đã không được chấp nhận.

- Như vậy, vấn đề cơ bản nhất, nhưng cũng khó khăn, phức tạp nhất trong đường lối chính trị của Đảng lúc này là mối quan hệ giữa giai cấp với dân tộc, biểu hiện tập trung ở quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc - dân chủ. Có giải quyết đúng đắn mối quan hệ này mới giải quyết đúng các vấn đề chiến lược khác của cách mạng.

- Trong những năm 1936-1939, tình hình quốc tế và trong nước có nhiều biến đổi. Sự xuất hiện và thống trị của chủ nghĩa phát xít ở Đức-Ý-Nhật là nguy cơ lớn nhất đe dọa nhân loại. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất rộng rãi các lực lượng dân chủ, chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ Liên Xô, bảo vệ dân chủ, hoà bình. ở

Pháp. Chính phủ binh dân tiến bộ lên cầm quyền chủ trương nói lỏng chế độ thuộc địa. Bầu không khí chính trị ở Đông Dương đỡ ngột ngạt hơn. Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng Đông Dương đã hồi phục.

Qua văn kiện “Chung quanh vấn đề chiến sách mới” của Đảng (11/1936) và các Hội nghị Trung ương tiếp sau, Đảng chủ trương chuyển hướng về nhiệm vụ chính trị, hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh cho thích hợp với tình hình mới. Nhiệm vụ phân đế và diễn địa vẫn không thay đổi, nhưng chưa phải là nhiệm vụ trực tiếp. Trước mắt phải tập trung chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, cơm áo, hoà bình, dự bị những điều kiện cho cuộc giải phóng dân tộc phát triển. Chuyển tất cả các hình thức tổ chức “đỏ” (Công hội đỏ, Nông hội đỏ...) mang màu sắc chính trị, sang các tổ chức “tương tế”, “ái hữu” mang màu sắc kinh tế, tận dụng tất cả các hình thức công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp để tập hợp quần chúng và đấu tranh. Đồng thời vẫn duy trì tổ chức và hoạt động bí mật.

Đảng bước đầu điều chỉnh nhận thức về giải quyết quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược dân tộc, dân chủ, cho rằng không nhất thiết phải chống phong kiến trước rồi mới tiến lên chống đế quốc, giành độc lập, mà việc giải quyết hai nhiệm vụ này thể nào là tùy điều kiện cụ thể. Đây là bước tiến quan trọng trong nhận thức, tư duy của Đảng. Tuy nhiên, đây là vấn đề lớn và phức tạp, Đảng vừa hồi phục, phải tập trung vào nhiệm vụ trước mắt là dân sinh, dân chủ nên sự điều chỉnh mới ở bước đầu.

Ngày 1-9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ. Tất cả các dân tộc bị cuốn vào vòng chiến. Vấn đề dân tộc, sự tồn vong của mỗi quốc gia được đặt ra cho tất cả các nước, các đảng chính trị.

Ở Pháp, Chính phủ Bình dân do, Chính phủ phản động Dalecđiê lên cầm quyền. Bon phản động thuộc địa thực hành chính sách thời chiến, ra sức bóc lột, đàn áp các dân tộc.

Mùa thu 1940, Nhật tràn vào Đông Dương. Pháp bỏ chạy, đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật. Đế quốc Pháp và phát xít Nhật cấu kết lẫn nhau, đàn áp, bóc lột nhân dân Đông Dương đến tận xương tuỷ. Đời sống nhân dân khổ cùng “một cổ, hai tròng”, mâu thuẫn dân tộc ở Đông Dương sâu sắc hơn bao giờ hết.

Những biến động của tình hình quốc tế và trong nước là cơ sở khách quan để Đảng Cộng sản Đông Dương từng bước điều chỉnh chiến lược.

Ngay khi chiến tranh thế giới thứ hai sắp nổ ra, Đảng đã rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn.

- Ngày 28/9/1939, trong “Thông báo gửi các cấp bộ Đảng” nhận định: hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề giải phóng dân tộc, vì lúc này, quyền lợi của tất cả các giai cấp đều bị cướp giết, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng. Vì vậy, Hội nghị BCHTW Đảng (tháng 11/1939) và Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ 9 (tháng 5/1941) đã chủ trương điều

chính chiến lược “cách mạng tư sản dân quyền”. Nội dung chủ yếu của chủ trương điều chỉnh chiến lược cách mạng như sau:

+ Xác định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc này là dân tộc giải phóng.

+ Tập trung giải quyết nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là đánh đổ đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc, vì chiến tranh đã thúc đẩy các mâu thuẫn vốn có của xã hội thuộc địa nửa phong kiến lên đỉnh điểm, đòi hỏi phải được giải quyết. Kẻ thù cụ thể, nguy hiểm nhất của cách mạng Đông Dương lúc này là bọn đế quốc và bọn tay sai phản bội dân tộc. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta. “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn phải chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”.

Nhiệm vụ dân chủ-ruộng đất tạm gác lại, chỉ giải quyết có mức độ để tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

+ Thống nhất lực lượng cách mạng, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, tiểu tư sản, tư sản bán xứ, trung tiểu địa chủ, ai có lòng yêu nước thương nòi đều tổ chức vào mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi nhằm giải phóng dân tộc, cứu Tổ quốc. Muốn vậy, phải lập ra một mặt trận mà tên gọi của nó có sức hiệu triệu mạnh mẽ chỉ khí cách mạng, tinh thần yêu nước trong mọi tầng lớp nhân dân. Đảng quyết định thành lập

Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thành lập “Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh” gọi tắt là Mặt trận Việt Minh, các tổ chức quần chúng của mặt trận đều lấy tên là Cứu quốc.

+ Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương. Mỗi dân tộc ở Đông Dương sẽ phải tự giành lấy độc lập, tự do và trên cơ sở đã độc lập, tự do mà tự quyết vấn đề ở lại, hay tách ra khỏi liên bang Đông Dương. Ở Lào thành lập “Mặt trận Ai Lao độc lập đồng minh”, ở Campuchia thành lập “Cao Miên độc lập đồng minh” để tiến hành cuộc giải phóng dân tộc ở mỗi nước. Sau đó lập ra “Đông Dương độc lập đồng minh”.

+ Về thể chế chính trị, sau khi giành được độc lập sẽ thành lập chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, quy định quốc kỳ, quốc ca.

+ Chuyển hướng hình thức tổ chức, hình thức đấu tranh: từ đấu tranh chính trị công khai sang đấu tranh bí mật, bất hợp pháp; ra sức chuẩn bị lực lượng cách mạng, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền là nhiệm vụ hàng ngày của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn cách mạng hiện tại.

+ Hội nghị dự báo thời cơ khởi nghĩa. Phải đi từ khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền ở từng địa phương, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

- Sự điều chỉnh chiến lược trên đây của BCHTW phản ánh sự l
bén của Đảng, đáp ứng

nguyện vọng của toàn thể nhân dân và các dân tộc Đông Dương, có khả năng phát huy cao độ tiềm năng, sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

- Đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của Đảng về nghệ thuật hoạch định đường lối chính trị, trong đó mỗi quan hệ phức tạp nhưng cơ bản nhất lúc này là quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc, dân chủ đã được nhận thức và giải quyết hoàn toàn thỏa đáng.

- Đây là sự khẳng định, kế thừa, phát triển lên một bước mới tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đã được xác lập và trở thành ngọn cờ tư tưởng của Đảng, của cách mạng Việt Nam.

- Sự điều chỉnh chiến lược cách mạng đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định chiều hướng vận động của phong trào dân tộc, trực tiếp quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám.

Câu 10. Chủ trương khởi nghĩa từng phần và chủ trương Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền của Đảng?

Trả lời:

1. Chủ trương khởi nghĩa từng phần của Đảng

Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương. Quân Pháp đã nhanh chóng đầu hàng quân Nhật.

Ngay đêm 9/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng ở làng Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh), ngày 12/3/1945, ra Chỉ thị “Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

- *Chỉ thị nhận định*: Cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một tình hình khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

- *Chỉ thị xác định*: Kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau đảo chính là phát xít Nhật, vì vậy phải thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật- Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”.

- *Chỉ thị chủ trương*: Phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh lúc này phải thay đổi cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa như tuyên truyền xung phong, biểu tình tuần hành, bãi công chính trị, biểu tình phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ cứu quốc, v.v...

- *Chỉ thị nêu rõ phương châm đấu tranh* lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa.

... thuận lợi để thực hiện

tổng khởi nghĩa như khi Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật, quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân đồng minh, để phía sau sơ hở. Cũng có thể cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập, hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần.

2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 2-5-1945, Hồng quân Liên Xô chiếm Béclin, tiêu diệt phát xít Đức tận hang ổ của chúng. Ngày 9-5-1945, phát xít Đức đầu hàng không điều kiện. Ở châu Á, phát xít Nhật đang đi gần đến chỗ thất bại hoàn toàn.

Trước sự phát triển hết sức nhanh chóng của tình hình, Trung ương quyết định họp Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13 đến 15/8/1945. Hội nghị nhận định: Cơ hội rất tốt cho ta giành chính quyền độc lập đã tới và quyết định phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai, trước khi quân trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Hội nghị chỉ rõ khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: "Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!".

Về nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa:

(1) Tập trung, thống nhất và kịp thời

(2) Đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn

(3) Quân sự và chính trị phải phối hợp, làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh.

(4) Thành lập chính quyền nhân dân trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương

Về chính sách đối nội và đối ngoại:

(1) Đối nội: Lấy 10 chính sách lớn của Việt Minh làm chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng.

(2) Đối ngoại: Thực hiện nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, thêm bạn, bớt thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp-Anh, Mỹ-Tường, hết sức tránh trường hợp một mình phải đối phó với nhiều kẻ thù trong cùng một lúc; phải tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, của nhân dân các nước trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp và nhân dân Trung Quốc.

Hội nghị quyết định cử Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do Trường Chinh phụ trách và kiện toàn Ban Chấp hành Trung ương.

Đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh Tổng khởi nghĩa

Ngày 16/8/1945, Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào, Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và

mười chính sách của Việt Minh, quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam.

Câu 11. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ?

Trả lời:

1. Kết quả và ý nghĩa

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân của nước độc lập tự do, làm chủ vận mệnh của mình.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

- Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.

- Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập, tự do.

b. Nguyên nhân thắng lợi

- Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi: Kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ trên thế giới đánh bại. Quân Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã. Đảng ta đã chớp thời cơ đã phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng.

- Cách mạng Tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua 3 cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào cách mạng 1930-1931, Cao trào 1936-1939 và Cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945. Quần chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đó trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- Cách mạng tháng Tám thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cách mạng Tháng Tám. Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đoàn kết thống nhất, nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, là nhân tố chủ yếu nhất, quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

3. Bài học kinh nghiệm

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống địa chủ phong kiến.

- Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông

- Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

- Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

- Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

- Xây dựng một Đảng Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 12. Hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng. Kết quả thực hiện?

Trả lời:

1. Hoàn cảnh nước ta sau cách mạng Tháng Tám

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta đứng trước bối cảnh vừa có những thuận lợi cơ bản, vừa gặp phải nhiều khó khăn to lớn, hiểm nghèo.

Thuận lợi cơ bản là trên cơ sở gì đó, hệ thống XHCN do Liên Xô đứng đầu được hình thành. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển, trở thành một dòng thác cách mạng. Phong trào dân chủ và hoà bình cũng đang vươn lên mạnh mẽ. Ở trong nước, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của đất nước. Lực lượng vũ trang nhân dân được tăng cường. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Khó khăn nghiêm trọng là hậu quả của chế độ cũ để lại như giặc đói, giặc dốt rất nặng nề, ngân quỹ quốc gia trống rỗng. Kinh nghiệm quản lý đất nước của cán bộ các cấp non yếu. Nền độc lập của nước ta chưa được quốc gia nào trên thế giới công

nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Với danh nghĩa Đồng minh đến tước khi giới của phát xít Nhật, quân đội các nước đế quốc ở lại kéo vào chiếm đóng Việt Nam và khuyến khích bọn Việt gian chống phá chính quyền cách mạng, nhằm xoá bỏ nền độc lập và chia cắt nước ta. Nghiêm trọng nhất là quân Anh, Pháp đã đồng loã với nhau nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, hòng tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. “Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm” là những hiểm hoạ đối với chế độ mới, vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”, Tổ quốc lâm nguy.

2. Chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng

Ngày 25- 11- 1945 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”, vạch ra con đường đi lên cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Về chỉ đạo chiến lược, Đảng xác định mục tiêu phải nêu cao của cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là dân tộc giải phóng, khẩu hiệu lúc này là “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”, nhưng không phải là giành độc lập mà là giữ vững độc lập.

Về xác định kẻ thù, Đảng phân tích âm mưu của các nước đế quốc đối với Đông Dương và chỉ rõ “kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”. Vì vậy, phải “lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược”; mở rộng Mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân; thống nhất Mặt trận Việt - Miên - Lào, v.v..

Về phương hướng, nhiệm vụ, Đảng nêu lên bốn nhiệm vụ

chủ yếu và cấp bách cần khẩn trương thực hiện là: “cùng cổ chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân”. Đảng chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa-Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và “Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp.

3. Kết quả thực hiện

Cuộc đấu tranh thực hiện chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng giai đoạn 1945-1946 đã diễn ra gay go, quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự, ngoại giao và đã giành được những kết quả hết sức to lớn.

Về chính trị-xã hội: Đã xây dựng được nền móng cho một chế độ xã hội mới - chế độ dân chủ nhân dân với đầy đủ các yếu tố cấu thành cần thiết.

Về kinh tế, văn hoá: Đã phát động phong trào tăng gia sản xuất, cứu đói, xoá bỏ các thứ thuế vô lý của chế độ cũ, ra sắc lệnh giảm tô 25%, xây dựng ngân quỹ quốc gia. Cuối năm 1945, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, năm 1946 đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện. Tháng 11/1946, giấy bạc “Cụ Hồ” được phát hành. Đã mở lại các trường lớp và tổ chức khai giảng năm học mới. Cuộc vận động toàn dân xây dựng nền văn hoá mới đã bước đầu xoá bỏ được nhiều tệ nạn xã hội và tập tục lạc hậu. Phong trào diệt dốt, bình dân học vụ được thực hiện sôi nổi. Cuối năm 1946, cả nước đã có thêm 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.

Về bảo vệ chính quyền cách mạng: Ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnh Nam Bộ, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến và phát động phong trào “Nam tiến” chi viện Nam Bộ, ngăn không cho Pháp đánh ra Trung Bộ. Ở miền Bắc, bằng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, Đảng và Chính phủ đã thực hiện sách lược nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng để giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam. Khi Pháp - Tưởng ký Hiệp ước Trùng Khánh (28/2/1946), thoả thuận mua bán quyền lợi với nhau, cho Pháp kéo quân ra miền Bắc, Đảng lại mau lẹ chỉ đạo chọn giải pháp hoà hoãn, dàn xếp với Pháp để buộc quân Tưởng phải rút về nước. Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946, cuộc đàm phán ở Đà Lạt, ở Phôngtennôblô (Pháp), Tạm ước 14/9/1946 đã tạo điều kiện cho quân dân ta có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

Câu 13. Đường lối kháng chiến, kiến quốc (1946-1954) của Đảng?

Trả lời:

Đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành từng bước qua thực tiễn đối phó với âm mưu, thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp và được thể hiện tập trung trong ba văn kiện Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng (12-12-1946); *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh (19-12-

1946) và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng Bí thư Trường Chinh (1947).

Nội dung đường lối:

Mục đích kháng chiến: Kế tục và phát triển sự nghiệp *Cách mạng tháng Tám*, "Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập"

Tính chất kháng chiến: Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa. Nó có tính chất toàn dân, toàn diện và lâu dài. Đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

Chính sách kháng chiến: Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp. Đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình. Đoàn kết chặt chẽ toàn dân. Thực hiện toàn dân kháng chiến... phải tự cấp, tự túc về mọi mặt.

Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến: Đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí... Động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến. Giành quyền độc lập, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất Trung, Nam, Bắc. Cùng cố chế độ cộng hoà dân chủ... Tăng gia sản xuất, thực hành kinh tế tự túc...

Phương châm tiến hành kháng chiến: Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Triển vọng kháng chiến: Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi.

Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản nêu trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ.

- Đường lối kháng chiến đã giải quyết thành công hai yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách đặt ra trong cuộc chiến: Có dám quyết tâm kháng chiến không? Làm thế nào để kháng chiến thắng lợi trong điều kiện tương quan so sánh lực lượng ta - địch rất chênh lệch.

Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

- Đến đầu năm 1951, tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương có nhiều chuyển biến mới. Nước ta đã được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng. Song lợi dụng tình thế khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Điều kiện lịch sử đó đặt ra yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng, đưa cuộc chiến tranh đến thắng lợi.

Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 3/1951, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ nhất, mở rộng, tại Trường Chinh, Hà Nội, để nghiên cứu và quyết định những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến trong tình hình mới.

Dương đã họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai tại Tuyên Quang nhằm phát triển bổ sung, hoàn chỉnh đường lối. Đường lối đó được phản ánh trọng Chánh cương của Đảng Lao động Việt Nam. Nội dung cơ bản là:

Tính chất xã hội: Xã hội Việt Nam hiện nay bao gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đang được giải quyết trong quá trình kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp.

Đối tượng cách mạng: Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng: Đối tượng chính hiện nay là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

Nhiệm vụ cách mạng: Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Động lực của cách mạng: Gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức.

Đặc điểm cách mạng: Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân lao động làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Triển vọng của cách mạng: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội: Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ, xen kẽ với nhau.

Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng: Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân. Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động Việt Nam. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam.

Chính sách của Đảng: Có 15 chính sách lớn nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

Quan hệ quốc tế: Việt Nam đứng về phe hoà bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, của Trung Quốc, Liên Xô, thực hiện đoàn kết Việt-Trung-Xô và đoàn kết Việt-Miên- Lào.

Câu 14. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược?

Trả lời:

1. Kết quả

Về chính trị: Đảng ra hoạt động công khai đã có điều kiện kiện toàn tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo đối với cuộc kháng chiến.

- Bộ máy chính quyền năm cấp được củng cố

- Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập

- Chính sách ruộng đất được triển khai, từng bước thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng

Về quân sự: Đến cuối năm 1952, lực lượng chủ lực đã có sáu đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh-pháo binh.

- Các chiến dịch Trung Du, Đường 18, Hà-Nam-Ninh, Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào,... đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư, mở rộng vùng giải phóng của Việt Nam và cho cách mạng Lào...

- Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954 được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỷ XX và đã đi vào lịch sử thế giới như một

chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.

Về ngoại giao: Với phương châm kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao. Ngày 8/5/1954, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh Đông Dương chính thức khai mạc ở Giơnevơ (Thụy Sĩ). Ngày 20/7/1954, các văn bản của Hiệp nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân dân ta kết thúc thắng lợi.

2. Ý nghĩa lịch sử

Đối với nước ta, việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, buộc chúng phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương; đã làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên CNXH làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam, tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đối với quốc tế, thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho CNXH và cách mạng thế giới; cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở ba

nước Đông Dương; mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

3. Nguyên nhân thắng lợi

- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, với đường lối kháng chiến đúng đắn đã huy động được sức mạnh toàn dân đánh giặc; có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi - Mặt trận Liên Việt, được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công-nông-trí vững chắc.

- Có lực lượng vũ trang ba thứ quân do Đảng ta trực tiếp lãnh đạo ngày càng vững mạnh, chiến đấu dũng cảm, mưu lược, tài trí, là lực lượng quyết định tiêu diệt địch trên chiến trường, đè bẹp ý chí xâm lược của địch.

- Có chính quyền dân chủ nhân dân, do dân vì dân được giữ vững, củng cố và lớn mạnh, làm công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

- Có sự liên minh chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia cùng chống một kẻ thù chung; đồng thời có sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.

4. Kinh nghiệm lịch sử

- Đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt sâu rộng đường lối đó cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện, đó là đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài dựa vào sức mình là chính.

- Kết hợp chặt chẽ, đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho CNXH, trong đó nhiệm vụ tập trung hàng đầu là chống đế quốc, giải phóng dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng.

- Thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh, để có tiềm lực mọi mặt đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

- Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài, đồng thời tích cực, chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, đưa kháng chiến đến thắng lợi.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

Câu 15. Hoàn cảnh ra đời, quá trình hình thành, nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của đường lối cách mạng miền Nam (1954-1964)?

Trả lời:

1. Hoàn cảnh lịch sử

Sau Hiệp nghị Giơnevơ, cách mạng Việt Nam vừa có những thuận lợi mới vừa đứng trước nhiều khó khăn phức tạp.

Thuận lợi: Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học-kỹ thuật, nhất là Liên Xô; phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển ở Châu Á, Châu Phi và khu vực Mỹ Latinh; phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước; thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn sau chín năm kháng chiến; có ý chí độc lập thống nhất Tổ quốc của nhân dân từ Nam chí Bắc.

Khó khăn: Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, âm mưu làm bá chủ thế giới với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng; thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; xuất hiện bất đồng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc; đất nước ta bị chia cắt làm 2 miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta.

Một Đảng lãnh đạo hai cuộc cách mạng khác nhau, ở hai miền đất nước có chế độ chính trị khác nhau là đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954. Đặc điểm bao trùm và các thuận lợi, khó khăn nêu trên là cơ sở để Đảng ta phân tích, hoạch định đường lối chiến lược chung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới.

2. Quá trình hình thành và nội dung đường lối

Yêu cầu bức thiết đặt ra cho Đảng ta sau tháng 7/1954 là

phải vạch ra được đường lối đúng đắn, vừa phù hợp với tình hình mỗi miền, tình hình cả nước, vừa phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Tháng 9/1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng. Nghị quyết đã chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của tình hình trong lúc cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới là: từ chiến tranh chuyển sang hòa bình; nước nhà tạm chia làm hai miền; từ nông thôn chuyển vào thành thị; từ phân tán chuyển đến tập trung.

Tại Hội nghị lần thứ 7 (tháng 3/1955); và lần thứ 8 (tháng 8/1955), Trung ương Đảng nhận định: Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Tháng 12/1957, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13, đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng được xác định: "Mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay là: củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình".

Tháng 1/1959, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 họp bàn về cách mạng miền Nam. Trung ương Đảng nhận định: "Hiện nay, cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai

nhệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau... nhằm phương hướng chung là giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội".

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là: giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là: khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, chẳng những đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, mà còn thể hiện rõ bản lĩnh độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng ta trong những năm tháng khó khăn của cách mạng.

Quá trình đề ra và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chủ trương nói trên chính là quá trình hình thành đường lối chiến lược chung cho cách mạng cả nước, được hoàn chỉnh tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960).

Sau khi vạch rõ mâu thuẫn chung của cả nước và những mâu thuẫn cụ thể của từng miền. Đại hội đã xác định:

Nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là: tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoàn bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Thiết thực góp phần tăng cường phe XHCN và bảo vệ hòa bình ở Đông - Nam châu Á và thế giới.

Nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại có hai nhiệm vụ chiến lược: Một là, tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc. Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Mục tiêu chiến lược: Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền trong hoàn cảnh nước nhà bị chia cắt. Hai nhiệm vụ đó lại nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hòa bình, thống nhất Tổ quốc.

Mối quan hệ của cách mạng hai miền: Do cùng thực hiện

một mục tiêu chung nên hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau.

Vai trò nhiệm vụ cách mạng mỗi miền đối với cách mạng cả nước: Cách mạng XHCN ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên CNXH về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

3. Ý nghĩa của đường lối

- Đường lối đó thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam và phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã huy động và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Do đó, đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Đường lối chung của cách mạng Việt Nam đã thể hiện

tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam, vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế của thời đại.

- Đường lối chiến lược chung cho cả nước và đường lối cách mạng ở mỗi miền là cơ sở để Đảng chỉ đạo quân dân ta phấn đấu giành được những thành tựu to lớn trong xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thắng lợi chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam.

Câu 16. Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng (1965-1975)?

Trả lời:

1. Bối cảnh lịch sử

Từ đầu năm 1965, để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chế độ Sài Gòn và sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đã ào ạt đưa quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc vào miền Nam, tiến hành cuộc “Chiến tranh cục bộ” với quy mô lớn; đồng thời dùng không quân, hải quân tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng ta đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước.

Thuận lợi: Khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng thế giới đang ở thế tiến công. Ở miền Bắc, kể

hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt và vượt các mục tiêu về kinh tế, văn hóa. Sự chi viện sức người, sức của của miền Bắc cho cách mạng miền Nam được đẩy mạnh cả theo đường bộ và đường biển.

Ở miền Nam, vượt qua những khó khăn trong những năm 1961-1962, từ năm 1963, cuộc đấu tranh của quân dân ta đã có bước phát triển mới. Ba công cụ của “Chiến tranh đặc biệt” (ngụy quân, ngụy quyền, ấp chiến lược và đô thị) đều bị quân ta tiến công liên tục. Đến đầu năm 1965, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức độ cao nhất đã cơ bản bị phá sản.

Khó khăn: Sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc càng trở nên gay gắt và không có lợi cho cách mạng Việt Nam. Việc đế quốc Mỹ mở cuộc “Chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ và các nước phụ thuộc vào trực tiếp xâm lược miền Nam đã làm cho tương quan lực lượng trở nên bất lợi cho ta

Tình hình đó đặt ra yêu cầu mới cho Đảng ta trong việc xác định quyết tâm và đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhằm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

2. Nội dung đường lối

Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (tháng 3/1965) và lần thứ 12 (tháng 12/1965) đã tập trung đánh giá tình hình và đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên cả nước.

Về nhận định tình hình và chủ trương chiến lược: Trung ương Đảng cho rằng cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, buộc phải thực thi trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược. Từ sự phân tích và nhận định đó, Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc từ Nam chí Bắc.

Quyết tâm và mục tiêu chiến lược: Nêu cao khẩu hiệu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kể tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”.

Phương châm chỉ đạo chiến lược: Tiếp tục và đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam, đồng thời phát động chiến tranh nhân dân chống Mỹ chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc; thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh, càng mạnh và cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở miền Nam:

Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. “Tiếp tục kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công”, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn này, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị để phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng “Chiến tranh cục bộ” ra cả nước.

Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến đấu ở hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam càng đánh càng mạnh. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc đó là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”

3. Ý nghĩa của đường lối

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng được đề ra tại các Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và 12 có ý nghĩa hết sức quan trọng:

- Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

- Thể hiện tư tưởng nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh giặc Mỹ xâm lược.

Câu 17. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)?

Trả lời:

1. Kết quả

Ở miền Bắc, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng,

sau 21 năm nỗ lực phấn đấu, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt được những thành tựu đáng tự hào. Một chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa bước đầu được hình thành. Dù chiến tranh ác liệt, bị tổn thất nặng nề về vật chất, thiệt hại lớn về người, song không có nạn đói, dịch bệnh và sự rối loạn xã hội. Văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục không những được duy trì mà còn có sự phát triển mạnh. Sản xuất nông nghiệp phát triển, công nghiệp địa phương được tăng cường. Miền Bắc không chỉ chia lửa với các chiến trường mà còn hoàn thành xuất sắc vai trò căn cứ địa của cách mạng cả nước và nhiệm vụ hậu phương lớn đối với chiến trường miền Nam.

Ở miền Nam, với sự chỉ đạo, lãnh đạo đúng đắn của Đảng, quân dân ta đã vượt lên mọi gian khổ hy sinh, bền bỉ và anh dũng chiến đấu, lần lượt đánh bại các chiến lược của đế quốc Mỹ và tay sai mà đỉnh cao là đại thắng mùa xuân năm 1975 với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đập tan toàn bộ chính quyền địch, buộc chúng phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

2. Nguyên nhân thắng lợi

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố tạo nên:

- Cuộc kháng chiến của ta vì chính nghĩa và có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng - người đại biểu trung thành cho những lợi ích sống còn của dân tộc.

- Quân dân cả nước với tinh thần yêu nước, bất khuất, chịu đựng mọi hy sinh, gian khổ, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, đặc biệt là sự đấu tranh quyết liệt một mất một còn của các đồng chí, đồng bào miền Nam "Thành đồng của Tổ quốc".

- Công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giành được nhiều thắng lợi làm cho miền Bắc giữ vững được vai trò căn cứ địa của cả nước, hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam, chi viện có hiệu quả cho quân dân miền Nam trực tiếp đánh bại giặc Mỹ và tay sai, đồng thời đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa của đế quốc Mỹ.

- Sự đoàn kết, chiến đấu của nhân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia và sự giúp đỡ, ủng hộ của các nước XHCN anh em, của nhân dân tiến bộ trên thế giới trong đó có cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

- Đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa nên không được sự đồng tình của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới, không phát huy được sức mạnh vật chất và công nghệ của chúng.

3. Ý nghĩa lịch sử

- Đối với nước ta: Đã quét sạch được quân xâm lược ra khỏi đất nước, kết thúc cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài gần một phần ba thế kỷ (1945-1975), đồng thời kết thúc hơn một thế kỷ (1858-1975) đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và thực

dân mới của hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ; đưa lại độc lập, thống nhất, hòa bình cho dân tộc, kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; mở ra một thời kỳ mới: cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

- Đối với thế giới: đã đánh bại cuộc chiến tranh tàn bạo, các liệt, có quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của CNDQ từ sau chiến tranh thế giới thứ 2: làm phá sản liên tiếp nhiều học thuyết và thủ đoạn chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ; phá vỡ một mắt xích quan trọng và mạnh nhất trong hệ thống thuộc địa của CNDQ ở Đông-Nam Á, đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ; đánh dấu sự sụp đổ không tránh khỏi của CNTD mới, góp phần thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới. Đây là một thắng lợi đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.

4. Bài học kinh nghiệm

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã để lại nhiều bài học có giá trị lý luận và thực tiễn:

Một là, phải xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm cách mạng Việt Nam.

Hai là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Ba là, vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành đấu tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Bốn là, chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định

Năm là, phải luôn chú trọng xây dựng Đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

Câu 18. Đường lối công nghiệp hóa của Đảng thời kỳ trước đổi mới. Nhận xét?

Trả lời:

1. Đường lối công nghiệp hóa của Đảng thời kỳ trước đổi mới

- Đường lối công nghiệp hoá (CNH) ở nước ta được hình thành từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960). Đến nay quá trình CNH của nước ta đã tiến hành được gần 50 năm, trong đó có khoảng 25 năm đầu (1960-1986) chúng ta tiến hành CNH theo kiểu cũ, trên cơ sở đường lối CNH của các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, IV (12/1976) và V (3/1982).

- Nội dung cơ bản của đường lối CNH ở nước ta thời kỳ trước đổi mới (1986) được Đảng ta xác định:

+ Trước hết, Đảng khẳng định tính tất yếu của CNH đối với công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta. Trên cơ sở phân tích sâu sắc đặc điểm của miền Bắc, trong đó đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không trải qua giai đoạn phát triển TBCN, Đại hội III của Đảng xác định: Muốn cải biến tình trạng kinh tế lạc hậu của nước ta, không có con đường nào khác, ngoài con đường CNH XHCN. Đồng thời, Đảng xác định ngay từ đầu CNH XHCN là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

+ Thứ hai, mục tiêu cơ bản của CNH XHCN là xây dựng một nền kinh tế XHCN cân đối và hiện đại, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH.

+ Thứ ba, để đạt được mục tiêu đó, vấn đề quan trọng có tính chất quyết định là thực hiện trang bị kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thực hiện cơ giới hoá sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động.

+ Thứ tư, phương hướng chỉ đạo xây dựng và phát triển công nghiệp là: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý; kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng; ra sức phát triển công nghiệp trung ương đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương.

Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, cả nước độc lập, thống nhất và quá độ lên CNXH. Đại hội IV của Đảng (12/1976) tiếp tục khẳng định đường lối CNH ở nước ta trên cơ sở nhất trí với những nhận thức cơ bản về CNH của Đại hội III và có sự phát triển thêm: "Đẩy mạnh CNH XHCN, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của CNXH, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất".

Sau 5 năm chỉ đạo thực hiện CNH trên cả nước, Đại hội V của Đảng (3/1982) đã có sự điều chỉnh quan trọng về đường lối CNH ở nước ta, trong đó chú trọng đến việc cần xác định đúng bước đi của CNH cho phù hợp với mục tiêu và khả năng của mỗi chặng đường. Từ đó Đại hội V xác định: Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đại hội V coi đây là nội dung chính của CNH ở nước ta trong chặng đường trước mắt.

2. Nhận xét

- Đường lối CNH của Đảng thời kỳ trước đổi mới (1960-1986) phản ánh tinh thần trách nhiệm và quyết tâm rất cao của Đảng trước yêu cầu phát triển đất nước theo con đường XHCN. Đó cũng là quyết tâm và nguyện vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, đường lối đó thể hiện sự nóng vội, giản đơn, duy ý chí của Đảng về vấn đề CNH, muốn làm nhanh, làm lớn mà ít quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội. Mặc dù đã có sự điều chỉnh quan trọng về tốc độ, bước đi và nội dung chính của CNH trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta, nhưng về cơ bản và trên thực tế vẫn chưa thoát khỏi những nhận thức cũ về CNH.

- Nhìn chung trong thời kỳ 1960-1986, Đảng ta đã nhận thức và tiến hành CNH theo kiểu cũ với các đặc trưng chủ yếu sau: CNH theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng; CNH chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của các nước XHCN; chủ lực thực hiện CNH là Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước; việc phân bổ nguồn lực để CNH được thực hiện thông qua cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp, không tôn trọng các quy luật của thị trường.

Câu 19. Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về CNH, HĐH?

Trả lời:

- Có thể nói, quá trình đổi mới tư duy của Đảng về CNH

được "khởi động" từ Đại hội V (3/1982) với những điều chỉnh bước đầu về tốc độ, bước đi và nội dung chính của CNH trong chặng đường trước mắt. Tuy nhiên, phải đến Đại hội VI của Đảng (12/1986), quá trình đổi mới tư duy về CNH mới chính thức được bắt đầu bằng việc chỉ ra và phê phán những sai lầm trong nhận thức và chủ trương CNH thời kỳ 1960-1985:

+ Sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, cải tạo XHCN và quản lý kinh tế. Do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết nên chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh CNH trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết.

+ Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư, thường chỉ xuất phát từ lòng mong muốn đi nhanh, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đầu tư nhiều nhưng hiệu quả thấp.

+ Không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đại hội lần thứ V, vẫn chưa thật sự coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Từ việc chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, Đại hội VI của Đảng đã cụ thể hoá nội dung chính của CNH XHCN trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ

là thực hiện cho bằng được ba chương trình mục tiêu: lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đây là mốc đánh dấu tư duy của Đảng về CNH đã cụ thể và phù hợp hơn với đặc điểm, tình hình đất nước.

- Đại hội VII của Đảng (6/1991) đã tổng kết và xác định: phải tiếp tục đẩy mạnh ba chương trình kinh tế mà Đại hội VI đã đề ra và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu CNH XHCN, phải phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế.

- Hội nghị Trung ương 7 khoá VII (tháng 7-1994), đã có bước đột phá mới trong nhận thức về CNH, đó là nhận thức về khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HDH): "CNH, HDH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học-công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao"⁽¹⁾.

- Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) xác định chiến lược CNH, HDH đất nước, mục tiêu là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ

1. DCSVN: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, HN, 2007, tập 53, tr. 554

cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp.

Dại hội VIII đưa ra sáu quan điểm về CNH, HĐH :

+ Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

+ CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

+ Trong quá trình CNH, HĐH phải chú ý đến nguồn lực con người.

+ Động lực của CNH, HĐH là khoa học và công nghệ.

+ CNH, HĐH phải chú ý đến tính khả thi, tính hiệu quả.

+ Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Dại hội VIII xác định nội dung cơ bản của CNH, HĐH:

+ Phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn

+ Xây dựng kết cấu hạ tầng.

+ Phát triển du lịch, dịch vụ.

+ CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn.

- Đại hội IX (tháng 4-2001) và Đại hội X (tháng 4-2006) của Đảng tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới về CNH:

+ Con đường CNH ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước. Tuy nhiên, cần thực hiện các yêu cầu, như: Phát triển kinh tế và công nghệ phải vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt; phát huy lợi thế của đất nước, gắn CNH với HĐH, từng bước phát triển kinh tế tri thức; phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của con người Việt Nam, đặc biệt coi trọng phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xem đây là nền tảng và động lực cho CNH, HĐH.

+ Phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

+ CNH, HĐH đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tức là phải tiến hành CNH, HĐH trong một nền kinh tế mở, hướng ngoại.

+ Đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn hướng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Câu 20. Mục tiêu, quan điểm, nội dung và định hướng CNH, HDH của Đảng trong thời kỳ đổi mới ?

Trả lời:

1. Mục tiêu, quan điểm CNH, HDH

- Mục tiêu cơ bản của CNH, HDH là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Từ mục tiêu cơ bản, mỗi thời kỳ lại có những mục tiêu cụ thể. Đại hội X của Đảng xác định mục tiêu đẩy mạnh CNH, HDH gắn với phát triển kinh tế tri thức để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Quan điểm CNH, HDH

- CNH gắn với HDH và CNH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- CNH, HDH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của CNH, HDH.

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Nội dung và định hướng CNH, HDH

- Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, từng dự án kinh tế-xã hội.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ.

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực nhất là các ngành, các lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

** Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh CNH, HDH gắn với phát triển kinh tế tri thức:*

- Đẩy mạnh CNH, HDH nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn:

+ Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; đẩy nhanh tiến bộ khoa học-kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá, phù hợp đặc điểm từng vùng, từng địa phương.

+ Tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp.

+ Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

+ Hình thành các khu dân cư đô thị với kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội đồng bộ.

+ Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

+ Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân, trước hết là các vùng có sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, giao thông, các khu đô thị mới.

+ Đẩy mạnh hơn các chương trình xoá đói giảm nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ :

+ Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao,

công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật kinh tế-xã hội nhất là các sân bay quốc tế, cảng biển, đường cao tốc, đường ven biển... Phát triển công nghiệp năng lượng. Tăng nhanh năng lực và hiện đại hoá bưu chính viễn thông. Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, đưa tốc độ phát triển của ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Nhà nước kiểm soát chặt chẽ độc quyền và tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng.

- Phát triển kinh tế vùng: Có cơ chế chính sách phù hợp để các vùng cùng phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế vùng. Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao. Có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực cho các vùng khó khăn.

- Phát triển kinh tế biển: Toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, du lịch biển, đảo, công nghiệp đóng tàu biển.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ: Phát triển nguồn nhân lực đến năm 2010 có nguồn nhân lực chất lượng cao, tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội. Phát triển khoa học và công nghệ, lựa

chọn đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số ngành, lĩnh vực then chốt. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để tạo việc làm. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài. Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là cơ chế tài chính.

- Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên: Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia. Ngăn chặn các hành vi huỷ hoại và gây ô nhiễm môi trường. Quan tâm đầu tư cho môi trường. Hoàn chỉnh luật pháp về bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên. Hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng-thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai. Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Câu 21. Đặc trưng của cơ chế quản lý kinh tế trước đổi mới (1986)? Sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế?

Trả lời:

1. Đặc trưng của cơ chế quản lý kinh tế trước đổi mới

- Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp là cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta trong thời kỳ trước đổi mới, (thường được gọi ngắn gọn là cơ chế cũ), có những đặc trưng chủ yếu sau:

+ Nhà nước quản lý toàn bộ nền kinh tế và phân bổ nguồn lực.

hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết áp đặt từ trên xuống dưới. Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chỉ tiêu pháp lệnh được giao, từ phương hướng sản xuất, nguồn vật tư, tiền vốn, định giá sản phẩm, tổ chức bộ máy đến nhân sự, tiền lương. Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch, cấp phát vốn, vật tư cho doanh nghiệp, doanh nghiệp giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Lỗ hay lãi đều do Nhà nước chịu trách nhiệm.

+ Các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp không có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, cũng không bị ràng buộc trách nhiệm đối với kết quả sản xuất kinh doanh.

+ Quan hệ hàng hoá-tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước quản lý kinh tế thông qua chế độ cấp phát-giao nộp. Vì vậy, rất nhiều hàng hoá quan trọng như sức lao động, phát minh sáng chế, tư liệu sản xuất quan trọng, không được coi là hàng hoá về mặt pháp lý.

+ Bộ máy quản lý công kênh, nhiều cấp trung gian vừa kém năng động vừa sinh ra đội ngũ quản lý kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu.

2. Sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

- Cơ chế cũ đã bộc lộ nhiều khuyết tật và hậu quả là nền kinh tế đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy

yếu kinh tế XHCN, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông, và đẻ ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Cách tổ chức, quản lý này cũng hạn chế việc phát huy dân chủ và huy động các nguồn lực xã hội. Chính vì vậy, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành nhu cầu cần thiết và cấp bách.

- Thực tế đã xuất hiện những cách quản lý mới theo hướng thị trường, dù chưa toàn diện và triệt để nhưng đã thể hiện rõ tính hơn hẳn so với cơ chế quản lý cũ về hiệu quả kinh tế. Đó là khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo Chỉ thị số 100-CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương khóa IV; việc bù giá vào lương ở Long An, sử dụng nhiều thành phần kinh tế ở thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 8 khóa V (1985) về giá-lương-tiền; Nghị định số 25 và Nghị định 26/CP của Chính phủ... Đó là những căn cứ và tiền đề thực tế để Đảng quyết định thay đổi về cơ bản cơ chế quản lý kinh tế.

Câu 22. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ 1986 đến 2006?

Trả lời:

Nhận thức, tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI (12-1986) đã có những chuyển biến căn bản và sâu sắc, thể hiện ở những nội dung sau:

- Kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại: Kinh tế thị trường có mầm mống từ trong xã hội nô lệ, hình thành trong xã hội phong kiến và phát triển cao trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản không sản sinh ra kinh tế hàng hoá, do đó kinh tế thị trường với tư cách là kinh tế hàng hoá ở trình độ cao không phải là sản phẩm riêng có của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại. Chỉ có thể chế kinh tế thị trường TBCN hay cách thức sử dụng kinh tế thị trường theo lợi nhuận tối đa của CNTB mới là sản phẩm của CNTB.

- Kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Cơ chế thị trường chỉ đối lập với kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, chứ không đối lập với các chế độ xã hội. Bản thân kinh tế thị trường không phải là đặc trưng bản chất cho chế độ kinh tế cơ bản của xã hội như trước đây chúng ta đã hiểu, mà kinh tế thị trường là thành tựu chung của văn minh nhân loại, nó tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau, và tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Vì vậy, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường không phải là phát triển TBCN hoặc đi theo con đường TBCN, cũng như xây dựng kinh tế XHCN không dẫn đến phủ định kinh tế thị trường. Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã có kết luận quan trọng: sản xuất hàng hoá không đối lập với CNXH, nó tồn tại khách quan và cần

thiết cho xây dựng CNXH. Đại hội VII xác định cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN ở nước ta là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

- Có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng CNXH ở nước ta. Nếu như trước đổi mới, do chưa thừa nhận sự tồn tại của sản xuất hàng hoá và cơ chế thị trường trong thời kỳ quá độ lên CNXH nên đã xem kế hoạch là đặc trưng số một của kinh tế XHCN và thực hiện phân bổ mọi nguồn lực theo kế hoạch là chủ yếu, thì khi bước vào thời kỳ đổi mới, chúng ta đã ngày càng nhận rõ có thể dùng cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ các nguồn lực kinh tế, dùng tín hiệu giá cả để điều tiết chủng loại và số lượng hàng hoá, điều hoà quan hệ cung cầu, điều tiết tỷ lệ sản xuất thông qua cơ chế cạnh tranh, thúc đẩy cải tiến bộ, đào thải cái lạc hậu, yếu kém.

- Đến Đại hội IX của Đảng (4/2001) đã xác định nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Đó là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Đây là bước chuyển quan trọng từ nhận thức kinh tế thị trường chỉ như một công cụ, một cơ chế quản lý, đến nhận thức coi kinh tế thị trường như một chính thể, là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng XHCN.

Câu 23. Nội dung định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở nước ta?

Trả lời:

Đảng ta chủ trương xây dựng và phát triển ở nước ta trong thời kỳ quá độ là một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đó là một sáng tạo trong tư duy lý luận của Đảng về đường lối kinh tế trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, cần phải làm rõ nội dung định hướng XHCN trong nền kinh tế mà chúng ta xây dựng và phát triển là gì để phân biệt về bản chất với các nền kinh tế thị trường khác.

- Đại hội IX của Đảng xác định kinh tế thị trường định hướng XHCN là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH. Đó không phải là kinh tế kế hoạch hoá tập trung, cũng không phải là kinh tế thị trường TBCN, nhưng cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường XHCN vì chưa có được đầy đủ các yếu tố XHCN. Tuy nhiên, tính định hướng XHCN làm cho mô hình kinh tế thị trường ở nước ta khác với kinh tế thị trường TBCN, ở chỗ, trong nền kinh tế đó, các thế mạnh của thị trường được sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân. Tính định hướng XHCN được thể hiện trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất, đó là sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, nhằm mục đích

cuối cùng là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

- Đại hội X của Đảng tiếp tục làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta như sau:

+ Về mục đích phát triển, mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh xoá đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn. Điều đó khác biệt với mục đích tất cả phục vụ lợi nhuận và vì lợi ích của các nhà tư bản, bảo vệ và phát triển CNTB.

+ Về phương hướng phát triển: Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, trong mỗi cá nhân và mọi vùng miền. Phát huy tối đa nội lực để phát triển nhanh nền kinh tế. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, định hướng cho sự phát triển vì mục tiêu đã định.

+ Về định hướng xã hội và phân phối: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với

phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Hạn chế tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

+ Định hướng XHCN còn thể hiện qua chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

+ Về quản lý: Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tiêu chí này thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa kinh tế thị trường TBCN với kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Câu 24. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam?

Trả lời:

Thể chế kinh tế thị trường là một tổng thể bao gồm toàn bộ các quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được hiểu là thể chế kinh tế thị trường, trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là vấn đề mới và phức tạp. Trong hơn 20 năm đổi mới, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta đã được hình thành trên những nét cơ bản. Trên cơ sở đó, Đại hội X của Đảng đề ra mục tiêu, quan điểm và chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

* *Mục tiêu cơ bản:* Làm cho các thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng XHCN, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, hoàn thành cơ bản mục tiêu vào năm 2020.

- *Mục tiêu trước mắt:* Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển thuận lợi; đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn

thể chính trị-xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế-xã hội.

** Quan điểm:*

+ Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, bảo đảm định hướng XHCN của nền kinh tế;

+ Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường, giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, cải thiện môi trường.

+ Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết thực tiễn đổi mới ở nước ta, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

+ Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

+ Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

2. *Chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN:*

- Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

- Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

Câu 25. Kết quả, hạn chế qua hơn 20 năm chuyển sang thể chế kinh tế thị trường. Nguyên nhân?

Trả lời:

1. *Kết quả*

- Qua hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch tập trung, quan liêu, bao cấp, sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, giải quyết khá hài hoà mối quan hệ qua lại giữa ổn định và phát triển.

Đường lối đổi mới của Đảng đã được luật hoá, tạo hành lang pháp lý phù hợp cho sự hình thành và vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Từ chế độ sở hữu toàn dân một thành phần công hữu với hai hình thức quốc doanh và tập thể, chuyển sang hình thành đa sở hữu, nhiều thành phần đan xen, hỗn hợp, trong đó sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất chủ yếu và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đây chính là quá trình dân chủ hoá kinh tế, tạo điều kiện cho dân chủ hoá xã hội, tạo ra động lực và điều kiện thuận lợi cho giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng trong và ngoài nước hướng vào phát triển kinh tế-xã hội.

- Các loại thị trường cơ bản đã ra đời, từng bước phát triển, thống nhất trong cả nước và gắn với thị trường quốc tế. Thay cho cơ chế kế hoạch hoá tập trung, cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước hình thành. Doanh nghiệp được tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh. Nhà nước chuyển sang quản lý kinh tế bằng luật pháp, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

- Đạt nhiều kết quả tích cực trong việc gắn kết phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội.

Sự hình thành và từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH-HDH.

Hạn chế và nguyên nhân

+ Quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế mới còn chậm, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Trong doanh nghiệp nhà nước chưa giải quyết tốt vấn đề sở hữu quản lý và phân phối, nhất là khi cổ phần hoá, gây thất thoát, kém hiệu quả. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác còn bị phân biệt đối xử, các yếu tố thị trường và các loại thị trường tài chính, bất động sản, khoa học-công nghệ...), hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, quản lý và vận hành chưa thông suốt. Chưa xoá bỏ triệt để cơ chế xin-cho, phân bổ nguồn lực chưa hợp lý. Tiền lương còn bình quân.

+ Bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập trong tổ chức, điều hành, hiệu quả quản lý thấp. Cấu cách hành chính chậm, chưa đạt yêu cầu mục tiêu. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu nghiêm trọng.

+ Về văn hoá xã hội đổi mới chậm, chất lượng dịch vụ thấp, khoảng cách giàu-nghèo xa. An sinh xã hội sơ khai. Nhiều vấn đề bức xúc về xã hội, môi trường chưa được giải quyết tốt.

- Nguyên nhân của những hạn chế

+ Vấn đề thể chế thị trường định hướng xã hội chưa hề có tiền lệ, nhận thức, lý luận chưa theo kịp để lý giải và hướng dẫn thực hiện.

+ Năng lực thể chế hoá và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước chậm, nhất là trong định hướng phát triển và xử lý các vấn đề xã hội bức xúc.

+ Dân chủ hoá xã hội chưa được phát huy, có hiệu quả.

Câu 26. Hệ thống chính trị? Nhận xét về hệ thống chính trị ở nước ta thời kỳ 1945-1989

Trả lời:

Trước 1989 gọi là “hệ thống chuyên chính vô sản”, nay là các tổ chức chính trị-xã hội, qua đó nhân dân thực thi quyền lực xã hội. Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và 5 đoàn thể chính trị-xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam) và mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống.

+ Ở mỗi giai đoạn cách mạng “hệ thống chính trị” mang nội hàm đặc thù, được gọi bằng những thuật ngữ khác nhau.

+ Trong giai đoạn 1945-1954

“Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân” dựa trên cơ sở khối đại đoàn kết dân tộc (tập hợp trong Mặt trận Việt Minh và Liên-Việt), nòng cốt là liên minh công-nông-trí thức, có cơ sở kinh tế là nền sản xuất tư nhân hàng hoá nhỏ, tự cấp, tự túc, do Đảng cộng sản lãnh đạo, sự lãnh đạo này ấn dấu trong vai trò của

Quốc hội-Chính phủ, các đảng viên trong hai cơ quan này và của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Cơ sở tư tưởng của các Hệ thống chính trị lúc này là “Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết”.

+ Đã xuất hiện ở mức độ nhất định sự giám sát của xã hội dân sự đối với Nhà nước và Đảng; có sự phản biện của hai Đảng (Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội) đối với Đảng Cộng sản Việt Nam. Do các yếu tố này, và do yêu cầu sống còn của cuộc kháng chiến, đã giảm thiểu rõ rệt tệ nạn thường dễ phát sinh trong bộ máy công quyền.

+ Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân đã hoàn thành nhiệm vụ đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thực sự cho dân tộc, xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho CNXH.

+ *Trong thời kỳ 1954-1989*

+ HTCT DCND chuyển sang làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản (CCVS) ở miền Bắc (1954-1975) và trên cả nước (1975-1989).

Cơ sở hình thành hệ thống chuyên chính vô sản (HTCCVS) ở nước ta là lý luận Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và CCVS, kinh nghiệm của các nước XHCN và thực tiễn đất nước. Thực chất, kể từ Đại hội III (9/1960) đến Hội nghị Trung ương 6 (3/1989), HTCT ở nước ta được tổ chức và hoạt động theo yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ của CCVS.

+ Điểm cốt lõi trong cơ sở chính trị của HTCCVS là Đảng cộng sản lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối, cơ sở kinh tế của hệ thống CCVS là nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp, dựa trên công hữu về TLSX chủ yếu. Nhà nước trở thành một tổ chức kinh tế-xã hội bao trùm. Cơ sở xã hội của HTCCVS là kết cấu gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Từ cách tổ chức và hoạt động của HTCCVS phản chiếu cả ưu, nhược điểm của mô hình kinh tế-xã hội tập trung, đang phổ biến, duy nhất trong hệ thống các nước XHCN.

+ Trong giai đoạn này, Đảng vừa tuân thủ những nguyên tắc chung trong vận dụng lý luận Mác-xít, vừa chú trọng xây dựng HTCCVS mang đặc điểm Việt Nam, mà việc đưa ra khái niệm “quyền làm chủ tập thể XHCN của nhân dân lao động” - bản chất của HTCCVS ở Việt Nam là một ví dụ nổi bật.

Mối quan hệ giữa các yếu tố trong hệ thống CCVS là Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý.

+ HTCCVS được xây dựng đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng bước đầu chế độ mới XHCN ở miền Bắc, bảo đảm cho miền Bắc hoàn thành vai trò quyết định nhất trong sự nghiệp cách mạng cả nước và trong chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nó cũng góp phần đem lại những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn đầy khó khăn, thử thách nhưng năm 1975-1986.

Tuy nhiên, nếu HTCT thời kỳ 1954-1975 đã là cần thiết và thích hợp, phát huy tốt vai trò của nó thì từ sau năm 1975, HTCT bộc lộ nhiều nhược điểm. Mối quan hệ giữa Đảng-Nhà nước và nhân dân ở từng cấp, từng đơn vị chưa được xác định rõ, còn chồng lấn, chế độ trách nhiệm chưa nghiêm, pháp chế còn nhiều thiếu sót.

Bộ máy nhà nước công kênh, cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp dẫn đến chưa phát huy được dân chủ xã hội.

Sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm nhiệm vụ, có tình trạng tập trung-quan liêu. Các đoàn thể chưa phát huy vai trò tổ chức, động viên quần chúng tham gia hoạt động và quản lý kinh tế-xã hội.

Nguyên nhân:

+ Hệ thống CCVS cùng với mô hình tổ chức-quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp được tổ chức và hoạt động thích hợp với thời chiến, nay đất nước chuyển sang hoà bình, thế giới có nhiều điều chỉnh, biến đổi, HTCCVS đã bộc lộ sự trì trệ, bảo thủ.

+ Bệnh chủ quan, duy ý chí, tư tưởng, tiểu tư sản vừa tả, khuynh, vừa hữu khuynh trong lãnh đạo chỉ đạo của Đảng.

+ Sự chậm trễ và lạc hậu trong hoạt động lý luận.

+ Sự cứng nhắc, thiếu khả năng điều chỉnh trong cả hệ thống XHCN.

Câu 27. Quá trình hình thành, mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới ?

Trả lời:

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị của Đảng:

- Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị. Đảng ta khẳng định đổi mới là một quá trình, bắt đầu từ đổi mới kinh tế, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị.

- Về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (năm 1991) khẳng định: Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Báo cáo chính trị của Đại hội VII (6/1991) của Đảng nhấn mạnh, thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ XHCN. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

- Về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đại hội IX (4/2001) của Đảng xác định: Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH theo định

hướng XHCN, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước XHCN phồn vinh, nhân dân hạnh phúc. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công-nông-trí do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

- Về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, trong đó Đảng vừa là bộ phận của hệ thống vừa là hạt nhân lãnh đạo hệ thống, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.

- Về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị. Thuật ngữ "xây dựng nhà nước pháp quyền" lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị Trung ương 2 khoá VII (1991). Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII và các Đại hội VIII, IX và X tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và làm rõ thêm nội dung của nó là: Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội; người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền tự do sống và làm việc theo khả năng và sở thích trong phạm vi pháp luật cho phép.

- Về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng Đảng không làm thay Nhà nước. Đảng quan tâm xây dựng củng cố nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội, phát huy vai trò của các nhân tố này.

2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới.

- *Mục tiêu:* Nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ XHCN, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

- *Quan điểm:*

+ Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

+ Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị năng động hơn, có hiệu quả hơn.

+ Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

+ Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- *Chủ trương:*

+ Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị. Mục tiêu là giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng; phải trên cơ sở kiên định những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Đó là công việc hệ trọng, đòi hỏi phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm.

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN với 5 đặc điểm: Là nhà nước của dân do dân và vì dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp, pháp luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội; nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật; nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

+ Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong hệ thống chính trị. Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam, Luật Thanh niên, Luật Công đoàn, quy chế dân chủ ở mọi cấp để các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

Câu 28. Nội dung cơ bản và kinh nghiệm xây dựng đường lối phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc của Đảng (1986-2008)?

Trả lời:

- Đại hội VI của Đảng (12/1986) đã tổng kết thực tiễn cách mạng nước ta và rút ra bốn bài học kinh nghiệm, trong đó bài học số một là: Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đại hội nhấn mạnh rằng những mục tiêu do Đảng đề ra chỉ có thể đạt được bằng hành động cách mạng sáng tạo của hàng triệu quần chúng.

- Đại hội VII của Đảng (6/1991) với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH đã xác định: Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Vì vậy phải không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: Đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế. Cương lĩnh cũng xác định một trong những phương hướng cơ bản để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh là phải thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng (tháng 1/1994) chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, hoàn thiện các chính sách bảo đảm lợi ích và phát huy vai trò của công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, dân tộc, tôn giáo, các nhà công thương, cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

- Đại hội VIII của Đảng (tháng 6/1996) tiếp tục khẳng định và rút ra bài học về mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, khẳng định vai trò nhân dân trong Đổi mới. Đại hội nêu phương hướng: Cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, cả ở trong nước và ở nước ngoài, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Sau Đại hội VIII, để tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, Đảng đã đề ra những chủ trương lớn:

+ Đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam trên cơ sở lấy đại nghĩa làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tình đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

+ Đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và

Nhà nước ta. Tư tưởng đại đoàn kết phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại.

+ Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Chính quyền nhân dân phải bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Đi đôi với mở rộng dân chủ phải tăng cường kỷ cương, phép nước.

+ Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức tập hợp đa dạng. Tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng từ thấp đến cao, sáng tạo thêm nhiều hình thức hoạt động phù hợp với từng thành phần xã hội. Đại đoàn kết dân tộc là một động lực quan trọng của công cuộc đổi mới.

Những chủ trương trên là sự cụ thể hoá quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân mà Đảng đã vạch ra.

Câu 29. Đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (1986-2008) của Đảng?

Trả lời:

- Thuật ngữ “Xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” xuất hiện lần đầu ở văn kiện

hội nghị Trung ương 2 khoá VII(1994), đánh dấu mốc quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng.

Đại hội VIII (1996) tiếp tục đặt vấn đề xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam “Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức”. Các Hội nghị TW lần thứ 3, 7, 8 (khoá VIII) đó cụ thể hoá một bước những quan điểm trên.

Đại hội IX (2001), Đại hội X (2006) đặt vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, thừa nhận nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử, không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản mà là tinh hoa, sản phẩm trí tuệ của nền văn minh nhân loại.

- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam được xây dựng có 5 đặc điểm:

+ Là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân.

+ Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

+ Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp, pháp luật giữ vai trò tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ

+ Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam do một Đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Những biện pháp lớn để xây dựng Nhà nước pháp quyền:

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể và khả thi của Luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động, quyết định của các cơ quan công quyền.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của quốc hội, hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng của đại biểu quốc hội. Đổi mới quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ra pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao.

Câu 30. Sự phát triển nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH trong hơn 20 năm đổi mới?

Trả lời:

1. Những đổi mới nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH trước Đổi mới

- Nhận thức đúng đắn hơn về tính khó khăn, phức tạp của

con đường đi lên CNXH từ một nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ còn phổ biến; về bước đi và những chặng đường phải trải qua;

- Nhận thức về sự cần thiết phải giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát triển nhiều thành phần kinh tế; sự cần thiết của sản xuất hàng hoá và sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hoá;

- Nhận thức về sự cần thiết phải thay đổi cơ chế quản lý kinh tế, xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh XHCN;

- Về sự cần thiết phải tạo ra động lực mạnh mẽ cho người lao động - đó là quan tâm đến lợi ích vật chất thiết thân của người lao động.

Đó là những bước chuẩn bị quan trọng, tạo tiền đề cho bước nhảy vọt trong nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Đại hội VI (12-1986)

2. Đại hội VI của Đảng đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, bao gồm đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức-cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác, trong đó đặc biệt nhấn mạnh phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Từ đó, Đại hội VI đề ra ba Chương trình kinh tế lớn là lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, xem đó là mũi nhọn phát triển kinh tế trong thời kỳ mới, đồng thời chủ trương kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới. Đại hội VI khẳng định

nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên CNXH, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh CNH XHCN. Tiến hành đổi mới chính sách kinh tế gắn với đổi mới chính sách xã hội, coi sự tác động qua lại của hai loại chính sách này là nhân tố cơ bản bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Đây là lần đầu tiên trong quan niệm về CNXH, chính sách xã hội và mối tương quan của nó với chính sách kinh tế được đặt đúng tầm.

- Đại hội VII của Đảng (6/1991) thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong đó, cùng với xác định rõ nội dung và tính chất của thời đại, đã làm nổi bật hai nội dung cơ bản:

+ Một là quan niệm tổng quát nhất về xã hội XHCN mà chúng ta cần xây dựng: Xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có mối quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

+ Hai là những phương hướng cơ bản để xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ mới. Để bảo đảm giữ vững định hướng

XHCN trong quá trình đổi mới, phải kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, kiên định và phát triển nền tảng tư tưởng lý luận cách mạng và khoa học, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN; Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội khác nhau; Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

+ Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (1994) đưa ra mục tiêu tổng quát của quá trình xây dựng CNXH ở nước ta là phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Đại hội VIII của Đảng (6/1996) tiếp tục làm rõ hơn quan niệm về chặng đường đầu tiên và chặng đường tiếp theo trong thời kỳ quá độ ở nước ta; chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước là phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Đại hội làm rõ hơn định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; tiếp tục khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; tiếp tục khẳng định phát triển giáo dục-đào tạo và khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, là khâu đột phá trong quá trình thực hiện CNH, HĐH.

- Đại hội IX của Đảng (4/2001) xác định, thực tiễn và thành tựu qua 15 năm đổi mới giúp chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về CNXH và con đường đi lên CNXH. Con đường đi lên CNXH ở nước ta là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, có nghĩa là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt là về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

- Đại hội X của Đảng (4/2006) tiếp tục khẳng định các quan điểm của Đại hội VI, VII, VIII, IX về CNXH và con đường đi lên CNXH, đồng thời phát triển mô hình CNXH ở nước ta; làm rõ hơn tính định hướng XHCN trong việc phát triển kinh tế thị trường.

Câu 31. Nhận xét về việc thực hiện đường lối đổi mới chính trị qua hơn 20 năm đổi mới?

Trả lời:

- HTCT đổi mới cả về tổ chức, hoạt động. Nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân được xây dựng và từng bước hoàn thiện.

Tổ chức bộ máy của HTCT được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hoạt động hướng về cơ sở. Các cơ quan quyền lực Nhà nước đã có nhiều đổi mới theo hướng cải cách hành chính.

dân chủ, công khai. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước nâng cao, dân chủ xã hội có bước phát triển.

- Nhiệm vụ, quyền hạn các các nhà nước được phân định rõ hơn. Nhà nước từng bước được kiện toàn cả về tổ chức và hoạt động, trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường. Sự lãnh đạo của Đảng với Nhà nước được thể chế hoá trong Hiến pháp.

- Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội đổi mới về tổ chức, bộ máy. Nội dung và phương pháp hoạt động, đa dạng, hiệu quả, chăm lo lợi ích chính đáng của dân, tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bước đầu thể hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

- Đảng thường xuyên coi trọng việc đổi mới và tự chỉnh đốn, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo xã hội. Phương thức lãnh đạo, phong cách công tác nhiều đổi mới, tiến bộ, dân chủ được phát huy, quan hệ với nhân dân được củng cố.

- Những đổi mới quan trọng của hệ thống chính trị, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy... đã khắc phục dần dần những nhược điểm của hệ thống chuyên chính vô sản trước đây, góp phần tạo nên thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở VN.

Nhược điểm:

- Năng lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý,

điều hành của Nhà nước, hoạt động của Mặt trận và các tổ chức quần chúng ngang tầm nhiệm vụ.

- Cải cách hành chính chậm, bộ máy còn công kênh, quản lý chưa hiệu quả, phát sinh nhiều tiêu cực.

- Mặt trận, các tổ chức quần chúng chưa thoát khỏi tình trạng “hành chính hoá”, chất lượng giám sát, phản biện còn yếu, dân chủ còn bị vi phạm.

Nguyên nhân:

- Chủ yếu là do nhận thức về đổi mới HTCT chưa thống nhất, dẫn đến hoạch định, thực hiện chính sách còn ngập ngừng, lúng túng.

- Đổi mới HTCT chưa tương xứng với đổi mới kinh tế.

- Lý luận về HTCT và đổi mới HTCT còn nhiều điểm chưa sáng tỏ.

Câu 32. Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá trước đổi mới? Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân?

Trả lời:

1. Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá trước đổi mới:

- Đề cương văn hoá Việt Nam (1943) xác định văn hoá là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hoá) của cách mạng Việt Nam, và đề ra ba nguyên tắc xây dựng nền văn hoá

mới: Dân tộc hoá (chống lại mọi ảnh hưởng của văn hoá nô dịch và thuộc địa), Đại chúng hoá (chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hoá phân lại hoặc xa rời quần chúng), Khoa học hoá (chống lại tất cả những gì làm cho văn hoá phân tiến bộ, trái khoa học). Có thể coi Đề cương văn hoá Việt Nam là bản tuyên ngôn, là cương lĩnh của Đảng về văn hoá trước Cách mạng Tháng Tám mà ảnh hưởng của nó còn mãi tới sau này.

- Ngày 3/9/1945, phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ đã thông qua 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày), trong đó có hai nhiệm vụ thuộc về văn hoá là phải diệt giặc đói và phải giáo dục lại nhân dân ta, làm cho dân tộc ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Đây là hai sự nghiệp rất khiêm tốn nhưng đáp ứng được những yêu cầu căn bản nhất của nhiệm vụ xây dựng văn hoá ở nước ta thời điểm đó và sau này.

- Đầu năm 1946, Ban Trung ương vận động Đời sống mới được thành lập và tổ chức cuộc vận động thực hiện Đời sống mới nhằm giáo dục lại tinh thần của nhân dân.

- Đường lối văn hoá kháng chiến được hình thành trong các văn kiện: Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" của Ban Thường vụ TƯ Đảng (11/1945); Bức thư về "Nhiệm vụ văn hoá Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước hiện nay" của Trường Chinh gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh (16/11/1946); Báo cáo "Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam" của Trường Chinh trình

bày trong Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai (7/1948). Nội dung: Xác định mối quan hệ giữa văn hoá và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hoá cứu quốc; xây dựng nền văn hoá dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Khẩu hiệu thiết thực là Dân tộc, Dân chủ (nghĩa là yêu nước và tiến bộ); tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ; giáo dục lại nhân dân, cổ động thực hành đời sống mới; phát triển cái hay trong văn hoá dân tộc; đồng thời bài trừ cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sự thâm nhập của văn hoá thực dân, phản động; đồng thời học cái hay, cái tốt của văn hoá thế giới; hình thành đội ngũ trí thức mới đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến kiến quốc và cho cách mạng Việt Nam.

- Đại hội III của Đảng (9/1960) chủ trương tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng về khoa học, kỹ thuật nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá mới, con người mới. Mục tiêu cơ bản là làm cho nhân dân thoát nạn mù chữ và thói hư tật xấu do xã hội cũ để lại, có trình độ văn hoá ngày càng cao, có hiểu biết cần thiết về khoa học, kỹ thuật tiên tiến để xây dựng CNXH, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá.

- Đại hội IV và V của Đảng tiếp tục đường lối phát triển văn hoá của Đại hội III, xác định nền văn hoá mới là nền văn hoá có nội dung XHCN và tính chất dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân. Nhiệm vụ văn hoá quan trọng của giai đoạn này là tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước, phát triển mạnh

khoa học, văn hoá nghệ thuật, giáo dục tinh thần làm chủ tập thể, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xoá bỏ ảnh hưởng của tư tưởng, văn hoá thực dân mới ở miền Nam.

2. Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân

- Thành tựu :

+ Nền văn hoá dân chủ mới - văn hoá cứu quốc đã bước đầu được hình thành và đạt nhiều thành tựu trong kháng chiến và kiến quốc. Đã xoá bỏ dần những mặt lạc hậu, lỗi thời trong di sản văn hoá phong kiến và văn hoá nô dịch của thực dân Pháp, bước đầu xây dựng nền văn hoá dân chủ mới với tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Nhiều triệu đồng bào mù chữ đã biết đọc biết viết. Phát triển hệ thống giáo dục, cải cách phương pháp dạy học, thực hành rộng rãi đời sống mới, bãi trừ hủ tục, lạc hậu. Động viên nhân dân tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

+ Trong những năm 1955-1986, sự nghiệp giáo dục, văn hoá của miền Bắc XHCN phát triển với tốc độ cao ngay cả trong khi có chiến tranh, phát huy vai trò tích cực trong chiến đấu và sản xuất. Hoạt động văn hoá, văn nghệ cũng phát triển trên nhiều mặt với nội dung lành mạnh, góp phần xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Trình độ văn hoá chung của xã hội được nâng lên một mức đáng kể. Lối sống mới đã trở thành phổ biến, người với người sống có tình, có nghĩa, đoàn kết thương yêu nhau.

- Hạn chế và nguyên nhân:

+ Việc xây dựng thể chế văn hoá còn chậm. Đời sống văn học nghệ thuật còn có những mặt bất cập. Một số công trình văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống có giá trị không được quan tâm bảo tồn, lưu giữ, thậm chí bị phá huỷ, mai một.

+ Đường lối xây dựng, phát triển văn hoá giai đoạn 1955-1986 bị chi phối bởi tư duy chính trị "nắm vững chuyên chính vô sản" mà thực chất là nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, đấu tranh ý thức hệ đối lập. Mục tiêu, nội dung cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá giai đoạn này cũng bị quy định bởi cuộc cách mạng quan hệ sản xuất mà tư tưởng chỉ đạo là xóa bỏ nhanh, triệt để tư hữu, bóc lột, đưa quan hệ sản xuất XHCN đi trước một bước, tách rời trình độ phát triển thực tế của lực lượng sản xuất.

+ Chiến tranh cùng với cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp và tâm lý bình quân chủ nghĩa đã làm giảm động lực phát triển văn hoá, giáo dục, kìm hãm năng lực tự do sáng tạo.

Câu 33. Quá trình đổi mới tư duy về văn hoá, quan điểm chỉ đạo và chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hoá mới?

Trả lời:

1. *Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá*

Từ Đại hội VI đến Đại hội X, Đảng ta đã hình thành từng

bước nhận thức mới về đặc trưng của nền văn hoá mới mà chúng ta cần xây dựng; về chức năng, vai trò, vị trí của văn hoá trong phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế.

- Đại hội VI của Đảng (12/1986) xác định khoa học-kỹ thuật là một động lực to lớn thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế-xã hội; có vị trí then chốt trong sự nghiệp xây dựng CNXH.

- Đại hội VII (9/1991) lần đầu tiên đưa ra quan niệm nền văn hoá Việt Nam có đặc trưng: tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thay cho quan niệm nền văn hoá Việt Nam có nội dung XHCN, có tính chất dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân được nêu ra trước đây. Đại hội VII chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ; hướng tới chân, thiện, mỹ; khẳng định tiếp tục tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, làm cho thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng văn hoá phản tiến bộ, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên CNXH. Xác định giáo dục và đạo tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

- Từ Đại hội VII đến Đại hội X, Đảng luôn xác định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội và coi văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Đây là một tầm nhìn mới về văn hoá phù hợp với tầm nhìn chung của thế giới đương đại. Khoa học và giáo dục là then chốt và động lực, là quốc sách hàng đầu để phát huy nhân tố con người trong xây dựng, phát triển đất nước.

- Nghị quyết Trung ương 5, khoá VIII (7-1998) nêu ra 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình phát triển văn hoá trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước.

- Hội nghị TƯ 9 khoá IX (1-2004) xác định thêm "phát triển văn hoá đồng bộ với phát triển kinh tế"

- Hội nghị TƯ 10 khoá IX (7-2004) đặt vấn đề bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với nhiệm vụ không ngừng nâng cao văn hoá-nền tảng tinh thần của xã hội. Đây chính là bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng về vị trí của văn hoá và công tác văn hoá trong quan hệ với các công tác khác.

2. Quan điểm chỉ đạo và chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hoá mới của Đảng thời kỳ đổi mới

- Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội.

- Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- Văn hoá là một mặt trận. Xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Câu 34. Quá trình đổi mới nhận thức và quan điểm, chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới?

Trả lời:

1. Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

- Bắt đầu từ Đại hội VI, Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội, đặt rõ tầm quan trọng của chính sách xã hội đối với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác. Đại hội cho rằng trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Đây là chính sách đối với con người, do đó cần có chính sách xã hội cơ bản,

lâu dài phù hợp với yêu cầu khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời thực hiện tốt các chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Đại hội VIII của Đảng tiếp tục khẳng định, bổ sung các quan điểm:

+ Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển.

+ Thực hiện nhiều hình thức phân phối.

+ Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói, giảm nghèo.

+ Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá.

- Đại hội IX chủ trương các chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

- Đại hội X của Đảng chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương.

- Hội nghị TƯ 4 khoá X (1-2007) nhấn mạnh phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình thực thi các

cam kết với WTO. Xây dựng cơ chế đánh giá và cảnh báo định kỳ về tác động của việc gia nhập WTO đối với lĩnh vực xã hội để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.

2. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội.

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.

- Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ

- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI), và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

3. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

- Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

- Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.

- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nòi.

- Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.
- Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.
- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

Câu 35. Nhận xét về kết quả hạn chế và nguyên nhân của việc thực hiện chính sách văn hoá-xã hội qua hơn 20 năm đổi mới?

Trả lời:

1. Kết quả:

Cơ sở vật chất, kỹ thuật của nền văn hoá mới đó bước đầu được xây dựng; quá trình đổi mới tư duy về văn hoá, và xây dựng con người và nguồn nhân lực có bước phát triển rõ rệt; môi trường văn hoá chuyển biến theo hướng tích cực; hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hoá được mở rộng.

- Giáo dục-đào tạo có bước phát triển rõ rệt; môi trường văn hoá chuyển biến theo hướng tích cực; hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hoá được mở rộng.

- Giáo dục-đào tạo có bước phát triển mới về quy mô, chất lượng, cơ sở vật chất-kỹ thuật. Dân trí được nâng cao.

- Khoa học-công nghệ có bước phát triển mới về quy mô, chất lượng, cơ sở vật chất-kỹ thuật. Dân trí được nâng cao.

- Khoa học-công nghệ có bước phát triển, phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Đời sống văn hoá phát triển phong phú, đa dạng

- Việc xây dựng đời sống văn hoá, nếp sống văn minh tiến bộ trên cả nước, những thành tựu trong xây dựng phát triển văn hoá chứng tỏ đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đúng đắn và tích cực phát huy được vai trò định hướng cho văn hoá đây cũng là thành tựu của các lực lượng hoạt động trong lĩnh vực văn hóa của toàn dân.

2. Hạn chế và nguyên nhân.

- Hiệu quả và hoạt động văn hoá chưa tương xứng (với yêu cầu của thời kỳ đổi mới và những biến đổi ngày càng nhanh chóng phong phú của đời sống xã hội) chưa vững chắc chưa đủ để tạo ra tác động tích cực đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực tư tưởng. Đạo đức, lối sống xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng, Nhà nước và niềm tin của nhân dân.

- Sự phát triển văn hoá chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, chưa gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gây ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế. Chưa xây dựng con người mới tương xứng thời kỳ công nghiệp hóa. Môi trường văn hoá xuống cấp, không đủ sức lấn át các hiện tượng phản văn hoá, tiêu cực. Thiếu các sản phẩm, dịch vụ văn hoá chất lượng cao.

- Xây dựng thể chế văn hoá chậm, chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, chưa phát huy được vai trò động lực với đời sống đất nước.

- Tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống văn hoá, tinh thần ở vùng sâu, xa chưa được khắc phục. Chênh lệch về mức hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, các tầng lớp cư dân tiếp tục mở rộng.

- Có những nguyên nhân khách quan, nhưng còn nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan của những yếu kém là:

+ Chưa quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quan điểm phát triển văn hoá của Đảng. Bệnh chủ quan, duy ý chí, khủng hoảng chính sách, giải pháp phát triển văn hoá trong cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa, và hội nhập quốc tế, một bộ phận những người hoạt động trên lĩnh vực văn hoá có biểu hiện thực dụng, xa rời thiên chức của văn hoá, thị hiếu thấp kém ... là những tác nhân chống chọi gây bất lợi cho sự phát triển của văn hoá, cần được nhận biết và khắc phục.

Câu 36. Nhận xét về đường lối đối ngoại của Đảng từ 1975-1986 (Nội dung, ưu, nhược điểm, nguyên nhân)?

Trả lời:

- Sau đại thắng mùa Xuân 1975, đất nước bước vào thời kỳ mới với những thuận lợi rất cơ bản: Tổ quốc hoà bình, thống nhất bước vào thời kỳ xây dựng hoà bình với hào khí của một

dân tộc vừa chiến thắng. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã thu được những thành tựu rất quan trọng. Trên thế giới, phong trào cách mạng, tiến bộ phát triển mạnh mẽ, cuộc cách mạng khoa học-công nghệ đang tạo ra những thời cơ, vận hội mới cho hoà bình, hợp tác, phát triển.

Mặt khác, đất nước đang đứng trước những khó khăn, thử thách gay gắt. Đất nước từ nghèo nàn, lạc hậu đi lên, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề trên cả hai miền, các thế lực thù địch ráo riết phá hoại, đất nước vừa có hoà bình, vừa phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt. Tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn đi nhanh lên CNXH cũng gây khó khăn không nhỏ.

Những tác động đa chiều của tình hình quốc tế-trong nước yêu cầu Đảng phải có chính sách đối ngoại thích hợp, tranh thủ thời cơ thuận lợi; vượt qua thách thức để tái thiết, xây dựng đất nước.

- Nội dung của đường lối đối ngoại

+ Đại hội IV xác định: “Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH ở nước ta”.

Đại hội chủ trương: Củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ với các nước XHCN, bảo vệ và phát triển mối quan hệ Việt Nam-Lào-Campuchia; sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực, thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

+ Từ giữa năm 1978, Đảng điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại, chú trọng củng cố, tăng cường hợp tác toàn diện với Liên Xô - coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; nhấn mạnh việc bảo vệ quan hệ đặc biệt Việt-Lào trong bối cảnh tình hình Campuchia diễn biến phức tạp, góp phần xây dựng khu vực Đông Nam Á hoà bình, tự do, trung lập, ổn định; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

+ Đại hội V của Đảng xác định công tác đối ngoại là mặt trận chủ động, tích cực làm thất bại sự chống phá của địch, khẳng định sự đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên Xô, mối quan hệ đặc biệt Việt-Lào-Campuchia, chủ trương đối thoại, thương lượng với các nước ASEAN và một khu vực hoà bình, ổn định, khôi phục và bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, mở rộng quan hệ về các mặt với các nước, không phân biệt chế độ chính trị.

- Kết quả thực hiện, ý nghĩa, nguyên nhân

+ Quan hệ với các nước XHCN được tăng cường, đặc biệt là với Liên Xô và Hội đồng tương trợ kinh tế (khối SEV).

+ Đã thiết lập mối quan hệ ngoại giao với 23 nước; tiếp nhận ghế thành viên tại Liên Hợp quốc (20/9/1977), tham gia vào một số tổ chức quốc tế: Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), phong trào không liên kết. Một số nước tư bản mở rộng buôn bán với Việt Nam.

Với khu vực Đông Nam Á, Philippin và Thái Lan là

những nước cuối cùng trong tổ chức ASEAN thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

- Ý nghĩa: Tranh thủ nguồn lực quốc tế cho khôi phục, phát triển đất nước, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các nước phát huy vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Đã có những bước đi và tiền đề đầu tiên cho việc triển khai hoạt động đối ngoại về sau, nhằm xây dựng Đông Nam Á hoà bình, hữu nghị, hợp tác.

- Hạn chế và nguyên nhân

+ Nước ta bị bao vây, cô lập

+ Nguyên nhân do chúng ta chưa nắm bắt được xu thế chuyển từ đối đầu sang đối thoại và chạy đua kinh tế thế giới, do đó chưa tranh thủ được điều kiện quốc tế thuận lợi để khôi phục, phát triển đất nước, chưa kịp thời đổi mới chính sách đối ngoại cho phù hợp. Đó là do “bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan” như Đại hội VI (12-1986) của Đảng đã chỉ ra.

Câu 37. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng trong thời kỳ đổi mới (hoàn cảnh lịch sử, quá trình hình thành, nội dung cơ bản)?

Trả lời:

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Từ giữa những năm 1980, cuộc cách mạng khoa học

công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc.

- Xu thế toàn cầu hoá và tác động của nó vượt qua các biên giới quốc gia, hình thành quan hệ đa chiều, đa lĩnh vực giữa các nước.

- Sự tan rã của trật tự thế giới hai cực, hình thành trật tự thế giới mới.

- Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương từ những năm 1990 có nhiều chuyển biến mới: Trong khu vực tuy vẫn còn tồn tại những bất ổn nhưng vẫn được đánh giá là khu vực ổn định; Có tiềm lực lớn và năng động về phát triển kinh tế. Xu thế hoà bình và hợp tác trong khu vực phát triển mạnh.

Từ đó, tất cả các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược đối nội, đối ngoại cho phù hợp.

- + Trong bối cảnh mới, Việt Nam cần điều chỉnh cả đối nội, đối ngoại, phá thế bị bao vây, cấm vận, tranh thủ những nhân tố quốc tế, thời đại mà đi lên.

2. Quá trình hình thành, phát triển đường lối

- *Giai đoạn 1986-1996:* Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.

- + Đại hội VI cho rằng: Xu thế mở rộng phân công, hợp tác

giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế-xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta. Vì vậy, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới, cần mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước ngoài hệ thống XHCN, với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi. Tháng 12/1987, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành. Đây là lần đầu tiên Nhà nước Việt Nam tạo ra cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam - mở cửa để thu hút nguồn vốn, thiết bị và kinh nghiệm tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

+ Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị (5/1988) về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, khẳng định mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải cùng cố và giữ vững hoà bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế. Bộ Chính trị chủ trương kiên quyết chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình ; lợi dụng sự phát triển của cách mạng khoa học-kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới để tranh thủ vị trí có lợi nhất trong phân công lao động quốc tế; kiên quyết mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, ra sức đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Đây là Nghị quyết đánh dấu sự đổi mới tư duy đối ngoại và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng ta. Sự chuyển hướng này đã đặt nền móng hình

thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.

+ Đại hội VII của Đảng (6/1991) đề ra chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình, với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển". Đại hội VII cũng xác định: Quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới là một trong sáu đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng.

+ Tháng 1 năm 1994, Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII chủ trương triển khai mạnh mẽ và đồng bộ đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại, trên cơ sở tư tưởng chỉ đạo là giữ vững nguyên tắc độc lập, thống nhất và CNXH, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp.

- *Giai đoạn 1996-2008*: Bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đại hội VIII (tháng 6/1996) khẳng định tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế, chính trị khu vực và quốc tế. Đồng thời chủ trương xây dựng nền kinh tế mở và đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. So với Đại hội VII, chủ trương đối ngoại

của Đại hội VIII có các điểm mới, đó là chủ trương mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác; mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ; chủ trương thử nghiệm trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể hoá quan điểm của Đại hội VIII, Hội nghị TƯ 5 khoá VIII (12/1997) đề ra chủ trương tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập WTO.

+ Đại hội IX (4/2001) nhấn mạnh chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực. Đại hội IX nêu rõ quan điểm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp phát triển đất nước. Đại hội IX đã phát triển phương châm "Việt Nam muốn là bạn với các nước trong công đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển" thành "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển".

+ Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị (11/2001) về hội nhập kinh tế quốc tế đề ra 9 nhiệm vụ cụ thể và 6 biện pháp tổ chức thực hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết TƯ 9 khoá IX (1/2004) nhấn mạnh yêu cầu chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm ra nhập WTO, kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện của các lợi ích cục bộ làm kìm hãm tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đại hội X (4/2006) tiếp tục khẳng định đường lối đối ngoại của Đảng đã đề ra từ các đại hội trước, đồng thời đề ra chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế: Hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế, phân tích lựa chọn phương thức hội nhập đúng, dự báo được những tình huống thuận lợi và khó khăn khi hội nhập; Khẩn trương chuẩn bị, điều chỉnh đổi mới bên trong, tích cực nhưng phải thận trọng, vững chắc.

Đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế được xác lập trong 10 năm đầu của thời kỳ đổi mới, đến Đại hội X được bổ sung, phát triển theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế.

Câu 38. Đường lối bảo vệ Tổ quốc XHCN trong thời kỳ đổi mới (bối cảnh lịch sử, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ)?

Trả lời:

1. Bối cảnh lịch sử

- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ làm thay đổi nhanh chóng nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quân sự trên quy mô toàn cầu cũng như trong mỗi

quốc gia dân tộc. Các loài hình chiến tranh mới xuất hiện, nhất là chiến tranh công nghệ cao.

- Xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ tác động tích cực và tiêu cực đến mọi quốc gia, dân tộc, đặt ra nhiều thách thức trong việc củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ tổ quốc của tất cả các quốc gia dân tộc. Sau sự kiện 11/9/2001, Mỹ mở rộng khối NATO để thực hiện chiến lược toàn cầu và hy vọng thiết lập trật tự thế giới mới do Mỹ đứng đầu, tăng cường can thiệp. Các nước lớn có xu hướng hoà hoãn, tránh đối đầu quân sự, thối hiệp, hợp tác đan xen với đấu tranh. Điều đó tạo nên sự ổn định tương đối nhưng tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn, gây xâm hại đến lợi ích của nhiều quốc gia dân tộc, nhá yếu khác.

- Các nước XHCN, các Đảng Cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng được phục hồi và củng cố nhưng chưa thể trở thành sức mạnh thống nhất như trước đây.

- Khu vực Đông Nam Á, môi trường an ninh không ổn định và có những diễn biến phức tạp; kinh tế tiếp tục tăng trưởng, đan xen cả rủi ro và khủng hoảng.

- Chính sách của một số nước và hoạt động của các thế lực thù địch chống Việt Nam: Thực hiện chiến lược diễn biến hoà bình; gây bạo loạn lật đổ cục bộ địa phương...

- Thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo đã mang lại niềm tin trong nhân dân và sự ổn định chính trị xã hội, phát triển kinh tế *Đến ...*

- Những hạn chế, bất cập và những vấn đề này sinh trong quá trình đổi mới cũng gây ra những khó khăn, phức tạp cho nhiệm vụ bảo đảm an ninh-quốc phòng trong điều kiện mới.

2. Mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của Đảng trong thời kỳ mới

- Kế thừa những quan điểm tư tưởng về mục tiêu bảo vệ Tổ quốc XHCN của các kỳ Đại hội VI,VII, VIII, IX, Hội nghị TƯ 8 khoá IX đã xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc XHCN trong giai đoạn mới là: Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, CNH,HĐH đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

- Quan điểm chỉ đạo :

+ Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

+ Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH; lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế-xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

+ Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Sức mạnh bên trong là nhân tố quyết định, nắm chắc nhiệm vụ phát

triển kinh tế là trung tâm. Kết hợp chặt chẽ các nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

+ Xây dựng sức mạnh tổng hợp về chính trị, tư tưởng, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt.

+ Ra sức phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa ngoại lực. Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ, kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá theo phương châm thêm bạn bớt thù, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cố gắng gia tăng hợp tác, tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, lệ thuộc.

+ Chủ động phòng ngừa và sớm phát hiện, triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

- Phương châm chỉ đạo:

+ Kiên định các nguyên tắc chiến lược đi đôi với sự vận dụng linh hoạt về sách lược, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân trong nước, dư luận quốc tế; phân hoá, cô lập các phần tử, thế lực chống đối quyết liệt và ngoan cố nhất.

+ Đối với nội bộ, lấy việc phát huy dân chủ, giáo dục, thuyết phục, phòng ngừa là chính đi đôi với giữ gìn kỷ cương, kỷ luật, xử lý nghiêm minh các sai phạm; xử lý nghiêm minh, kiên quyết đối với các phần tử cố tình chống đối, đi ngược lại lợi ích dân tộc. Giáo dục, lôi kéo những người lầm đường, không để hình thành tổ chức đối lập

+ Thường xuyên đi sát cơ sở, nắm chắc tình hình, xử lý kịp thời mọi mầm mống gây mất an ninh, không để bị động, bất ngờ.

- Nhiệm vụ cơ bản:

+ Giữ vững hoà bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN: Giữ môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; duy trì nền hoà bình lâu dài và sự ổn định chính trị, không để xảy ra bạo loạn chính trị và "tự diễn biến hoà bình"; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ "diễn biến hoà bình", nguy cơ can thiệp quân sự và xung đột vũ trang.

+ Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh, chính trị nội bộ.

+ Nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đẩy mạnh CNH, HĐH; không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng dân chủ XHCN đi đôi với tăng cường trật tự kỷ cương, chú trọng giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

+ Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền, lợi ích và yếu thương xuyên của

Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

+ Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế theo tinh thần "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển".

Câu 39. Nhận xét về kết quả thực hiện đường lối bảo vệ Tổ quốc qua hơn 20 năm đổi mới?

Trả lời:

1. Thành tựu

- Đảng có nhiều đổi mới quan trọng trong tư duy lý luận về quốc phòng, an ninh. Nhận thức sâu sắc, toàn diện hơn về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, kết hợp chặt chẽ, toàn diện hai nhiệm vụ.

- Từng bước xây dựng chặt chẽ, đi đến hoàn thiện mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, gồm bảo vệ độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia, bảo vệ hệ thống chính trị và chế độ xã hội, bảo vệ văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường hoà bình, ổn định, tiếp tục đổi mới, phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

- Xây dựng quan niệm mới về quốc phòng, nổi bật là tính tổng hợp của quốc phòng toàn dân, trong đó lực lượng vũ trang là nòng cốt. Nhận thức mới về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Kết

hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang và phi vũ trang, kết hợp xây dựng với bảo vệ, lấy xây dựng làm cơ sở, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, tích cực chủ động.

- Bố trí, xây dựng nền quốc phòng toàn dân với hệ thống chính trị vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, tư tưởng, ổn định xã hội, tạo lập môi trường quốc tế rộng mở, thuận lợi, tăng cường thế, lực của đất nước.

Mạnh dạn điều chỉnh tổ chức quân đội, điều chỉnh bố trí chiến lược, tăng cường thể trận, kết hợp kinh tế-quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện. Đẩy lùi, đánh bại các hoạt động gây rối, phá hoại.

2. Hạn chế

- Sự lãnh đạo một số cấp uỷ Đảng chưa ngang tầm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, ý thức quốc phòng của một bộ phận cán bộ, nhân dân chưa cao.

- Chưa tạo được thể trận lòng dân, thực sự vững chắc trên một số địa bàn trọng điểm, công nghiệp quốc phòng chưa đủ sức hiện đại hoá lực lượng vũ trang.

- Công tác nghiên cứu, dự báo yếu, chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu của lực lượng vũ trang còn hạn chế.

Nguyên nhân hạn chế:

- Sự chống phá của các lực lượng thù địch.

- Nhiều vấn đề mới nảy sinh chưa có điều kiện nghiên cứu toàn diện, sâu sắc.

- Hạn chế trong nhận thức, quán triệt nhiệm vụ, trong năng lực thực hiện chủ trương, đường lối bảo vệ Tổ quốc.

- Nền kinh tế chưa đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá quốc phòng, an ninh.

Câu 40. Nêu khái quát tiến trình đổi mới hình thành, phát triển đường lối đổi mới ở Việt Nam. Những kinh nghiệm qua hơn 20 năm đổi mới.

Trả lời:

1. Quá trình hình thành, phát triển đường lối đổi mới

- Do kéo dài và phổ biến mô hình CNXH thời chiến trong điều kiện đất nước đã chuyển sang thời bình, những năm cuối thập kỷ 70, đầu đầu 80 của thế kỷ XX, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế-xã hội, buộc phải điều chỉnh mô hình. Trên thế giới, cuộc cải tổ, cải cách - thực chất là sửa chữa mô hình CNXH trong các nước XHCN, sự điều chỉnh có hiệu quả của CNTB trước nhưng xu thế mới của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ... càng làm cho đổi mới trở thành nhu cầu khách quan của đất nước.

- Trước khi ra đời đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI, Đảng đã có những đột phá cục bộ về đổi mới tư duy kinh tế. Mở đầu là Hội nghị TƯ 6 khoá IV (8/1979) chủ trương và quyết tâm cho sản xuất bung ra. Bước đột phá thứ hai là Hội nghị TƯ 8 khoá V (6/1985) chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung,

quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, chuyển mọi hoạt động sản xuất-kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN; chuyển ngân hàng sang nguyên tắc kinh doanh. Nếu Hội nghị TƯ 6 mở đầu cho quá trình dân chủ hoá kinh tế-xã hội thì Hội nghị Trung ương 8 đã thừa nhận sản xuất hàng hoá và những quy luật của sản xuất hàng hoá. Bước đột phá thứ ba là “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế, của Hội nghị Bộ Chính trị (8/1986). Những vấn đề về cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, về cơ chế quản lý kinh tế, về cải tạo XHCN.... đã được nhìn nhận, xem xét ở tầm tư tưởng, lý luận, trên quan điểm mới. Đến đây, về cơ bản tư duy đổi mới của Đảng ta đã hình thành.

- Đại hội VI (12/1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, gồm đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, cán bộ, phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác của Đảng Đại hội nhấn mạnh phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, nắm vững quy luật khách quan, lấy dân làm gốc.

Đại hội đổi mới toàn diện cách thức xây dựng CNXH trên đất nước ta, điều chỉnh bước đi công nghiệp hoá, tập trung sức phát triển nông nghiệp, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán-kinh doanh XHCN, thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần; kết hợp chính sách kinh tế với chính sách xã hội-con người; nhấn mạnh việc làm trong sạch; nâng cao sức chiến đấu, hiệu quả của bộ máy Đảng, Nhà nước, đổi mới quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ; thực hiện dân chủ hoá trong Đảng và trong xã hội.

Đại hội đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta, tạo ra bước đột phá lớn và toàn diện, đem lại luồng sinh khí mới trong xã hội, xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên.

- Đại hội VII (6/1991) diễn ra khi cuộc cải tổ, cải cách ở Liên Xô và các nước XHCN Trung-Đông Âu đang chao đảo, thất bại, gây những hệ quả cực kỳ nặng nề. Cuộc đổi mới ở Việt Nam có nguy cơ mất định hướng.

Đại hội VII đã khẳng định quyết tâm giữ vững định hướng cho cuộc đổi mới, độc lập dân tộc gắn với CNXH, đề ra một hệ thống giải pháp để giữ vững định hướng.

Đại hội khẳng định vai trò của lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của Đảng; đã xem xét CNXH dưới góc độ tổng thể của mô hình, từ đó đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000”. Trong đó đã hình dung rõ ràng, trên những nét chủ yếu quan niệm về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Tiếp tục đường lối đối ngoại rộng mở của Đại hội VI, Đại hội VII chủ trương muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển, tăng cường nội lực, ra sức tranh thủ những yếu tố quốc tế, thời đại, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đổi mới.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VII, Đảng đã làm rõ thêm mục tiêu xây dựng CNXH ở nước ta là “dân giàu, nước mạnh, xã hội

công bằng, dân chủ, văn minh”, chỉ ra những nguy cơ phải vượt qua, đưa ra quan điểm về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, xem phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

- Đại hội VIII (6/1996) đánh dấu đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, làm rõ hơn quan niệm về chặng đường đầu tiên và chặng đường tiếp theo của thời kỳ quá độ, đề ra mục tiêu đưa đất nước cơ bản thành nước công nghiệp vào năm 2020, làm rõ đặc trưng, tính chất của Nhà nước pháp quyền XHCN, khẳng định vị trí quốc sách hàng đầu, khâu đột phá của giáo dục-đào tạo và khoa học công nghệ trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Những vấn đề xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vấn đề cán bộ, vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái, tiêu cực, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc... tiếp tục được làm rõ và giải quyết trong các Hội nghị Trung ương sau Đại hội VIII.

- Đại hội IX (4/2001) đã nhìn lại tổng quát tiến trình cách mạng Việt Nam thế kỷ XX, kiểm điểm việc thực hiện đường lối đổi mới và rút ra bài học kinh nghiệm qua 15 đổi mới, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI với phương hướng tổng quát: phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá,

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN với mục tiêu chung “độc lập dân tộc gắn với CNXH, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Đại hội làm rõ, sâu sắc thêm vị trí, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, tính khó khăn, phức tạp và nội dung của thời kỳ quá độ và của đấu tranh giai cấp hiện nay, khẳng định mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, làm rõ vai trò động lực to lớn của Đại đoàn kết toàn dân, của dân chủ, việc quan tâm tính chính đáng của con người...

Đại hội phát triển đường lối đối ngoại lên mức cao hơn, toàn diện “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Hội nghị Trung ương 8 khoá IX đã có cách nhìn nhận mới, thống nhất về đối tác, đối tượng, định hướng cho chính sách đối ngoại trong giai đoạn mới.

+ Trong các Hội nghị Trung ương tiếp theo Đảng đã tập trung thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế, đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, khẳng định vị trí của các vấn đề dân tộc, tôn giáo, đổi mới chính sách tôn giáo, phát huy vai trò chiến lược, lâu dài và động lực của đại đoàn kết dân tộc. Hội nghị trung ương 8 đưa ra chiến lược của đại đoàn kết dân tộc. Hội nghị Trung ương 8 đưa ra chiến lược bảo vệ tổ

quốc trong tình hình mới với những quan điểm toàn diện và định hướng lớn. Những vấn đề về chất lượng tăng trưởng, hiệu quả cạnh tranh của nền kinh tế, xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, chủ động, khẩn trương hội nhập kinh tế, phát triển kinh tế, văn hoá đồng bộ với tăng trưởng kinh tế, vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, được làm rõ và nhấn mạnh.

- Đại hội X (4/2006) đã đánh giá tổng quát 20 năm đổi mới (1986-2006), khẳng định về mặt lý luận, nhận thức hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về mục tiêu bản chất, đặc trưng của CNXH trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, con người, dân tộc, về nhà nước, về đối ngoại, về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản. Đại hội bổ sung, phát triển phương hướng đã nêu trong Cương lĩnh 1991: phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần xã hội; xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ sau Đại hội Đảng tập trung lãnh đạo hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đề ra chủ trương, chính sách lớn để kinh tế phát triển nhanh, bền vững khi gia nhập WTO, đổi mới phương thức công tác, lãnh đạo của Đảng với hệ

thống chính trị, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, kiện toàn bộ máy Nhà nước, tăng cường đấu tranh chống tham nhũng, xây dựng giai cấp công nhân, đội ngũ tri thức, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân, nâng cao vai trò của thanh niên, phụ nữ...

Tháng 1/2009 Hội nghị đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X trong nửa đầu nhiệm kỳ (2006-2008), tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược cán bộ, kết quả 2 năm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí... đề ra chủ trương, giải pháp tiếp thu hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, đưa sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN vững bước tiến lên.

2. Những bài học kinh nghiệm chủ yếu

Tổng kết 20 năm đổi mới (1986-2006), Đại hội X của Đảng đã rút ra những bài học kinh nghiệm tổng quát:

- *Thứ nhất*, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đây là bài học có ý nghĩa định hướng cho quá trình đổi mới. Giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giai cấp và dân tộc có ý nghĩa chi phối, quyết định việc giải quyết các nhiệm vụ cách mạng Việt Nam cũng như các vấn đề chiến lược trong cuộc đổi mới.

Nền tảng tồn tại và sức mạnh của mỗi quốc gia, dân tộc

được tạo thành từ cội nguồn của lịch sử-truyền thống dân tộc (dân tộc) và sức mạnh hiện tại của chế độ xã hội (giai cấp) mà quốc gia đã đang xây dựng. Do đó, phải kế thừa và phát huy được sức mạnh tiềm tàng của dân tộc trong hiện tại. Đồng thời, phải xây dựng, hoàn thiện chế độ mới, hình dung đúng đắn mục tiêu xã hội chủ nghĩa và tìm ra được con đường hiệu quả, thích hợp nhất để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp dân tộc-truyền thống với giai cấp, quốc tế, thời đại để xây dựng, bảo vệ đất nước.

Trong cuộc đấu tranh để giữ vững mục tiêu định hướng, lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đúng vai trò nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của Đảng, là cơ sở cho sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong xã hội và là cơ sở lý luận cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng. Cần nhận thức đúng, quán triệt tinh thần nhân đạo cao cả và tính biện chứng của lý luận cách mạng, đồng thời bảo vệ và phát triển lý luận trong sự tương tác với dòng chảy không ngừng của tư tưởng nhân loại và của thực tiễn trong nước và quốc tế.

- *Thứ hai*, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Thực tế cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế thị trường những thập kỷ cuối thế kỷ trước chúng ta, chỉ có thể đổi mới kinh tế có hiệu quả khi tiến hành đồng bộ với đổi mới trên các lĩnh vực khác, kinh tế gắn với chính trị-xã hội, đổi mới hoạt

động thực tiễn gắn với đổi mới tư duy, phong cách hoạt động, đổi mới trong Đảng gắn với đổi mới xã hội, với đổi mới tổ chức và hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị. Cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội ở Việt Nam thực chất là khủng hoảng từ mô hình, do đó, phải đổi mới toàn diện, đồng bộ trên cả mô hình, từ quan niệm về mục tiêu xã hội chủ nghĩa đến cách thức tổ chức, xây dựng xã hội đó.

Phải đổi mới toàn bộ quan niệm và cách làm cũ đó được xây dựng, tồn tại qua bộ máy, thiết chế bền vững, lâu dài, do cuộc đổi mới chưa có tiền lệ, luôn đặt ra những luận đề mâu thuẫn phải giải quyết và do đổi mới tiến hành ngay trong Đảng, trong mỗi con người và toàn xã hội, trong bối cảnh cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn biến gay gắt, phức tạp..., đổi mới cần được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, có hình thức và bước đi thích hợp, uyển chuyển. Phải bảo đảm gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa ba lĩnh vực chủ yếu: phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa-nền tảng tinh thần của xã hội.

- *Thứ ba*, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy cảm với cái mới.

Nhân dân gồm toàn thể cư dân trong cộng đồng dân tộc, trong đó bộ phận cơ bản là công nhân, nông dân và trí thức. Quần chúng nhân dân là chủ thể chân chính của lịch sử và là người đổi mới tự phát đầu tiên. Trong quá trình tìm lối thoát cho

cuộc sống đang khó khăn gay gắt, những sáng kiến của nhân dân trong các hợp tác xã nông nghiệp, các xí nghiệp công nghiệp... đó gợi mở tư duy mới và là chỗ dựa cho sự hình thành tư duy, đường lối đổi mới của Đảng.

Thực tiễn đổi mới cũng chứng tỏ, chỉ khi nào đường lối, chính sách đổi mới xuất phát và đáp ứng được nguyện vọng, quyền lợi của nhân dân, mới được nhân dân tiếp nhận, và sức mạnh của nhân dân mới được khơi dậy, phát huy, biến thành phong trào cách mạng khắc phục khủng hoảng. So sánh hiệu quả của chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa 1986 và chính sách vừa cải tạo, vừa sử dụng các thành phần kinh tế, thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần từ Đại hội VI trở đi, có thể thấy rất rõ điều đó.

Lợi ích kinh tế là một động lực quan trọng thúc đẩy tính tích cực của quần chúng nhân dân, nhưng không phải là tất cả. Đưa ra và thực hiện một cơ chế dân chủ thực sự trong Đảng và trong xã hội, ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong bộ máy Đảng, Nhà nước... là nguồn động lực mạnh mẽ tác động vào tính tích cực, năng động của các giai cấp, tầng lớp cư dân. Khi cuộc đổi mới càng phát triển về chiều rộng và chiều sâu, dân chủ lại càng có vai trò quan trọng.

Khi tổng kết mười năm cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội (1975-1985), Đại hội VI đã rút ra các bài học kinh nghiệm, trong đó có bài học về quan điểm thực tiễn. Những ý tưởng tốt đẹp muốn cải tạo xã hội không thể được coi là điểm

xuất phát duy nhất và trước tiên của đường lối, chính sách, mà phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo đúng yêu cầu của quy luật khách quan. Thực tiễn là điểm xuất phát và là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm định sự đúng, sai của đường lối, chính sách. Nếu sản xuất phát triển, đời sống nhân dân cải thiện, xã hội ổn định là đường lối, chính sách phù hợp. Nếu ngược lại, sản xuất, đời sống xã hội không lành mạnh, không ổn định, là dấu hiệu đường lối, chính sách không phù hợp, phải kiên quyết sửa đổi hoặc bãi bỏ.

Thực tiễn luôn luôn biến đổi, đổi mới không có tiền lệ. Do đó, phải luôn tổng kết thực tiễn, tìm ra quy luật phát triển và nhạy bén phát hiện, nhân lên yếu tố mới, khắc phục những yếu tố lạc hậu, lệch lạc.

- *Thức tư*, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Sự phát triển là kết quả tổng hợp của các yếu tố nội sinh và ngoại sinh, nội lực và ngoại lực. Phát huy nội lực là nhân tố quyết định sự phát triển, gồm toàn bộ nguồn lực tổng hợp làm nên sức mạnh của một dân tộc, quốc gia. Phát huy nội lực mới có thể giữ vững được độc lập, tự chủ và tranh thủ có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ.

Cùng với việc đổi mới cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng đã từng bước điều chỉnh chính sách đối ngoại và chiến lược an ninh, quốc phòng, thực hiện chính sách mở cửa,

tham gia ngày càng sâu rộng vào quá trình toàn cầu hóa, hợp tác, phân công quốc tế. Nhờ đó, đã đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua cuộc địa chấn chính trị trong các nước xã hội chủ nghĩa, giữ vững định hướng, đưa cuộc đổi mới tiếp tục đi lên. Trong điều kiện mới, những xu thế chính trị-xã hội không giảm tầm quan trọng, nhưng phải nhìn nhận, ứng xử các quan hệ quốc tế trên cả giác độ kinh tế, khoa học, công nghệ..., trong động thái vừa hợp tác vừa đấu tranh, vừa phê phán, loại bỏ, vừa tiếp nhận, kế thừa.

- Thứ năm, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Đảng là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc đổi mới. Mặt khác, mỗi khi Đảng có khuyết điểm, khi sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng không ngang tầm nhiệm vụ, cách mạng sẽ khó khăn, thậm chí thụt lùi. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị trong kinh tế thị trường với sự đan xen cả thời cơ và nguy cơ, thách thức của quá trình toàn cầu hóa..., những tác động đa chiều vào Đảng và hệ thống chính trị, cực kỳ mạnh mẽ. Vì vậy, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Đảng phải đại diện xứng đáng cho giai cấp công nhân và cho toàn dân tộc, có đường lối chính trị đúng, thực hiện nguyên tắc

tập trung-dân chủ, tự phê bình và phê bình, đồng thời phải thực sự trong sạch, vững mạnh, đạo đức, văn minh.

Nhà nước là cơ quan quản lý xã hội, trực tiếp tổ chức thực hiện mục đích, tôn chỉ của Đảng và là công cụ mạnh mẽ, sắc bén của Đảng, của nhân dân để bảo vệ, tiến hành công cuộc đổi mới. Trong những năm đổi mới, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã ngày càng được hoàn thiện, phát huy tác dụng, nhưng tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước còn cồng kềnh, kém hiệu lực, nhiều tiêu cực, chưa thực sự phát huy được quyền làm chủ và sức mạnh của quần chúng nhân dân. Những yếu kém trong bộ máy nhà nước là nguyên nhân quan trọng dẫn đến hệ quả tiêu cực xã hội, kết quả tăng trưởng kinh tế-xã hội chưa tương xứng với công sức, tiền của bỏ ra. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu dân chủ hóa xã hội và sự tham gia tích cực của đất nước vào quá trình toàn cầu hóa đặt ra yêu cầu phải nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của nhà nước, cải cách mạnh mẽ nền hành chính quốc gia, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng là cơ quan tập hợp nguyện vọng, sáng kiến của nhân dân, đại diện cho nhân dân và là cầu nối trực tiếp giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Cần đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các tổ chức quản lý, phát huy vai trò của nó trong tập hợp lực lượng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 41. **Nêu khái quát tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những bài học kinh nghiệm chủ yếu.**

Trả lời:

1. Khái quát lịch sử của Đảng

Trong thời cận đại sự thống trị của thực dân Pháp đã biến Việt Nam thành thuộc địa, yêu cầu cơ bản của xã hội Việt Nam là chống đế quốc giành độc lập, chống phong kiến giành dân chủ, ruộng đất. Việc giải quyết những mâu thuẫn này đồng thời mở ra hướng đi mới cho lịch sử dân tộc.

Trong suốt những năm cuối thế kỷ XIX, đầu XX, tất cả những lực lượng yêu nước trong các giai cấp, tầng lớp xã hội ở Việt Nam, đều đã ra sức tìm kiếm, thử nghiệm các con đường cứu nước, nhưng dù phong trào dân tộc phong kiến hay dân tộc theo khuynh hướng tư sản đều thất bại.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là bước ngoặt lịch sử trong đại, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng, mở ra thời kỳ phát triển thắng lợi của cách mạng Việt Nam, gắn cuộc giải phóng dân tộc với những trào lưu cách mạng, tiến bộ của thời đại.

- Trong những năm 1930-1975, Đảng lãnh đạo dân tộc tiến hành cuộc đấu tranh giành, giữ độc lập, tự do, kế thừa và phát triển truyền thống giữ nước của dân tộc. Đảng lãnh đạo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiến hành cuộc khởi nghĩa quân chúng - Cách mạng Tháng Tám năm 1945 - thắng lợi, lật

nhào chế độ thực dân, phong kiến, dựng nên chế độ và Nhà nước dân chủ cộng hoà, đưa nhân dân lên địa vị làm chủ đất nước.

Trong những năm tiếp theo (1945-1975), Đảng tổ chức, lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành thắng lợi hai cuộc chiến tranh cách mạng, đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của hai đế quốc to: chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ xâm lược (1954-1975), giành trọn vẹn độc lập, tự do, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước. Nếu cuộc kháng Pháp xâm lược mở đầu cho quá trình phá sản của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, thì cuộc chống Mỹ, cứu nước oanh liệt đã báo hiệu sự phá sản tất yếu của toàn bộ hệ thống thực dân kiểu mới trên thế giới. Cuộc đấu tranh, giành độc lập tự do của dân tộc Việt Nam đã nâng cao ảnh hưởng, vị thế của dân tộc, gây tác động tích cực, to lớn đến sự phát triển của độc lập dân tộc, hoà bình và tiến bộ.

- Từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Đảng lãnh đạo toàn dân tiến hành công cuộc xây dựng, bảo vệ chế độ mới, chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, kế thừa và phát huy truyền thống dựng nước của dân tộc... Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc (1945-1954), vừa xây dựng, vừa bảo vệ chế độ mới, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, xây dựng miền Bắc, giải phóng miền Nam (1954-1975), vượt qua muôn vàn khó khăn, trở ngại, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (1975-1985), phát động, lãnh đạo công cuộc đổi mới (1986 đến nay),

Đảng đã đưa đất nước thoát khỏi những tình thế hiểm nghèo, vượt qua khủng hoảng kinh tế-xã hội, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng, Đảng cũng có những khuyết điểm sai lầm, nhưng luôn giữ bản lĩnh chính trị vững vàng, xoay chuyển tình hình, đưa cách mạng đi lên. Đảng đã dày công bồi đắp nên những giá trị, truyền thống quý báu: tiên phong, gương mẫu, trung thành, đoàn kết, gần bó mật thiết với quần chúng, thủy chung với bạn bè, luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, trong những hoàn cảnh khó khăn, phức tạp, tìm ra con đường đúng đắn đưa cách mạng vượt lên.

2. Một số bài học chủ yếu

- Năm vững và giữ vững cao ngai cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc (ĐLDT) gắn liền với chủ nghĩa xã hội (CNXH) là bài học lớn, xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Đây là đường lối được Đảng ta đề ra ngay từ Cương lĩnh đầu tiên khi thành lập Đảng và cho đến nay trải qua các thời kỳ phát triển với nội dung hình thức, bước đi gắn liền với đặc điểm mỗi giai đoạn, tạo nên sức mạnh to lớn đánh bại kẻ thù, giành độc lập, xây dựng và bảo vệ thắng lợi đất nước. Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là định hướng tiến lên phù hợp với mục tiêu, bước đi cụ thể thích hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và thế giới.

Đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào quỹ đạo cách mạng vô sản là một sự lựa chọn đúng đắn, sáng suốt của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh. Song ở một nước vốn là thuộc địa, muốn tiến lên CNXH, trước tiên phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành được độc lập dân tộc.

Cách mạng giải phóng dân tộc là bước đi tất yếu để tiến lên CNXH. CMXHCN tuy là phương hướng tiến lên trong tương lai, nhưng lại có ảnh hưởng quyết định đến tính chất triệt để và sức mạnh của cách mạng giải phóng dân tộc. Cách mạng Tháng Tám 1945 là thắng lợi rực rỡ của tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản của Hồ Chí Minh.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, song do các thế lực đế quốc thực dân và tay sai cấu kết nhau, tái xâm lược Việt Nam. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc của Việt Nam chưa hoàn thành. Cách mạng nước ta vẫn là cách mạng giải phóng dân tộc bằng phương thức đấu tranh vũ trang. Kháng chiến muốn thắng lợi phải ra sức kiến quốc, xây dựng chế độ cộng hoà dân chủ.

Chế độ mới tạo ra một lực lượng tinh thần, vật chất to lớn, bảo đảm kháng chiến, đánh bại thực dân Pháp và chuẩn bị tiền đề để quá độ lên CNXH.

Từ năm, 1954 đến năm 1975, ĐLDT gắn liền với CNXH thể hiện ở đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng. Đó là cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân

tộc dân chủ ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Hai chiến lược này có mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả của việc Đảng ta đã vận dụng quy luật ĐLDT gắn liền với CNXH một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể nước ta trong những năm 1954-1975.

Từ năm 1975 đến nay, cả nước quá độ lên CNXH.

Củng cố nền ĐLDT đã giành được là một yêu cầu khách quan của nhân dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta sau nhiều thập kỷ đấu tranh gian khổ đã giành được độc lập, thống nhất cho Tổ quốc. ĐLDT là điều kiện tiền lên CNXH.

Khi cả nước đã giành được ĐLDT, thống nhất, nhiệm vụ xây dựng CNXH đã được đặt lên hàng đầu, vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là sức mạnh để củng cố và bảo vệ Tổ quốc bền vững. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN gắn liền với nhau, tư tưởng chiến lược đó xuyên suốt trong mọi hoạt động của Đảng trong thời kỳ quá độ xây dựng đất nước theo định hướng XHCN.

Tổng kết từ thực tiễn cách mạng trong mấy thập kỷ qua, Đảng đã rút ra bài học kinh nghiệm lịch sử lớn hàng đầu: “Năm vững ngọn cờ ĐLDT và CNXH. ĐLDT là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở đảm bảo vững chắc cho

độc lập, dân tộc. Xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc vẫn là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau. Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ ĐLDT và CNXH, ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giương cao và trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau”.

- Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

+ Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng, Nhà nước ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định trong tư duy chính trị cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Cách mạng chỉ có thể giành được thắng lợi nếu được quần chúng nhân dân tham gia, cách mạng là ngày hội của quần chúng lao động. Cách mạng là công việc của dân chúng, chứ không phải của một hai người; làm cách mạng để giành quyền sống, quyền làm người, quyền mưu cầu hạnh phúc, tức là quyền làm chủ của nhân dân lao động. Khi “cách mạng đã thành công thì quyền thuộc về dân chúng số nhiều, thế thì dân chúng mới được hưởng hạnh phúc”. Chỉ có cuộc cách mạng do Đảng của giai cấp công nhân, của dân tộc lãnh đạo mới mang lại quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và cuộc sống cho toàn thể nhân dân. Khi đất nước độc lập và trở thành nước dân chủ thì lợi ích thuộc về nhân dân. Quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Không có nhân dân thì không đủ lực lượng, không có Chính phủ thì không ai dẫn đường, vì vậy

Chính phủ và nhân dân phải kết thành một khối. Gắn bó mật thiết với nhân dân, dựa vào sức mạnh của nhân dân, đó là một trong những nhân tố quyết định sự vững mạnh của chính quyền Nhà nước của Đảng cầm quyền.

+ Sức mạnh của chính quyền là sức mạnh của nhân dân. Khi nhân dân yêu mến chính quyền mình, hy sinh chiến đấu bảo vệ chính quyền ấy mới mạnh. Chính quyền không chỉ dựa vào sức mạnh của nhân dân, mà còn phải làm hết sức mình vì lợi ích và hạnh phúc của nhân dân. Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh.

Nhận thức được vị trí, vai trò của sức mạnh quần chúng nhân dân, từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH Đảng đã xác định bài học: “Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước”.

- *Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế*

Đại đoàn kết dân tộc là một truyền thống quý báu của dân

tộc Việt Nam. Ngay từ rất sớm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức đúng đắn rằng, cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đây là một trong những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời là sự kế thừa và phát triển truyền thống của cộng đồng dân tộc.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh là một vấn đề chiến lược, là một bộ phận hữu cơ trong đường lối cách mạng. Đại đoàn kết dân tộc không phải xuất phát từ ý muốn chủ quan của người lãnh đạo mà là từ sự đúc kết những nhu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng do quần chúng tiến hành.

Đoàn kết toàn dân, vận động quần chúng làm cách mạng được Đảng ta thực hiện trong suốt các thời kỳ cách mạng: 1930-1945; thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945-1954); thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975); thời kỳ cả nước tiến hành CMXHCN từ 1975 đến nay.

- Kinh nghiệm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

+ Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề cơ bản, chiến lược của cách mạng Việt Nam.

+ Phải có hình thức mặt trận thích hợp đáp ứng được nguyện vọng cơ bản, thiết thực của đông đảo nhân dân trong từng thời kỳ, thoả mãn lợi ích của dân tộc, kết hợp hài hoà lợi ích cộng đồng, lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân.

+ Đảng Cộng sản là một thành viên và là lực lượng lãnh đạo (bằng đường lối chính trị, bằng tổ chức và nêu gương) trong Mặt trận. Phải xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh, đoàn kết. Xây dựng khối liên minh công-nông-trí thức làm hạt nhân cơ bản của Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Đoàn kết quốc tế trong cách mạng Việt Nam

Nếu đại đoàn kết dân tộc là nhân tố quyết định thắng lợi của dân tộc thì đoàn kết quốc tế làm tăng thêm sức mạnh cho các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, nhất là trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới: “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận của cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”.

Đảng ta luôn nhận thức và thực hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng và lực lượng tiến bộ trên thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đó là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta và là truyền thống quý báu của Đảng. Trong Cương lĩnh chính trị năm 1930 và Cương lĩnh năm 1991, Đảng ta luôn quan tâm nhiệm vụ đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thành một nhiệm vụ chiến lược.

+ Phương châm của đoàn kết quốc tế là tranh thủ sự ủng

hộ, giúp đỡ của quốc tế đối với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất, và làm thất bại những âm mưu, hành động của các thế lực chống lại cách mạng nước ta.

Thực hiện đại đoàn kết quốc tế, Đảng ta kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, nước lớn, chủ nghĩa vị kỷ, Đảng không vì lợi ích riêng của dân tộc mình mà làm hại đến lợi ích của dân tộc khác. Đảng chủ trương đoàn kết với các nước XHCN, các Đảng cộng sản, các phong trào giải phóng dân tộc, các quốc gia và lực lượng hoà bình, tiến bộ trên thế giới, vì mục tiêu chung là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo đã chứng minh đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một nhân tố góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ Kinh nghiệm khi thực hiện đoàn kết quốc tế

Phải tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích chính đáng của mỗi bên, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; Phải có đường lối độc lập tự chủ, không bị lệ thuộc. Phát huy cao nhất vai trò của nội lực, đồng thời với tranh thủ ngoại lực; Phải quan tâm đến vấn đề dự báo để tranh thủ sức mạnh thời đại xây dựng, bảo vệ đất nước.

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, phát huy truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, các phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản đều thất bại. Nguyên nhân chủ yếu là các giai cấp lãnh đạo đã không đủ khả năng để lãnh đạo công cuộc giải phóng dân tộc.

+ Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Đảng ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước, chấm dứt thời kỳ đấu tranh tự phát, chuyển sang thời kỳ đấu tranh tự giác của giai cấp công nhân. Đảng ra đời, chứng tá giai cấp công nhân đã trưởng thành và đủ năng lực lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở ra thời kỳ cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng có đường lối đúng đắn khoa học, phù hợp với quy luật của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

+ Trong lịch sử đấu tranh hơn 70 năm qua của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng nước ta đã giành được nhiều thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược và ý nghĩa thời đại sâu sắc. Những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của cách mạng nước ta đều là kết quả của nhiều nhân tố, trong đó Đảng ta đứng ở trung tâm các sự kiện lịch sử vĩ đại của cách mạng và thực sự là nhân tố cơ bản lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được, cách mạng nước ta còn rất nhiều khó khăn và tồn tại, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Đảng ta tự kiểm điểm là đã phạm

những sai lầm, khuyết điểm chủ quan, nóng vội, duy ý chí, đặc biệt là trong việc xác định chủ trương, đường lối và cả trong công tác xây dựng Đảng. Những sai lầm và khuyết điểm nêu trên đã kéo dài và chậm sửa chữa, làm cho vai trò lãnh đạo của Đảng bị suy yếu, lòng tin của quần chúng đối với Đảng bị giảm sút so với trước.

Thực tế lịch sử chứng tỏ: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Từ đó đặt ra yêu cầu phải bảo đảm, tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với đất nước, với cách mạng.

Trước hết, Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn về mọi mặt cho ngang tầm với nhiệm vụ

Đảng phải đổi mới tư duy lý luận, nâng cao năng lực tri tuệ, đề ra cương lĩnh, đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn, có căn cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn nước ta. Đây là vấn đề cơ bản và cốt lõi nhất và cũng là lý do tồn tại của Đảng.

Phải phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Cần đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị của nước ta hiện nay.

Làm trong sạch đội ngũ đảng viên, củng cố và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Đổi mới công tác cán bộ của Đảng, vì “cán bộ là cái gốc của mọi công việc... công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”.

Trong giai đoạn hiện nay, mọi hoạt động của Đảng phải hướng vào lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt

Câu 42. Kinh nghiệm hoạch định đường lối, chính sách của Đảng?

Trả lời:

- Tổng kết thực tiễn, rút ra kinh nghiệm hoạt động là con đường tốt nhất để nâng cao nhận thức và năng lực hoạt động của người học, của cán bộ, đảng viên.

Đảng lãnh đạo toàn diện, nhưng trước hết là định hướng cho tư tưởng, hành động xã hội bằng đường lối, chính sách. Đường lối, chính sách đúng đắn là tiêu chí quan trọng hàng đầu của người lãnh đạo xã hội. Qua gần 80 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về xây dựng đường lối, chính sách.

- Đảng là chủ thể hoạch định đường lối, chính sách. Đường lối, chính sách phản ánh năng lực lãnh đạo của một chính Đảng. Do đó, bản thân Đảng phải có đủ phẩm chất, năng lực của một lãnh tụ chính trị, thực sự đại diện xuất sắc cho giai cấp công nhân và cho dân tộc, tiên phong về mặt lý luận và hoạt động thực tiễn.

- Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách là ở lý luận cách mạng tiên tiến-chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Quán triệt tinh thần nhân đạo và phép biện chứng của lý luận, không ngừng học tập, bảo vệ và phát triển lý luận là yêu cầu đầu tiên của việc hoạch định đường lối, chính sách.

- Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách là thực tiễn trong nước và thực tiễn quốc tế. Phải tôn trọng và hành động theo đúng yêu cầu của quy luật khách quan, lấy thực tiễn làm cơ sở xuất phát và là tiêu chuẩn duy nhất kiểm định đúng, sai của đường lối, chính sách. Nếu xã hội ổn định và phát triển là dấu hiệu của đường lối chính sách phù hợp, ngược lại, xã hội kém ổn định và phát triển là biểu hiện của việc đường lối, chính sách chưa phù hợp, phải kiên quyết sửa đổi, hoặc bãi bỏ.

Câu 43. Chứng minh độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường đúng đắn đối với dân tộc Việt Nam?

Trả lời:

- Kết hợp độc lập dân tộc với CNXH là tư tưởng chiến lược, xuyên suốt trong đường lối chính trị của Đảng CSVN, là con đường đúng đắn đối với dân tộc Việt Nam.

- Ách thống trị của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt nam cuối thế kỷ XIX đó đặt ra. Yêu cầu phải giải phóng dân tộc, mở ra con đường phát triển mới cho dân tộc. Tất cả các phong

trào yêu nước ở Việt Nam đó lần lượt trải nghiệm con đường cứu nước nhưng đều thất bại. Giai cấp phong kiến, địa chủ đó lỗi thời, không đủ sức giương cao ngọn cờ dân tộc. Trong khi giai cấp tư sản dân tộc ở một số nước thuộc địa còn có thể lãnh đạo phong trào dân tộc thì giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam yếu ớt cả về kinh tế-chính trị, không đủ sức giương cao ngọn cờ dân tộc.

- Thất bại của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX của các phong trào dân tộc tư sản đầu thế kỷ XX đó chứng tỏ sự bất lực của con đường dân tộc phong kiến và dân tộc tư sản.

- Kết hợp độc lập dân tộc với CNXH là kết luận của chính lịch sử Việt Nam. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng của dân tộc đó đòi hỏi phải chọn con đường mới với người lãnh đạo mới: gắn độc lập dân tộc với giai cấp vô sản đang lớn. Từ sau khi Đảng CSVN ra đời và lãnh đạo cách mạng (1930) cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đi vào dòng chảy lớn của lịch sử nhân loại, kết hợp cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản quốc tế, bước vào thời kỳ phát triển thắng lợi.

- Kết hợp độc lập dân tộc với CNXH là kết luận khoa học được rút ra qua quá trình khảo nghiệm công phu tất cả các lý thuyết phát triển, các mẫu hình cứu nước của nhân loại qua hoạt động của lãnh tụ thiên tài Nguyễn Ái Quốc.

- Về mặt logic, trước đây dân tộc ta đó từng chiến thắng những kẻ địch mạnh hơn, nhưng lại thất bại trước thực dân

Pháp, bởi chúng ở trình độ phát triển cao hơn về sản xuất vật chất và quan lý xã hội. Muốn chiến thắng kẻ địch mạnh hơn, phải tạo được sức mạnh tổng hợp của dân tộc với giai cấp, quốc tế, thời đại.

Đây là nguyên nhân giải thích vì sao sau khi Đảng ra đời, kết hợp giải phóng dân tộc ở Việt Nam với giải phóng giai cấp vô sản quốc tế, dân tộc ta mới có thể tiến hành khởi nghĩa tháng tám 1945 thành công, giành thắng lợi oanh liệt trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống Mỹ xâm lược (1945-1975) và tiến hành đổi mới thắng lợi, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới.

- Thực tế cũng chứng tỏ một khi kết hợp không đúng yếu tố dân tộc với giai cấp sẽ có khó khăn, trở ngại: trong thời kỳ 1930-1931, mới nhấn mạnh đến hai giai cấp công-nông, chưa đoàn kết được dân tộc chống đế quốc. Thời kỳ 1975-1985 do chậm điều chỉnh mô hình CNXH thời chiến, sức mạnh của giai cấp, quốc tế, thời đại, cũng như sức mạnh của dân tộc chưa được phát huy, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế-xã hội.

- Trong điều kiện hiện tại, trước yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước trong một thế giới toàn cầu hoá, càng cần phải nắm vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, phát huy sức mạnh của từng nhân tố cũng như sức mạnh tổng hợp của dân tộc-truyền thống, với giai cấp, quốc tế, thời đại để sớm đưa đất nước tiến lên, thoát khỏi tình trạng nghèo, kém phát triển, nâng cao ảnh hưởng và vị thế quốc tế của dân tộc.

Câu 44. Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam?

Trả lời:

Có nhiều nhân tố đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam, trong đó, nhân tố giữ vai trò quan trọng hàng đầu là đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng trong từng giai đoạn cũng như trong suốt tiến trình cách mạng.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện trước hết là việc đề ra đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn thích hợp với mỗi thời kỳ cách mạng. Sau khi có đường lối, Đảng có vai trò đoàn kết, tập hợp, giáo dục, động viên đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, hình thành phong trào cách mạng rộng lớn. Đảng lãnh đạo cách mạng thông qua tổ chức Đảng và hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn quốc.

Đường lối cách mạng của Đảng được hình thành, phát triển trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và CNXH, là sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản, cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, đồng thời là sự kế thừa những kinh nghiệm lịch sử của truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, kết hợp với sự kế thừa có chọn lọc những kinh nghiệm và quan điểm tiên tiến, hiện đại trên thế giới, tạo nên đường lối cách mạng đúng đắn, đáp ứng những đòi hỏi của quá trình phát triển của dân tộc.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện sinh động và nhất quán qua các thời kỳ cụ thể:

- Thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ (1930-1975):

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng được khẳng định bằng việc đề ra Cương lĩnh chính trị đúng đắn và đường lối cách mạng giải phóng dân tộc phù hợp, đó là việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó nhiệm vụ chống đế quốc được đặt lên hàng đầu. Đường lối đó của Đảng đã quyết định thành công của cách mạng Tháng Tám. Thực tiễn lịch sử đã khẳng định: Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945 trước hết là kết quả của đường lối chính trị đúng đắn và quá trình lãnh đạo, chỉ đạo sáng tạo tài tình của Đảng, đồng thời là sản phẩm tất yếu của tinh thần đoàn kết, đấu tranh, hy sinh anh dũng của toàn Đảng, toàn dân ta.

+ Sau khi giành được chính quyền, Đảng đề ra đường lối đối nội và đối ngoại kịp thời, đúng đắn, phát huy khí thế cách mạng của dân tộc để xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và nền độc lập non trẻ. Trước dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, Đảng đã phát động toàn quốc kháng chiến. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh là chính, Đảng đã lãnh đạo toàn dân, toàn quân chủ động lựa chọn cách đánh phù hợp, từng bước làm suy giảm và hạn chế sức mạnh của địch, tiến tới đánh bại âm mưu và hành động xâm lược của thực dân Pháp. Với việc đề ra và từng bước xây dựng,

cụ thể hoá đường lối kháng chiến chống Pháp trên cả phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá, quân sự, ngoại giao, Đảng đã lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến chống Pháp, lập lại hoà bình ở Đông Dương, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

+ Trong thời kỳ đất nước tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, Đảng đã sáng tạo đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền: cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam với mục tiêu chung là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trên cơ sở đó, từng bước vạch ra và cụ thể hoá đường lối chính trị, quân sự, ngoại giao đúng đắn trong suốt tiến trình cách mạng và ở từng thời điểm lịch sử cụ thể. Đây là nguồn gốc quyết định đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ trên hai miền Nam-Bắc từng bước phát triển và đi đến thắng lợi hoàn toàn.

- *Thời kỳ quá độ lên CNXH ở miền Bắc (1954-1975) và cả nước (1975-2008)*: Với vai trò là Đảng cầm quyền, sự lãnh đạo của Đảng ngày càng thể hiện rõ trên nhiều lĩnh vực, phương diện. Đường lối đúng đắn của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng XHCN ở nước ta được thể hiện trên các mặt chủ yếu:

+ Đảng hoạch định quan điểm, đường lối và từng bước bổ sung, phát triển đường lối xây dựng CNXH đúng đắn, phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn, nhất là trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

+ Xây dựng mô hình, phương hướng phát triển CNXH ở

Việt Nam một cách thích hợp, đồng thời vạch ra lộ trình, bước đi phù hợp.

+ Lãnh đạo thể chế hoá Cương lĩnh, đường lối xây dựng CNXH thành hệ thống luật pháp của Nhà nước một cách đồng bộ, nhất quán.

+ Đảng thực hiện sự lãnh đạo toàn diện trên tất cả mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, đối ngoại và an ninh, quốc phòng.

+ Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo thông qua hoạt động của cả hệ thống chính trị, thông qua công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện đường lối chủ trương, chính sách của Đảng ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong bộ máy Nhà nước và cả hệ thống chính trị.

Xuất phát từ mối quan hệ lợi ích đan xen trong thời kỳ quá độ lên CNXH, sự lãnh đạo của Đảng là hoàn toàn cần thiết khách quan, bảo đảm cho việc thực hiện đúng đắn các mối quan hệ lợi ích cơ bản: Lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế; giải quyết đúng đắn các quan hệ lợi ích. Khi đất nước chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng tăng, đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, đường lối đổi mới của Đảng đã bảo đảm giữ vững định hướng XHCN trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường; bảo đảm sự công bằng xã hội, phát triển bền vững và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân, nhất là công nhân, nông dân và trí thức.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Thực tế lịch sử cũng chứng tỏ, mỗi khi Đảng có khuyết điểm, sai lầm, cách mạng sẽ khó khăn, tổn hại: Trong thời kỳ 1930-1931, chưa giải quyết thoả đáng mối quan hệ giai cấp-dân tộc; trong thời kỳ 1975-1985, chưa kịp thời điều chỉnh mô hình CNXH, đất nước khủng hoảng kinh tế-xã hội.

- Để có đường lối đúng đắn, Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh, thực sự đại diện cho giai cấp công nhân và cho toàn dân tộc. Khi hoạch định đường lối, phải quan triệt đầy đủ tinh thần nhân đạo và phép biện chứng của lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; phải xuất phát từ thực tiễn của đất nước và của quốc tế.

Câu 45. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng trong thời kỳ đổi mới? Ý nghĩa?

Trả lời:

1. Nội dung đường lối

- Về mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo

Mục tiêu, nhiệm vụ của đối ngoại là lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, để phát triển kinh tế-xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc

tế là để tạo thêm nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp nội lực với ngoại lực tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh CNH, HĐH, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; phát huy vai trò và nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ *Tư tưởng chỉ đạo*: Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam; Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại; Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế, trong đó cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác, tránh trực diện đối đầu, tránh bị đẩy vào thế bị cô lập; mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. Coi trọng quan hệ hoà bình, hợp tác với khu vực, chủ động tham gia các tổ chức đa phương, khu vực và toàn cầu; Kết hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Xác định hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân; giữ vững ổn định chính trị, kinh tế-xã hội, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái; Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, xây dựng kinh tế độc lập tự chủ, tạo ra và sử dụng có hiệu quả các lợi thế so sánh của đất nước; Đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của

Đảng và Nhà nước; Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Những chủ trương và chính sách lớn của Đảng về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

+ Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững để nâng địa vị của nước ta lên bình đẳng với các thành viên khác trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu và bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp Việt Nam trong những tranh chấp thương mại quốc tế.

+ Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp: tận dụng các ưu đãi mà WTO dành cho các nước đang phát triển và kém phát triển; chủ động và tích cực nhưng phải hội nhập từng bước, dần dần mở cửa thị trường.

+ Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước.

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Giải quyết tốt các vấn đề văn hoá, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập: Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, tăng cường quản lý sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ văn hoá không lành mạnh.

+ Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh; có các phương án chống lại âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch.

+ Phối hợp chặt chẽ các hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại: Các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương cần hướng mạnh vào việc phục vụ đắc lực nhiệm vụ mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại: Tập trung xây dựng cơ sở đảng trong các doanh nghiệp và xây dựng giai cấp công nhân trong điều kiện mới; đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trọng tâm là cải cách hành chính.

- Thành tựu và ý nghĩa

+ Phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

+ Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá: Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam có quan hệ với tất cả các nước lớn trên thế giới và các nước lớn đều coi trọng vai trò của Việt Nam ở Đông Nam Á.

+ Đã tham gia các tổ chức kinh tế lớn: IMF, WB, ADB, AFTA, ASEM, APEC, WTO.

+ Thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý; Nước ta có quan hệ thương mại với trên 180 quốc gia và vùng lãnh thổ; kim ngạch xuất khẩu năm 2008 đạt 62,9 tỷ USD (so với năm 1986 đạt 789 triệu USD); Đầu tư nước ngoài năm 2008 đạt khoảng 65 tỷ USD (năm 2007 đạt 20,3 tỷ USD).

+ Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

Dù còn những hạn chế nhất định như : còn lúng túng trong quan hệ với các nước lớn; còn chậm đổi mới một số chủ trương, cơ chế, chính sách; chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế; doanh nghiệp trong nước còn yếu kém về quản lý và công nghệ; đội ngũ cán bộ đối ngoại còn chưa đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng...Nhưng những kết quả đạt được trên đây vẫn khẳng định ý nghĩa to lớn và thiết thực của đường lối đối ngoại của Đảng trong những năm đổi mới.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
--------------------	----------

Câu 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	7
---	----------

Câu 2. Chính sách thống trị của thực dân Pháp, tình hình giai cấp-xã hội ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ?	9
---	----------

Câu 3. Tóm tắt phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản ở Việt Nam trước năm 1930. Nhận xét?	13
---	-----------

Câu 4. Sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc cho sự thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam?	16
---	-----------

Câu 5. Sự phát triển của phong trào dân tộc vô sản và sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam?	20
---	-----------

Câu 6. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?	21
---	-----------

Câu 7. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, ý nghĩa sự ra đời của Đảng ?	27
--	-----------

Câu 8. Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng. So sánh với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?	29
--	-----------

Câu 9. Quá trình phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)? 31

Câu 10. Chủ trương khởi nghĩa từng phần và chủ trương tổng khởi nghĩa, giành chính quyền của Đảng? 38

Câu 11. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945? 42

Câu 12. Hoàn cảnh đất nước sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng? Kết quả thực hiện? 45

Câu 13. Đường lối kháng chiến, kiến quốc (1946-1954) của Đảng? 48

Câu 14. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược? 53

Câu 15. Hoàn cảnh ra đời, quá trình hình thành, nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của đường lối cách mạng miền Nam (1954-1964)? 56

Câu 16. Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng (1965-1975)? 62

Câu 17. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)? 66

- Câu 18.** Đường lối CNH của Đảng thời kỳ trước đổi mới. Nhận xét? 70
- Câu 19.** Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về CNH, HDH? 73
- Câu 20.** Mục tiêu, quan điểm, nội dung và định hướng CNH, HDH của Đảng trong thời kỳ đổi mới? 78
- Câu 21.** Đặc trưng của cơ chế quản lý kinh tế trước đổi mới (1986)? Sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế? 82
- Câu 22.** Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ 1986 đến 1996? 84
- Câu 23.** Nội dung định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở nước ta? 87
- Câu 24.** Mục tiêu, quan điểm và chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam? 89
- Câu 25.** Kết quả, hạn chế qua 20 năm chuyển sang thể chế kinh tế thị trường. Nguyên nhân? 92
- Câu 26.** Hệ thống chính trị? Nhận xét về hệ thống chính trị ở nước ta thời kỳ 1945-1989? 95
- Câu 27.** Quá trình hình thành, mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới? 99

Câu 28. Nội dung cơ bản và kinh nghiệm xây dựng đường lối phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc của Đảng (1986-2008)? 103

Câu 29. Đường lối xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1986-2008) của Đảng? 105

Câu 30. Sự phát triển nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH trong hơn 20 năm đổi mới? 107

Câu 31. Nhận xét về việc thực hiện đường lối đổi mới chính trị qua hơn 20 năm đổi mới ? 111

Câu 32. Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá trước đổi mới ? Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân? 113

Câu 33. Quá trình đổi mới tư duy về văn hoá, quan điểm chủ đạo và chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hoá mới? 117

Câu 34. Quá trình đổi mới nhận thức và quan điểm, chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới? 120

Câu 35. Nhận xét về kết quả, hạn chế và nguyên nhân của việc thực hiện chính sách văn hoá-xã hội qua hơn 20 năm đổi mới? 123

Câu 36. Nhận xét về đường lối đối ngoại của Đảng từ 1975 đến 1986 ? (nội dung, ưu nhược điểm, nguyên nhân) 125

Câu 37. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ đổi mới (hoàn cảnh lịch sử, quá trình hình thành, nội dung cơ bản)? 128

Câu 38. Đường lối bảo vệ Tổ quốc XHCN trong thời kỳ đổi mới (bối cảnh lịch sử, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ)? 133

Câu 39. Nhận xét về kết quả thực hiện đường lối bảo vệ Tổ quốc qua hơn 20 năm đổi mới? 138

Câu 40. Nêu khái quát tiến trình đổi mới. Những kinh nghiệm qua hơn 20 năm đổi mới? 140

Câu 41. Nêu khái quát tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm chủ yếu? 153

Câu 42. Kinh nghiệm hoạch định đường lối, chính sách của Đảng ? 165

Câu 43. Chứng minh độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường đúng đắn đối với dân tộc Việt Nam? 166

Câu 44. Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam? 169

Câu 45. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng trong thời kỳ đổi mới? Ý nghĩa? 173

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (04) 39714896; (04) 39724770; Fax: (04) 39714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập: NGỌC VÂN

Chế bản: NGÔ BÍCH DIỆP

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Đôi tác liên kết xuất bản:

TẬP THỂ TÁC GIẢ

SÁCH LIÊN KẾT

Hỏi - đáp môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số: 2L-257 ĐH2009

In 4.000 cuốn, khổ 13x19cm, tại Xí nghiệp in TCCN Quốc Phòng

Số xuất bản: 597 - 2009/CXB/11-96/ĐHQGHN, ngày 30/6/2009

Quyết định xuất bản số: 257 LK-XH/XB

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2009.

Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (04) 39714896 - (04) 39724770
Fax: (04) 39714899

Tìm đọc:

• **Hỏi - Đáp môn Tư tưởng Hồ Chí Minh**

(Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên Ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)

• **Hỏi - Đáp môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin**

(Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên Ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)

TT TT-TV * DHQHN



9 780455 73

Nam, Luật Thanh niên, Luật Công đoàn, quy chế dân chủ ở mọi cấp đề các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

Câu 28. Nội dung cơ bản và kinh nghiệm xây dựng đường lối phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc của Đảng (1986-2008)?

Trả lời:

- Đại hội VI của Đảng (12/1986) đã tổng kết thực tiễn cách mạng nước ta và rút ra bốn bài học kinh nghiệm, trong đó bài học số một là: Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đại hội nhấn mạnh rằng những mục tiêu do Đảng đề ra chỉ có thể đạt được bằng hành động cách mạng sáng tạo của hàng triệu quần chúng.

- Đại hội VII của Đảng (6/1991) với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH đã xác định: Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Vì vậy phải không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: Đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế. Cương lĩnh cũng xác định một trong những phương hướng cơ bản để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh là phải thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng (tháng 1/1994) chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, hoàn thiện các chính sách bảo đảm lợi ích và phát huy vai trò của công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, dân tộc, tôn giáo, các nhà công thương, cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

- Đại hội VIII của Đảng (tháng 6/1996) tiếp tục khẳng định và rút ra bài học về mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, khẳng định vai trò nhân dân trong Đổi mới. Đại hội nêu phương hướng: Cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, cả ở trong nước và ở nước ngoài, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Sau Đại hội VIII, để tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, thực hiện đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, Đảng đã đề ra những chủ trương lớn:

+ Đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam trên cơ sở lấy đại nghĩa làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tình đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

+ Đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và

Nhà nước ta. Tư tưởng đại đoàn kết phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại.

+ Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Chính quyền nhân dân phải bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Đi đôi với mở rộng dân chủ phải tăng cường kỷ cương, phép nước.

+ Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức tập hợp đa dạng. Tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng từ thấp đến cao, sáng tạo thêm nhiều hình thức hoạt động phù hợp với từng thành phần xã hội. Đại đoàn kết dân tộc là một động lực quan trọng của công cuộc đổi mới.

Những chủ trương trên là sự cụ thể hoá quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân mà Đảng đã vạch ra.

Câu 29. Đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (1986-2008) của Đảng?

Trả lời:

- Thuật ngữ “Xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” xuất hiện lần đầu ở văn kiện

hội nghị Trung ương 2 khoá VII(1994), đánh dấu mốc quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng.

Đại hội VIII (1996) tiếp tục đặt vấn đề xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam “Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức”. Các Hội nghị TW lần thứ 3, 7, 8 (khoá VIII) đó cụ thể hoá một bước những quan điểm trên.

Đại hội IX (2001), Đại hội X (2006) đặt vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, thừa nhận nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử, không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản mà là tinh hoa, sản phẩm trí tuệ của nền văn minh nhân loại.

- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam được xây dựng có 5 đặc điểm:

+ Là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân.

+ Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

+ Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp, pháp luật giữ vai trò tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ

+ Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam do một Đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Những biện pháp lớn để xây dựng Nhà nước pháp quyền:

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể và khả thi của Luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động, quyết định của các cơ quan công quyền.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của quốc hội, hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng của đại biểu quốc hội. Đổi mới quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ra pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao.

Câu 30. Sự phát triển nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH trong hơn 20 năm đổi mới?

Trả lời:

1. Những đổi mới nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH trước Đổi mới

- Nhận thức đúng đắn hơn về tính khó khăn, phức tạp của

con đường đi lên CNXH từ một nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ còn phổ biến; về bước đi và những chặng đường phải trải qua;

- Nhận thức về sự cần thiết phải giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát triển nhiều thành phần kinh tế; sự cần thiết của sản xuất hàng hoá và sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hoá;

- Nhận thức về sự cần thiết phải thay đổi cơ chế quản lý kinh tế, xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh XHCN;

- Về sự cần thiết phải tạo ra động lực mạnh mẽ cho người lao động - đó là quan tâm đến lợi ích vật chất thiết thân của người lao động.

Đó là những bước chuẩn bị quan trọng, tạo tiền đề cho bước nhảy vọt trong nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Đại hội VI (12-1986)

2. Đại hội VI của Đảng đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, bao gồm đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức-cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác, trong đó đặc biệt nhấn mạnh phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Từ đó, Đại hội VI đề ra ba Chương trình kinh tế lớn là lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, xem đó là mũi nhọn phát triển kinh tế trong thời kỳ mới, đồng thời chủ trương kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới. Đại hội VI khẳng định

nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên CNXH, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh CNH XHCN. Tiến hành đổi mới chính sách kinh tế gắn với đổi mới chính sách xã hội, coi sự tác động qua lại của hai loại chính sách này là nhân tố cơ bản bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Đây là lần đầu tiên trong quan niệm về CNXH, chính sách xã hội và mối tương quan của nó với chính sách kinh tế được đặt đúng tầm.

- Đại hội VII của Đảng (6/1991) thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong đó, cùng với xác định rõ nội dung và tính chất của thời đại, đã làm nổi bật hai nội dung cơ bản:

+ Một là quan niệm tổng quát nhất về xã hội XHCN mà chúng ta cần xây dựng: Xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có mối quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

+ Hai là những phương hướng cơ bản để xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ mới. Để bảo đảm giữ vững định hướng

XHCN trong quá trình đổi mới, phải kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, kiên định và phát triển nền tảng tư tưởng lý luận cách mạng và khoa học, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN; Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội khác nhau; Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

+ Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (1994) đưa ra mục tiêu tổng quát của quá trình xây dựng CNXH ở nước ta là phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Đại hội VIII của Đảng (6/1996) tiếp tục làm rõ hơn quan niệm về chặng đường đầu tiên và chặng đường tiếp theo trong thời kỳ quá độ ở nước ta; chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước là phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Đại hội làm rõ hơn định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; tiếp tục khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; tiếp tục khẳng định phát triển giáo dục-đào tạo và khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, là khâu đột phá trong quá trình thực hiện CNH, HĐH.

- Đại hội IX của Đảng (4/2001) xác định, thực tiễn và thành tựu qua 15 năm đổi mới giúp chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về CNXH và con đường đi lên CNXH. Con đường đi lên CNXH ở nước ta là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, có nghĩa là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt là về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

- Đại hội X của Đảng (4/2006) tiếp tục khẳng định các quan điểm của Đại hội VI, VII, VIII, IX về CNXH và con đường đi lên CNXH, đồng thời phát triển mô hình CNXH ở nước ta; làm rõ hơn tính định hướng XHCN trong việc phát triển kinh tế thị trường.

Câu 31. Nhận xét về việc thực hiện đường lối đổi mới chính trị qua hơn 20 năm đổi mới?

Trả lời:

- HTCT đổi mới cả về tổ chức, hoạt động. Nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân được xây dựng và từng bước hoàn thiện.

Tổ chức bộ máy của HTCT được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hoạt động hướng về cơ sở. Các cơ quan quyền lực Nhà nước đã có nhiều đổi mới theo hướng cải cách hành chính.

dân chủ, công khai. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước nâng cao, dân chủ xã hội có bước phát triển.

- Nhiệm vụ, quyền hạn các các nhà nước được phân định rõ hơn. Nhà nước từng bước được kiện toàn cả về tổ chức và hoạt động, trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường. Sự lãnh đạo của Đảng với Nhà nước được thể chế hoá trong Hiến pháp.

- Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội đổi mới về tổ chức, bộ máy. Nội dung và phương pháp hoạt động, đa dạng, hiệu quả, chăm lo lợi ích chính đáng của dân, tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, bước đầu thể hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

- Đảng thường xuyên coi trọng việc đổi mới và tự chỉnh đốn, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo xã hội. Phương thức lãnh đạo, phong cách công tác nhiều đổi mới, tiến bộ, dân chủ được phát huy, quan hệ với nhân dân được củng cố.

- Những đổi mới quan trọng của hệ thống chính trị, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy... đã khắc phục dần dần những nhược điểm của hệ thống chuyên chính vô sản trước đây, góp phần tạo nên thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở VN.

Nhược điểm:

- Năng lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý,

điều hành của Nhà nước, hoạt động của Mặt trận và các tổ chức quần chúng ngang tầm nhiệm vụ.

- Cải cách hành chính chậm, bộ máy còn công kênh, quản lý chưa hiệu quả, phát sinh nhiều tiêu cực.

- Mặt trận, các tổ chức quần chúng chưa thoát khỏi tình trạng “hành chính hoá”, chất lượng giám sát, phản biện còn yếu, dân chủ còn bị vi phạm.

Nguyên nhân:

- Chủ yếu là do nhận thức về đổi mới HTCT chưa thống nhất, dẫn đến hoạch định, thực hiện chính sách còn ngập ngừng, lúng túng.

- Đổi mới HTCT chưa tương xứng với đổi mới kinh tế.

- Lý luận về HTCT và đổi mới HTCT còn nhiều điểm chưa sáng tỏ.

Câu 32. Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá trước đổi mới? Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân?

Trả lời:

1. Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá trước đổi mới:

- Đề cương văn hoá Việt Nam (1943) xác định văn hoá là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hoá) của cách mạng Việt Nam, và đề ra ba nguyên tắc xây dựng nền văn hoá

mới: Dân tộc hoá (chống lại mọi ảnh hưởng của văn hoá nô dịch và thuộc địa), Đại chúng hoá (chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hoá phân lại hoặc xa rời quần chúng), Khoa học hoá (chống lại tất cả những gì làm cho văn hoá phân tiến bộ, trái khoa học). Có thể coi Đề cương văn hoá Việt Nam là bản tuyên ngôn, là cương lĩnh của Đảng về văn hoá trước Cách mạng Tháng Tám mà ảnh hưởng của nó còn mãi tới sau này.

- Ngày 3/9/1945, phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ đã thông qua 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày), trong đó có hai nhiệm vụ thuộc về văn hoá là phải diệt giặc đói và phải giáo dục lại nhân dân ta, làm cho dân tộc ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Đây là hai sự nghiệp rất khiêm tốn nhưng đáp ứng được những yêu cầu căn bản nhất của nhiệm vụ xây dựng văn hoá ở nước ta thời điểm đó và sau này.

- Đầu năm 1946, Ban Trung ương vận động Đời sống mới được thành lập và tổ chức cuộc vận động thực hiện Đời sống mới nhằm giáo dục lại tinh thần của nhân dân.

- Đường lối văn hoá kháng chiến được hình thành trong các văn kiện: Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" của Ban Thường vụ TƯ Đảng (11/1945); Bức thư về "Nhiệm vụ văn hoá Việt Nam trong công cuộc cứu nước và xây dựng nước hiện nay" của Trường Chinh gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh (16/11/1946); Báo cáo "Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam" của Trường Chinh trình

bày trong Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai (7/1948). Nội dung: Xác định mối quan hệ giữa văn hoá và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hoá cứu quốc; xây dựng nền văn hoá dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Khẩu hiệu thiết thực là Dân tộc, Dân chủ (nghĩa là yêu nước và tiến bộ); tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ; giáo dục lại nhân dân, cổ động thực hành đời sống mới; phát triển cái hay trong văn hoá dân tộc; đồng thời bài trừ cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sự thâm nhập của văn hoá thực dân, phản động; đồng thời học cái hay, cái tốt của văn hoá thế giới; hình thành đội ngũ trí thức mới đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến kiến quốc và cho cách mạng Việt Nam.

- Đại hội III của Đảng (9/1960) chủ trương tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng về khoa học, kỹ thuật nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá mới, con người mới. Mục tiêu cơ bản là làm cho nhân dân thoát nạn mù chữ và thói hư tật xấu do xã hội cũ để lại, có trình độ văn hoá ngày càng cao, có hiểu biết cần thiết về khoa học, kỹ thuật tiên tiến để xây dựng CNXH, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá.

- Đại hội IV và V của Đảng tiếp tục đường lối phát triển văn hoá của Đại hội III, xác định nền văn hoá mới là nền văn hoá có nội dung XHCN và tính chất dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân. Nhiệm vụ văn hoá quan trọng của giai đoạn này là tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước, phát triển mạnh

khoa học, văn hoá nghệ thuật, giáo dục tinh thần làm chủ tập thể, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xoá bỏ ảnh hưởng của tư tưởng, văn hoá thực dân mới ở miền Nam.

2. Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân

- Thành tựu :

+ Nền văn hoá dân chủ mới - văn hoá cứu quốc đã bước đầu được hình thành và đạt nhiều thành tựu trong kháng chiến và kiến quốc. Đã xoá bỏ dần những mặt lạc hậu, lỗi thời trong di sản văn hoá phong kiến và văn hoá nô dịch của thực dân Pháp, bước đầu xây dựng nền văn hoá dân chủ mới với tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Nhiều triệu đồng bào mù chữ đã biết đọc biết viết. Phát triển hệ thống giáo dục, cải cách phương pháp dạy học, thực hành rộng rãi đời sống mới, bãi trừ hủ tục, lạc hậu. Động viên nhân dân tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

+ Trong những năm 1955-1986, sự nghiệp giáo dục, văn hoá của miền Bắc XHCN phát triển với tốc độ cao ngay cả trong khi có chiến tranh, phát huy vai trò tích cực trong chiến đấu và sản xuất. Hoạt động văn hoá, văn nghệ cũng phát triển trên nhiều mặt với nội dung lành mạnh, góp phần xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Trình độ văn hoá chung của xã hội được nâng lên một mức đáng kể. Lối sống mới đã trở thành phổ biến, người với người sống có tình, có nghĩa, đoàn kết thương yêu nhau.

- Hạn chế và nguyên nhân:

+ Việc xây dựng thể chế văn hoá còn chậm. Đời sống văn học nghệ thuật còn có những mặt bất cập. Một số công trình văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống có giá trị không được quan tâm bảo tồn, lưu giữ, thậm chí bị phá huỷ, mai một.

+ Đường lối xây dựng, phát triển văn hoá giai đoạn 1955-1986 bị chi phối bởi tư duy chính trị "nắm vững chuyên chính vô sản" mà thực chất là nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, đấu tranh ý thức hệ đối lập. Mục tiêu, nội dung cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá giai đoạn này cũng bị quy định bởi cuộc cách mạng quan hệ sản xuất mà tư tưởng chỉ đạo là xóa bỏ nhanh, triệt để tư hữu, bóc lột, đưa quan hệ sản xuất XHCN đi trước một bước, tách rời trình độ phát triển thực tế của lực lượng sản xuất.

+ Chiến tranh cùng với cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp và tâm lý bình quân chủ nghĩa đã làm giảm động lực phát triển văn hoá, giáo dục, kìm hãm năng lực tự do sáng tạo.

Câu 33. Quá trình đổi mới tư duy về văn hoá, quan điểm chỉ đạo và chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hoá mới?

Trả lời:

1. *Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá*

Từ Đại hội VI đến Đại hội X, Đảng ta đã hình thành từng

- Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập, tự do.

b. Nguyên nhân thắng lợi

- Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi: Kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ trên thế giới đánh bại. Quân Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã. Đảng ta đã chớp thời cơ đã phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng.

- Cách mạng Tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua 3 cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào cách mạng 1930-1931, Cao trào 1936-1939 và Cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945. Quần chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đó trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

- Cách mạng tháng Tám thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cách mạng Tháng Tám. Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đoàn kết thống nhất, nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, là nhân tố chủ yếu nhất, quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

3. Bài học kinh nghiệm

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống địa chủ phong kiến.

- Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông

- Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

- Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

- Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

- Xây dựng một Đảng Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 12. Hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng. Kết quả thực hiện?

Trả lời:

1. Hoàn cảnh nước ta sau cách mạng Tháng Tám

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta đứng trước bối cảnh vừa có những thuận lợi cơ bản, vừa gặp phải nhiều khó khăn to lớn, hiểm nghèo.

Thuận lợi cơ bản là trên cơ sở gì đó, hệ thống XHCN do Liên Xô đứng đầu được hình thành. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển, trở thành một dòng thác cách mạng. Phong trào dân chủ và hoà bình cũng đang vươn lên mạnh mẽ. Ở trong nước, chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh của đất nước. Lực lượng vũ trang nhân dân được tăng cường. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Khó khăn nghiêm trọng là hậu quả của chế độ cũ để lại như giặc đói, giặc dốt rất nặng nề, ngân quỹ quốc gia trống rỗng. Kinh nghiệm quản lý đất nước của cán bộ các cấp non yếu. Nền độc lập của nước ta chưa được quốc gia nào trên thế giới công

nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Với danh nghĩa Đồng minh đến tước khi giới của phát xít Nhật, quân đội các nước đế quốc ở lại kéo vào chiếm đóng Việt Nam và khuyến khích bọn Việt gian chống phá chính quyền cách mạng, nhằm xoá bỏ nền độc lập và chia cắt nước ta. Nghiêm trọng nhất là quân Anh, Pháp đã đồng loã với nhau nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, hòng tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. “Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm” là những hiểm hoạ đối với chế độ mới, vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”, Tổ quốc lâm nguy.

2. Chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng

Ngày 25- 11- 1945 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”, vạch ra con đường đi lên cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Về chỉ đạo chiến lược, Đảng xác định mục tiêu phải nêu cao của cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là dân tộc giải phóng, khẩu hiệu lúc này là “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”, nhưng không phải là giành độc lập mà là giữ vững độc lập.

Về xác định kẻ thù, Đảng phân tích âm mưu của các nước đế quốc đối với Đông Dương và chỉ rõ “kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”. Vì vậy, phải “lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược”; mở rộng Mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân; thống nhất Mặt trận Việt - Miên - Lào, v.v..

Về phương hướng, nhiệm vụ, Đảng nêu lên bốn nhiệm vụ

chủ yếu và cấp bách cần khẩn trương thực hiện là: “cùng cổ chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân”. Đảng chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa-Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và “Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp.

3. Kết quả thực hiện

Cuộc đấu tranh thực hiện chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng giai đoạn 1945-1946 đã diễn ra gay go, quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự, ngoại giao và đã giành được những kết quả hết sức to lớn.

Về chính trị-xã hội: Đã xây dựng được nền móng cho một chế độ xã hội mới - chế độ dân chủ nhân dân với đầy đủ các yếu tố cấu thành cần thiết.

Về kinh tế, văn hoá: Đã phát động phong trào tăng gia sản xuất, cứu đói, xoá bỏ các thứ thuế vô lý của chế độ cũ, ra sắc lệnh giảm tô 25%, xây dựng ngân quỹ quốc gia. Cuối năm 1945, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, năm 1946 đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện. Tháng 11/1946, giấy bạc “Cụ Hồ” được phát hành. Đã mở lại các trường lớp và tổ chức khai giảng năm học mới. Cuộc vận động toàn dân xây dựng nền văn hoá mới đã bước đầu xoá bỏ được nhiều tệ nạn xã hội và tập tục lạc hậu. Phong trào diệt dốt, bình dân học vụ được thực hiện sôi nổi. Cuối năm 1946, cả nước đã có thêm 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.

Về bảo vệ chính quyền cách mạng: Ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnh Nam Bộ, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến và phát động phong trào “Nam tiến” chi viện Nam Bộ, ngăn không cho Pháp đánh ra Trung Bộ. Ở miền Bắc, bằng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, Đảng và Chính phủ đã thực hiện sách lược nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng để giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam. Khi Pháp - Tưởng ký Hiệp ước Trùng Khánh (28/2/1946), thoả thuận mua bán quyền lợi với nhau, cho Pháp kéo quân ra miền Bắc, Đảng lại mau lẹ chỉ đạo chọn giải pháp hoà hoãn, dàn xếp với Pháp để buộc quân Tưởng phải rút về nước. Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946, cuộc đàm phán ở Đà Lạt, ở Phôngtennôblô (Pháp), Tạm ước 14/9/1946 đã tạo điều kiện cho quân dân ta có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

Câu 13. Đường lối kháng chiến, kiến quốc (1946-1954) của Đảng?

Trả lời:

Đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành từng bước qua thực tiễn đối phó với âm mưu, thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp và được thể hiện tập trung trong ba văn kiện Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng (12-12-1946); *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh (19-12-

1946) và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng Bí thư Trường Chinh (1947).

Nội dung đường lối:

Mục đích kháng chiến: Kế tục và phát triển sự nghiệp *Cách mạng tháng Tám*, “Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập”

Tính chất kháng chiến: Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa. Nó có tính chất toàn dân, toàn diện và lâu dài. Đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

Chính sách kháng chiến: Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp. Đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình. Đoàn kết chặt chẽ toàn dân. Thực hiện toàn dân kháng chiến... phải tự cấp, tự túc về mọi mặt.

Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến: Đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí... Động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến. Giành quyền độc lập, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất Trung, Nam, Bắc. Cùng cố chế độ cộng hoà dân chủ... Tăng gia sản xuất, thực hành kinh tế tự túc...

Phương châm tiến hành kháng chiến: Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Triển vọng kháng chiến: Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi.

Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản nêu trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ.

- Đường lối kháng chiến đã giải quyết thành công hai yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách đặt ra trong cuộc chiến: Có dám quyết tâm kháng chiến không? Làm thế nào để kháng chiến thắng lợi trong điều kiện tương quan so sánh lực lượng ta - địch rất chênh lệch.

Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

- Đến đầu năm 1951, tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương có nhiều chuyển biến mới. Nước ta đã được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng. Song lợi dụng tình thế khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Điều kiện lịch sử đó đặt ra yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng, đưa cuộc chiến tranh đến thắng lợi.

Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 3/1951, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ nhất, mở rộng, tại Trường Chinh, Hà Nội, để nghiên cứu và quyết định những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng trong tình hình mới.

Dương đã họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai tại Tuyên Quang nhằm phát triển bổ sung, hoàn chỉnh đường lối. Đường lối đó được phản ánh trọng Chánh cương của Đảng Lao động Việt Nam. Nội dung cơ bản là:

Tính chất xã hội: Xã hội Việt Nam hiện nay bao gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đang được giải quyết trong quá trình kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp.

Đối tượng cách mạng: Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng: Đối tượng chính hiện nay là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

Nhiệm vụ cách mạng: Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Động lực của cách mạng: Gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức.

Đặc điểm cách mạng: Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân lao động làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Triển vọng của cách mạng: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội: Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ, xen kẽ với nhau.

Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng: Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân. Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động Việt Nam. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam.

Chính sách của Đảng: Có 15 chính sách lớn nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

Quan hệ quốc tế: Việt Nam đứng về phe hoà bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, của Trung Quốc, Liên Xô, thực hiện đoàn kết Việt-Trung-Xô và đoàn kết Việt-Miên- Lào.

Câu 14. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược?

Trả lời:

1. Kết quả

Về chính trị: Đảng ra hoạt động công khai đã có điều kiện kiện toàn tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo đối với cuộc kháng chiến.

- Bộ máy chính quyền năm cấp được củng cố

- Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập

- Chính sách ruộng đất được triển khai, từng bước thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng

Về quân sự: Đến cuối năm 1952, lực lượng chủ lực đã có sáu đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh-pháo binh.

- Các chiến dịch Trung Du, Đường 18, Hà-Nam-Ninh, Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào,... đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư, mở rộng vùng giải phóng của Việt Nam và cho cách mạng Lào...

- Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954 được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỷ XX và đã đi vào lịch sử thế giới như một

chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.

Về ngoại giao: Với phương châm kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao. Ngày 8/5/1954, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh Đông Dương chính thức khai mạc ở Giơnevơ (Thụy Sĩ). Ngày 20/7/1954, các văn bản của Hiệp nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân dân ta kết thúc thắng lợi.

2. Ý nghĩa lịch sử

Đối với nước ta, việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, buộc chúng phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương; đã làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên CNXH làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam, tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đối với quốc tế, thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho CNXH và cách mạng thế giới; cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở ba

nước Đông Dương; mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

3. Nguyên nhân thắng lợi

- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, với đường lối kháng chiến đúng đắn đã huy động được sức mạnh toàn dân đánh giặc; có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi - Mặt trận Liên Việt, được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công-nông-trí vững chắc.

- Có lực lượng vũ trang ba thứ quân do Đảng ta trực tiếp lãnh đạo ngày càng vững mạnh, chiến đấu dũng cảm, mưu lược, tài trí, là lực lượng quyết định tiêu diệt địch trên chiến trường, đè bẹp ý chí xâm lược của địch.

- Có chính quyền dân chủ nhân dân, do dân vì dân được giữ vững, củng cố và lớn mạnh, làm công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

- Có sự liên minh chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia cùng chống một kẻ thù chung; đồng thời có sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.

4. Kinh nghiệm lịch sử

- Đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt sâu rộng đường lối đó cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện, đó là đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài dựa vào sức mình là chính.

- Kết hợp chặt chẽ, đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho CNXH, trong đó nhiệm vụ tập trung hàng đầu là chống đế quốc, giải phóng dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng.

- Thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh, để có tiềm lực mọi mặt đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

- Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài, đồng thời tích cực, chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, đưa kháng chiến đến thắng lợi.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

Câu 15. Hoàn cảnh ra đời, quá trình hình thành, nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của đường lối cách mạng miền Nam (1954-1964)?

Trả lời:

1. Hoàn cảnh lịch sử

Sau Hiệp nghị Giơnevơ, cách mạng Việt Nam vừa có những thuận lợi mới vừa đứng trước nhiều khó khăn phức tạp.

Thuận lợi: Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học-kỹ thuật, nhất là Liên Xô; phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển ở Châu Á, Châu Phi và khu vực Mỹ Latinh; phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước; thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn sau chín năm kháng chiến; có ý chí độc lập thống nhất Tổ quốc của nhân dân từ Nam chí Bắc.

Khó khăn: Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, âm mưu làm bá chủ thế giới với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng; thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; xuất hiện bất đồng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc; đất nước ta bị chia cắt làm 2 miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta.

Một Đảng lãnh đạo hai cuộc cách mạng khác nhau, ở hai miền đất nước có chế độ chính trị khác nhau là đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954. Đặc điểm bao trùm và các thuận lợi, khó khăn nêu trên là cơ sở để Đảng ta phân tích, hoạch định đường lối chiến lược chung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới.

2. Quá trình hình thành và nội dung đường lối

Yêu cầu bức thiết đặt ra cho Đảng ta sau tháng 7/1954 là

phải vạch ra được đường lối đúng đắn, vừa phù hợp với tình hình mỗi miền, tình hình cả nước, vừa phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Tháng 9/1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng. Nghị quyết đã chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của tình hình trong lúc cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới là: từ chiến tranh chuyển sang hòa bình; nước nhà tạm chia làm hai miền; từ nông thôn chuyển vào thành thị; từ phân tán chuyển đến tập trung.

Tại Hội nghị lần thứ 7 (tháng 3/1955); và lần thứ 8 (tháng 8/1955), Trung ương Đảng nhận định: Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Tháng 12/1957, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13, đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng được xác định: "Mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay là: củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình".

Tháng 1/1959, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 họp bàn về cách mạng miền Nam. Trung ương Đảng nhận định: "Hiện nay, cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai

nhệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau... nhằm phương hướng chung là giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội".

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là: giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là: khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, chẳng những đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, mà còn thể hiện rõ bản lĩnh độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng ta trong những năm tháng khó khăn của cách mạng.

Quá trình đề ra và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chủ trương nói trên chính là quá trình hình thành đường lối chiến lược chung cho cách mạng cả nước, được hoàn chỉnh tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960).

Sau khi vạch rõ mâu thuẫn chung của cả nước và những mâu thuẫn cụ thể của từng miền. Đại hội đã xác định:

Nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là: tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoàn bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Thiết thực góp phần tăng cường phe XHCN và bảo vệ hòa bình ở Đông - Nam châu Á và thế giới.

Nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại có hai nhiệm vụ chiến lược: Một là, tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc. Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Mục tiêu chiến lược: Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền trong hoàn cảnh nước nhà bị chia cắt. Hai nhiệm vụ đó lại nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hòa bình, thống nhất Tổ quốc.

Mối quan hệ của cách mạng hai miền: Do cùng thực hiện

một mục tiêu chung nên hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau.

Vai trò nhiệm vụ cách mạng mỗi miền đối với cách mạng cả nước: Cách mạng XHCN ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên CNXH về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

3. Ý nghĩa của đường lối

- Đường lối đó thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam và phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã huy động và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Do đó, đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Đường lối chung của cách mạng Việt Nam đã thể hiện

tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam, vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế của thời đại.

- Đường lối chiến lược chung cho cả nước và đường lối cách mạng ở mỗi miền là cơ sở để Đảng chỉ đạo quân dân ta phấn đấu giành được những thành tựu to lớn trong xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thắng lợi chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam.

Câu 16. Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng (1965-1975)?

Trả lời:

1. Bối cảnh lịch sử

Từ đầu năm 1965, để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chế độ Sài Gòn và sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đã ào ạt đưa quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc vào miền Nam, tiến hành cuộc “Chiến tranh cục bộ” với quy mô lớn; đồng thời dùng không quân, hải quân tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng ta đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước.

Thuận lợi: Khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng thế giới đang ở thế tiến công. Ở miền Bắc, kể

hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt và vượt các mục tiêu về kinh tế, văn hóa. Sự chi viện sức người, sức của của miền Bắc cho cách mạng miền Nam được đẩy mạnh cả theo đường bộ và đường biển.

Ở miền Nam, vượt qua những khó khăn trong những năm 1961-1962, từ năm 1963, cuộc đấu tranh của quân dân ta đã có bước phát triển mới. Ba công cụ của “Chiến tranh đặc biệt” (ngụy quân, ngụy quyền, ấp chiến lược và đô thị) đều bị quân ta tiến công liên tục. Đến đầu năm 1965, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức độ cao nhất đã cơ bản bị phá sản.

Khó khăn: Sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc càng trở nên gay gắt và không có lợi cho cách mạng Việt Nam. Việc đế quốc Mỹ mở cuộc “Chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ và các nước phụ thuộc vào trực tiếp xâm lược miền Nam đã làm cho tương quan lực lượng trở nên bất lợi cho ta

Tình hình đó đặt ra yêu cầu mới cho Đảng ta trong việc xác định quyết tâm và đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhằm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

2. Nội dung đường lối

Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (tháng 3/1965) và lần thứ 12 (tháng 12/1965) đã tập trung đánh giá tình hình và đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên cả nước.

Về nhận định tình hình và chủ trương chiến lược: Trung ương Đảng cho rằng cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, buộc phải thực thi trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược. Từ sự phân tích và nhận định đó, Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc từ Nam chí Bắc.

Quyết tâm và mục tiêu chiến lược: Nêu cao khẩu hiệu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kể tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”.

Phương châm chỉ đạo chiến lược: Tiếp tục và đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam, đồng thời phát động chiến tranh nhân dân chống Mỹ chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc; thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh, càng mạnh và cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở miền Nam:

Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. “Tiếp tục kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công”, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn này, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị để phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng “Chiến tranh cục bộ” ra cả nước.

Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến đấu ở hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam càng đánh càng mạnh. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc đó là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”

3. Ý nghĩa của đường lối

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng được đề ra tại các Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và 12 có ý nghĩa hết sức quan trọng:

- Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

- Thể hiện tư tưởng nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh giặc Mỹ xâm lược.

Câu 17. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)?

Trả lời:

1. Kết quả

Ở miền Bắc, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng,

sau 21 năm nỗ lực phấn đấu, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt được những thành tựu đáng tự hào. Một chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa bước đầu được hình thành. Dù chiến tranh ác liệt, bị tổn thất nặng nề về vật chất, thiệt hại lớn về người, song không có nạn đói, dịch bệnh và sự rối loạn xã hội. Văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục không những được duy trì mà còn có sự phát triển mạnh. Sản xuất nông nghiệp phát triển, công nghiệp địa phương được tăng cường. Miền Bắc không chỉ chia lửa với các chiến trường mà còn hoàn thành xuất sắc vai trò căn cứ địa của cách mạng cả nước và nhiệm vụ hậu phương lớn đối với chiến trường miền Nam.

Ở miền Nam, với sự chỉ đạo, lãnh đạo đúng đắn của Đảng, quân dân ta đã vượt lên mọi gian khổ hy sinh, bền bỉ và anh dũng chiến đấu, lần lượt đánh bại các chiến lược của đế quốc Mỹ và tay sai mà đỉnh cao là đại thắng mùa xuân năm 1975 với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đập tan toàn bộ chính quyền địch, buộc chúng phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

2. Nguyên nhân thắng lợi

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố tạo nên:

- Cuộc kháng chiến của ta vì chính nghĩa và có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng - người đại biểu trung thành cho những lợi ích sống còn của dân tộc.

- Quân dân cả nước với tinh thần yêu nước, bất khuất, chịu đựng mọi hy sinh, gian khổ, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, đặc biệt là sự đấu tranh quyết liệt một mất một còn của các đồng chí, đồng bào miền Nam "Thành đồng của Tổ quốc".

- Công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giành được nhiều thắng lợi làm cho miền Bắc giữ vững được vai trò căn cứ địa của cả nước, hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam, chi viện có hiệu quả cho quân dân miền Nam trực tiếp đánh bại giặc Mỹ và tay sai, đồng thời đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa của đế quốc Mỹ.

- Sự đoàn kết, chiến đấu của nhân dân 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia và sự giúp đỡ, ủng hộ của các nước XHCN anh em, của nhân dân tiến bộ trên thế giới trong đó có cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

- Đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa nên không được sự đồng tình của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới, không phát huy được sức mạnh vật chất và công nghệ của chúng.

3. Ý nghĩa lịch sử

- Đối với nước ta: Đã quét sạch được quân xâm lược ra khỏi đất nước, kết thúc cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài gần một phần ba thế kỷ (1945-1975), đồng thời kết thúc hơn một thế kỷ (1858-1975) đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và thực

dân mới của hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ; đưa lại độc lập, thống nhất, hòa bình cho dân tộc, kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; mở ra một thời kỳ mới: cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

- Đối với thế giới: đã đánh bại cuộc chiến tranh tàn bạo, các liệt, có quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của CNDQ từ sau chiến tranh thế giới thứ 2: làm phá sản liên tiếp nhiều học thuyết và thủ đoạn chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ; phá vỡ một mắt xích quan trọng và mạnh nhất trong hệ thống thuộc địa của CNDQ ở Đông-Nam Á, đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ; đánh dấu sự sụp đổ không tránh khỏi của CNTD mới, góp phần thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới. Đây là một thắng lợi đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.

4. Bài học kinh nghiệm

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã để lại nhiều bài học có giá trị lý luận và thực tiễn:

Một là, phải xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm cách mạng Việt Nam.

Hai là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Ba là, vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành đấu tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Bốn là, chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định

Năm là, phải luôn chú trọng xây dựng Đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

Câu 18. Đường lối công nghiệp hóa của Đảng thời kỳ trước đổi mới. Nhận xét?

Trả lời:

1. Đường lối công nghiệp hóa của Đảng thời kỳ trước đổi mới

- Đường lối công nghiệp hoá (CNH) ở nước ta được hình thành từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960). Đến nay quá trình CNH của nước ta đã tiến hành được gần 50 năm, trong đó có khoảng 25 năm đầu (1960-1986) chúng ta tiến hành CNH theo kiểu cũ, trên cơ sở đường lối CNH của các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, IV (12/1976) và V (3/1982).

- Nội dung cơ bản của đường lối CNH ở nước ta thời kỳ trước đổi mới (1986) được Đảng ta xác định:

+ Trước hết, Đảng khẳng định tính tất yếu của CNH đối với công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta. Trên cơ sở phân tích sâu sắc đặc điểm của miền Bắc, trong đó đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không trải qua giai đoạn phát triển TBCN, Đại hội III của Đảng xác định: Muốn cải biến tình trạng kinh tế lạc hậu của nước ta, không có con đường nào khác, ngoài con đường CNH XHCN. Đồng thời, Đảng xác định ngay từ đầu CNH XHCN là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

+ Thứ hai, mục tiêu cơ bản của CNH XHCN là xây dựng một nền kinh tế XHCN cân đối và hiện đại, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH.

+ Thứ ba, để đạt được mục tiêu đó, vấn đề quan trọng có tính chất quyết định là thực hiện trang bị kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thực hiện cơ giới hoá sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động.

+ Thứ tư, phương hướng chỉ đạo xây dựng và phát triển công nghiệp là: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý; kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng; ra sức phát triển công nghiệp trung ương đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương.

Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, cả nước độc lập, thống nhất và quá độ lên CNXH. Đại hội IV của Đảng (12/1976) tiếp tục khẳng định đường lối CNH ở nước ta trên cơ sở nhất trí với những nhận thức cơ bản về CNH của Đại hội III và có sự phát triển thêm: "Đẩy mạnh CNH XHCN, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của CNXH, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất".

Sau 5 năm chỉ đạo thực hiện CNH trên cả nước, Đại hội V của Đảng (3/1982) đã có sự điều chỉnh quan trọng về đường lối CNH ở nước ta, trong đó chú trọng đến việc cần xác định đúng bước đi của CNH cho phù hợp với mục tiêu và khả năng của mỗi chặng đường. Từ đó Đại hội V xác định: Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đại hội V coi đây là nội dung chính của CNH ở nước ta trong chặng đường trước mắt.

2. Nhận xét

- Đường lối CNH của Đảng thời kỳ trước đổi mới (1960-1986) phản ánh tinh thần trách nhiệm và quyết tâm rất cao của Đảng trước yêu cầu phát triển đất nước theo con đường XHCN. Đó cũng là quyết tâm và nguyện vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, đường lối đó thể hiện sự nóng vội, giản đơn, duy ý chí của Đảng về vấn đề CNH, muốn làm nhanh, làm lớn mà ít quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội. Mặc dù đã có sự điều chỉnh quan trọng về tốc độ, bước đi và nội dung chính của CNH trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta, nhưng về cơ bản và trên thực tế vẫn chưa thoát khỏi những nhận thức cũ về CNH.

- Nhìn chung trong thời kỳ 1960-1986, Đảng ta đã nhận thức và tiến hành CNH theo kiểu cũ với các đặc trưng chủ yếu sau: CNH theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng; CNH chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của các nước XHCN; chủ lực thực hiện CNH là Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước; việc phân bổ nguồn lực để CNH được thực hiện thông qua cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp, không tôn trọng các quy luật của thị trường.

Câu 19. Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về CNH, HĐH?

Trả lời:

- Có thể nói, quá trình đổi mới tư duy của Đảng về CNH

được "khởi động" từ Đại hội V (3/1982) với những điều chỉnh bước đầu về tốc độ, bước đi và nội dung chính của CNH trong chặng đường trước mắt. Tuy nhiên, phải đến Đại hội VI của Đảng (12/1986), quá trình đổi mới tư duy về CNH mới chính thức được bắt đầu bằng việc chỉ ra và phê phán những sai lầm trong nhận thức và chủ trương CNH thời kỳ 1960-1985:

+ Sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, cải tạo XHCN và quản lý kinh tế. Do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết nên chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh CNH trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết.

+ Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư, thường chỉ xuất phát từ lòng mong muốn đi nhanh, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đầu tư nhiều nhưng hiệu quả thấp.

+ Không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đại hội lần thứ V, vẫn chưa thật sự coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Từ việc chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, Đại hội VI của Đảng đã cụ thể hoá nội dung chính của CNH XHCN trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ

là thực hiện cho bằng được ba chương trình mục tiêu: lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đây là mốc đánh dấu tư duy của Đảng về CNH đã cụ thể và phù hợp hơn với đặc điểm, tình hình đất nước.

- Đại hội VII của Đảng (6/1991) đã tổng kết và xác định: phải tiếp tục đẩy mạnh ba chương trình kinh tế mà Đại hội VI đã đề ra và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu CNH XHCN, phải phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế.

- Hội nghị Trung ương 7 khoá VII (tháng 7-1994), đã có bước đột phá mới trong nhận thức về CNH, đó là nhận thức về khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HDH): "CNH, HDH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học-công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao"⁽¹⁾.

- Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) xác định chiến lược CNH, HDH đất nước, mục tiêu là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ

1. DCSVN: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, HN, 2007, tập 53, tr. 554

cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp.

Dại hội VIII đưa ra sáu quan điểm về CNH, HĐH :

+ Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

+ CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

+ Trong quá trình CNH, HĐH phải chú ý đến nguồn lực con người.

+ Động lực của CNH, HĐH là khoa học và công nghệ.

+ CNH, HĐH phải chú ý đến tính khả thi, tính hiệu quả.

+ Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Dại hội VIII xác định nội dung cơ bản của CNH, HĐH:

+ Phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn

+ Xây dựng kết cấu hạ tầng.

+ Phát triển du lịch, dịch vụ.

+ CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn.

- Đại hội IX (tháng 4-2001) và Đại hội X (tháng 4-2006) của Đảng tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới về CNH:

+ Con đường CNH ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước. Tuy nhiên, cần thực hiện các yêu cầu, như: Phát triển kinh tế và công nghệ phải vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt; phát huy lợi thế của đất nước, gắn CNH với HĐH, từng bước phát triển kinh tế tri thức; phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của con người Việt Nam, đặc biệt coi trọng phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xem đây là nền tảng và động lực cho CNH, HĐH.

+ Phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

+ CNH, HĐH đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tức là phải tiến hành CNH, HĐH trong một nền kinh tế mở, hướng ngoại.

+ Đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn hướng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Câu 20. Mục tiêu, quan điểm, nội dung và định hướng CNH, HĐH của Đảng trong thời kỳ đổi mới ?

Trả lời:

1. Mục tiêu, quan điểm CNH, HĐH

- Mục tiêu cơ bản của CNH, HĐH là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Từ mục tiêu cơ bản, mỗi thời kỳ lại có những mục tiêu cụ thể. Đại hội X của Đảng xác định mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Quan điểm CNH, HĐH

- CNH gắn với HĐH và CNH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của CNH, HDH.

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Nội dung và định hướng CNH, HDH

- Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, từng dự án kinh tế-xã hội.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ.

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực nhất là các ngành, các lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

** Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh CNH, HDH gắn với phát triển kinh tế tri thức:*

- Đẩy mạnh CNH, HDH nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn:

+ Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; đẩy nhanh tiến bộ khoa học-kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá, phù hợp đặc điểm từng vùng, từng địa phương.

+ Tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp.

+ Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

+ Hình thành các khu dân cư đô thị với kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội đồng bộ.

+ Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

+ Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân, trước hết là các vùng có sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, giao thông, các khu đô thị mới.

+ Đẩy mạnh hơn các chương trình xoá đói giảm nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ :

+ Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao,

công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật kinh tế-xã hội nhất là các sân bay quốc tế, cảng biển, đường cao tốc, đường ven biển... Phát triển công nghiệp năng lượng. Tăng nhanh năng lực và hiện đại hoá bưu chính viễn thông. Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, đưa tốc độ phát triển của ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Nhà nước kiểm soát chặt chẽ độc quyền và tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng.

- Phát triển kinh tế vùng: Có cơ chế chính sách phù hợp để các vùng cùng phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế vùng. Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao. Có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực cho các vùng khó khăn.

- Phát triển kinh tế biển: Toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, du lịch biển, đảo, công nghiệp đóng tàu biển.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ: Phát triển nguồn nhân lực đến năm 2010 có nguồn nhân lực chất lượng cao, tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội. Phát triển khoa học và công nghệ, lựa

chọn đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số ngành, lĩnh vực then chốt. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để tạo việc làm. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài. Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là cơ chế tài chính.

- Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên: Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia. Ngăn chặn các hành vi huỷ hoại và gây ô nhiễm môi trường. Quan tâm đầu tư cho môi trường. Hoàn chỉnh luật pháp về bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên. Hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng-thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai. Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Câu 21. Đặc trưng của cơ chế quản lý kinh tế trước đổi mới (1986)? Sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế?

Trả lời:

1. Đặc trưng của cơ chế quản lý kinh tế trước đổi mới

- Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp là cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta trong thời kỳ trước đổi mới, (thường được gọi ngắn gọn là cơ chế cũ), có những đặc trưng chủ yếu sau:

+ Nhà nước quản lý toàn bộ nền kinh tế và phân bổ nguồn lực.

hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết áp đặt từ trên xuống dưới. Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chỉ tiêu pháp lệnh được giao, từ phương hướng sản xuất, nguồn vật tư, tiền vốn, định giá sản phẩm, tổ chức bộ máy đến nhân sự, tiền lương. Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch, cấp phát vốn, vật tư cho doanh nghiệp, doanh nghiệp giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Lỗ hay lãi đều do Nhà nước chịu trách nhiệm.

+ Các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp không có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, cũng không bị ràng buộc trách nhiệm đối với kết quả sản xuất kinh doanh.

+ Quan hệ hàng hoá-tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước quản lý kinh tế thông qua chế độ cấp phát-giao nộp. Vì vậy, rất nhiều hàng hoá quan trọng như sức lao động, phát minh sáng chế, tư liệu sản xuất quan trọng, không được coi là hàng hoá về mặt pháp lý.

+ Bộ máy quản lý công kênh, nhiều cấp trung gian vừa kém năng động vừa sinh ra đội ngũ quản lý kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu.

2. Sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

- Cơ chế cũ đã bộc lộ nhiều khuyết tật và hậu quả là nền kinh tế đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy

yếu kinh tế XHCN, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông, và đẻ ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Cách tổ chức, quản lý này cũng hạn chế việc phát huy dân chủ và huy động các nguồn lực xã hội. Chính vì vậy, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành nhu cầu cần thiết và cấp bách.

- Thực tế đã xuất hiện những cách quản lý mới theo hướng thị trường, dù chưa toàn diện và triệt để nhưng đã thể hiện rõ tính hơn hẳn so với cơ chế quản lý cũ về hiệu quả kinh tế. Đó là khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo Chỉ thị số 100-CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương khóa IV; việc bù giá vào lương ở Long An, sử dụng nhiều thành phần kinh tế ở thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 8 khóa V (1985) về giá-lương-tiền; Nghị định số 25 và Nghị định 26/CP của Chính phủ... Đó là những căn cứ và tiền đề thực tế để Đảng quyết định thay đổi về cơ bản cơ chế quản lý kinh tế.

Câu 22. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ 1986 đến 2006?

Trả lời:

Nhận thức, tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI (12-1986) đã có những chuyển biến căn bản và sâu sắc, thể hiện ở những nội dung sau:

- Kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại: Kinh tế thị trường có mầm mống từ trong xã hội nô lệ, hình thành trong xã hội phong kiến và phát triển cao trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản không sản sinh ra kinh tế hàng hoá, do đó kinh tế thị trường với tư cách là kinh tế hàng hoá ở trình độ cao không phải là sản phẩm riêng có của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại. Chỉ có thể chế kinh tế thị trường TBCN hay cách thức sử dụng kinh tế thị trường theo lợi nhuận tối đa của CNTB mới là sản phẩm của CNTB.

- Kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Cơ chế thị trường chỉ đối lập với kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, chứ không đối lập với các chế độ xã hội. Bản thân kinh tế thị trường không phải là đặc trưng bản chất cho chế độ kinh tế cơ bản của xã hội như trước đây chúng ta đã hiểu, mà kinh tế thị trường là thành tựu chung của văn minh nhân loại, nó tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau, và tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Vì vậy, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường không phải là phát triển TBCN hoặc đi theo con đường TBCN, cũng như xây dựng kinh tế XHCN không dẫn đến phủ định kinh tế thị trường. Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã có kết luận quan trọng: sản xuất hàng hoá không đối lập với CNXH, nó tồn tại khách quan và cần

thiết cho xây dựng CNXH. Đại hội VII xác định cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN ở nước ta là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

- Có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng CNXH ở nước ta. Nếu như trước đổi mới, do chưa thừa nhận sự tồn tại của sản xuất hàng hoá và cơ chế thị trường trong thời kỳ quá độ lên CNXH nên đã xem kế hoạch là đặc trưng số một của kinh tế XHCN và thực hiện phân bổ mọi nguồn lực theo kế hoạch là chủ yếu, thì khi bước vào thời kỳ đổi mới, chúng ta đã ngày càng nhận rõ có thể dùng cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ các nguồn lực kinh tế, dùng tín hiệu giá cả để điều tiết chủng loại và số lượng hàng hoá, điều hoà quan hệ cung cầu, điều tiết tỷ lệ sản xuất thông qua cơ chế cạnh tranh, thúc đẩy cải tiến bộ, đào thải cái lạc hậu, yếu kém.

- Đến Đại hội IX của Đảng (4/2001) đã xác định nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Đó là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Đây là bước chuyển quan trọng từ nhận thức kinh tế thị trường chỉ như một công cụ, một cơ chế quản lý, đến nhận thức coi kinh tế thị trường như một chính thể, là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng XHCN.

Câu 23. Nội dung định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở nước ta?

Trả lời:

Đảng ta chủ trương xây dựng và phát triển ở nước ta trong thời kỳ quá độ là một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đó là một sáng tạo trong tư duy lý luận của Đảng về đường lối kinh tế trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, cần phải làm rõ nội dung định hướng XHCN trong nền kinh tế mà chúng ta xây dựng và phát triển là gì để phân biệt về bản chất với các nền kinh tế thị trường khác.

- Đại hội IX của Đảng xác định kinh tế thị trường định hướng XHCN là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH. Đó không phải là kinh tế kế hoạch hoá tập trung, cũng không phải là kinh tế thị trường TBCN, nhưng cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường XHCN vì chưa có được đầy đủ các yếu tố XHCN. Tuy nhiên, tính định hướng XHCN làm cho mô hình kinh tế thị trường ở nước ta khác với kinh tế thị trường TBCN, ở chỗ, trong nền kinh tế đó, các thế mạnh của thị trường được sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân. Tính định hướng XHCN được thể hiện trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất, đó là sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, nhằm mục đích

cuối cùng là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

- Đại hội X của Đảng tiếp tục làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta như sau:

+ Về mục đích phát triển, mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh xoá đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn. Điều đó khác biệt với mục đích tất cả phục vụ lợi nhuận và vì lợi ích của các nhà tư bản, bảo vệ và phát triển CNTB.

+ Về phương hướng phát triển: Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, trong mỗi cá nhân và mọi vùng miền. Phát huy tối đa nội lực để phát triển nhanh nền kinh tế. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, định hướng cho sự phát triển vì mục tiêu đã định.

+ Về định hướng xã hội và phân phối: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với

phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Hạn chế tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

+ Định hướng XHCN còn thể hiện qua chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

+ Về quản lý: Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tiêu chí này thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa kinh tế thị trường TBCN với kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Câu 24. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam?

Trả lời:

Thể chế kinh tế thị trường là một tổng thể bao gồm toàn bộ các quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được hiểu là thể chế kinh tế thị trường, trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là vấn đề mới và phức tạp. Trong hơn 20 năm đổi mới, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta đã được hình thành trên những nét cơ bản. Trên cơ sở đó, Đại hội X của Đảng đề ra mục tiêu, quan điểm và chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

* *Mục tiêu cơ bản:* Làm cho các thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng XHCN, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, hoàn thành cơ bản mục tiêu vào năm 2020.

- *Mục tiêu trước mắt:* Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển thuận lợi; đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn

thể chính trị-xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế-xã hội.

** Quan điểm:*

+ Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, bảo đảm định hướng XHCN của nền kinh tế;

+ Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường, giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, cải thiện môi trường.

+ Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết thực tiễn đổi mới ở nước ta, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

+ Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

+ Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

2. *Chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN:*

- Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

- Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

Câu 25. Kết quả, hạn chế qua hơn 20 năm chuyển sang thể chế kinh tế thị trường. Nguyên nhân?

Trả lời:

1. *Kết quả*

- Qua hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch tập trung, quan liêu, bao cấp, sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, giải quyết khá hài hoà mối quan hệ qua lại giữa ổn định và phát triển.

Đường lối đổi mới của Đảng đã được luật hoá, tạo hành lang pháp lý phù hợp cho sự hình thành và vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Từ chế độ sở hữu toàn dân một thành phần công hữu với hai hình thức quốc doanh và tập thể, chuyển sang hình thành đa sở hữu, nhiều thành phần đan xen, hỗn hợp, trong đó sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất chủ yếu và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đây chính là quá trình dân chủ hoá kinh tế, tạo điều kiện cho dân chủ hoá xã hội, tạo ra động lực và điều kiện thuận lợi cho giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng trong và ngoài nước hướng vào phát triển kinh tế-xã hội.

- Các loại thị trường cơ bản đã ra đời, từng bước phát triển, thống nhất trong cả nước và gắn với thị trường quốc tế. Thay cho cơ chế kế hoạch hoá tập trung, cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước hình thành. Doanh nghiệp được tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh. Nhà nước chuyển sang quản lý kinh tế bằng luật pháp, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

- Đạt nhiều kết quả tích cực trong việc gắn kết phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội.

Sự hình thành và từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH-HDH.

Hạn chế và nguyên nhân

+ Quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế mới còn chậm, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Trong doanh nghiệp nhà nước chưa giải quyết tốt vấn đề sở hữu quản lý và phân phối, nhất là khi cổ phần hoá, gây thất thoát, kém hiệu quả. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác còn bị phân biệt đối xử, các yếu tố thị trường và các loại thị trường tài chính, bất động sản, khoa học-công nghệ...), hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, quản lý và vận hành chưa thông suốt. Chưa xoá bỏ triệt để cơ chế xin-cho, phân bổ nguồn lực chưa hợp lý. Tiền lương còn bình quân.

+ Bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập trong tổ chức, điều hành, hiệu quả quản lý thấp. Cấu cách hành chính chậm, chưa đạt yêu cầu mục tiêu. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu nghiêm trọng.

+ Về văn hoá xã hội đổi mới chậm, chất lượng dịch vụ thấp, khoảng cách giàu-ngèo xa. An sinh xã hội sơ khai. Nhiều vấn đề bức xúc về xã hội, môi trường chưa được giải quyết tốt.

- Nguyên nhân của những hạn chế

+ Vấn đề thể chế thị trường định hướng xã hội chưa hề có tiền lệ, nhận thức, lý luận chưa theo kịp để lý giải và hướng dẫn thực hiện.

+ Năng lực thể chế hoá và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước chậm, nhất là trong định hướng phát triển và xử lý các vấn đề xã hội bức xúc.

+ Dân chủ hoá xã hội chưa được phát huy, có hiệu quả.

Câu 26. Hệ thống chính trị? Nhận xét về hệ thống chính trị ở nước ta thời kỳ 1945-1989

Trả lời:

Trước 1989 gọi là “hệ thống chuyên chính vô sản”, nay là các tổ chức chính trị-xã hội, qua đó nhân dân thực thi quyền lực xã hội. Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và 5 đoàn thể chính trị-xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam) và mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống.

+ Ở mỗi giai đoạn cách mạng “hệ thống chính trị” mang nội hàm đặc thù, được gọi bằng những thuật ngữ khác nhau.

+ Trong giai đoạn 1945-1954

“Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân” dựa trên cơ sở khối đại đoàn kết dân tộc (tập hợp trong Mặt trận Việt Minh và Liên-Việt), nòng cốt là liên minh công-nông-trí thức, có cơ sở kinh tế là nền sản xuất tư nhân hàng hoá nhỏ, tự cấp, tự túc, do Đảng cộng sản lãnh đạo, sự lãnh đạo này ấn dấu trong vai trò của

Quốc hội-Chính phủ, các đảng viên trong hai cơ quan này và của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Cơ sở tư tưởng của các Hệ thống chính trị lúc này là “Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết”.

+ Đã xuất hiện ở mức độ nhất định sự giám sát của xã hội dân sự đối với Nhà nước và Đảng; có sự phản biện của hai Đảng (Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội) đối với Đảng Cộng sản Việt Nam. Do các yếu tố này, và do yêu cầu sống còn của cuộc kháng chiến, đã giảm thiểu rõ rệt tệ nạn thường dễ phát sinh trong bộ máy công quyền.

+ Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân đã hoàn thành nhiệm vụ đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thực sự cho dân tộc, xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho CNXH.

+ *Trong thời kỳ 1954-1989*

+ HTCT DCND chuyển sang làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản (CCVS) ở miền Bắc (1954-1975) và trên cả nước (1975-1989).

Cơ sở hình thành hệ thống chuyên chính vô sản (HTCCVS) ở nước ta là lý luận Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và CCVS, kinh nghiệm của các nước XHCN và thực tiễn đất nước. Thực chất, kể từ Đại hội III (9/1960) đến Hội nghị Trung ương 6 (3/1989), HTCT ở nước ta được tổ chức và hoạt động theo yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ của CCVS.

+ Điểm cốt lõi trong cơ sở chính trị của HTCCVS là Đảng cộng sản lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối, cơ sở kinh tế của hệ thống CCVS là nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp, dựa trên công hữu về TLSX chủ yếu. Nhà nước trở thành một tổ chức kinh tế-xã hội bao trùm. Cơ sở xã hội của HTCCVS là kết cấu gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Từ cách tổ chức và hoạt động của HTCCVS phản chiếu cả ưu, nhược điểm của mô hình kinh tế-xã hội tập trung, đang phổ biến, duy nhất trong hệ thống các nước XHCN.

+ Trong giai đoạn này, Đảng vừa tuân thủ những nguyên tắc chung trong vận dụng lý luận Mác-xít, vừa chú trọng xây dựng HTCCVS mang đặc điểm Việt Nam, mà việc đưa ra khái niệm “quyền làm chủ tập thể XHCN của nhân dân lao động” - bản chất của HTCCVS ở Việt Nam là một ví dụ nổi bật.

Mối quan hệ giữa các yếu tố trong hệ thống CCVS là Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý.

+ HTCCVS được xây dựng đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng bước đầu chế độ mới XHCN ở miền Bắc, bảo đảm cho miền Bắc hoàn thành vai trò quyết định nhất trong sự nghiệp cách mạng cả nước và trong chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nó cũng góp phần đem lại những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn đầy khó khăn, thử thách nhưng năm 1975-1986.

Tuy nhiên, nếu HTCT thời kỳ 1954-1975 đã là cần thiết và thích hợp, phát huy tốt vai trò của nó thì từ sau năm 1975, HTCT bộc lộ nhiều nhược điểm. Mối quan hệ giữa Đảng-Nhà nước và nhân dân ở từng cấp, từng đơn vị chưa được xác định rõ, còn chồng lấn, chế độ trách nhiệm chưa nghiêm, pháp chế còn nhiều thiếu sót.

Bộ máy nhà nước công kênh, cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp dẫn đến chưa phát huy được dân chủ xã hội.

Sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm nhiệm vụ, có tình trạng tập trung-quan liêu. Các đoàn thể chưa phát huy vai trò tổ chức, động viên quần chúng tham gia hoạt động và quản lý kinh tế-xã hội.

Nguyên nhân:

+ Hệ thống CCVS cùng với mô hình tổ chức-quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp được tổ chức và hoạt động thích hợp với thời chiến, nay đất nước chuyển sang hoà bình, thế giới có nhiều điều chỉnh, biến đổi, HTCCVS đã bộc lộ sự trì trệ, bảo thủ.

+ Bệnh chủ quan, duy ý chí, tư tưởng, tiểu tư sản vừa tả, khuynh, vừa hữu khuynh trong lãnh đạo chỉ đạo của Đảng.

+ Sự chậm trễ và lác hậu trong hoạt động lý luận.

+ Sự cứng nhắc, thiếu khả năng điều chỉnh trong cả hệ thống XHCN.

Câu 27. Quá trình hình thành, mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới ?

Trả lời:

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị của Đảng:

- Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị. Đảng ta khẳng định đổi mới là một quá trình, bắt đầu từ đổi mới kinh tế, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị.

- Về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (năm 1991) khẳng định: Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Báo cáo chính trị của Đại hội VII (6/1991) của Đảng nhấn mạnh, thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ XHCN. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

- Về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đại hội IX (4/2001) của Đảng xác định: Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH theo định

hướng XHCN, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước XHCN phồn vinh, nhân dân hạnh phúc. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công-nông-trí do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

- Về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, trong đó Đảng vừa là bộ phận của hệ thống vừa là hạt nhân lãnh đạo hệ thống, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.

- Về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị. Thuật ngữ "xây dựng nhà nước pháp quyền" lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị Trung ương 2 khoá VII (1991). Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII và các Đại hội VIII, IX và X tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và làm rõ thêm nội dung của nó là: Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội; người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền tự do sống và làm việc theo khả năng và sở thích trong phạm vi pháp luật cho phép.

- Về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng Đảng không làm thay Nhà nước. Đảng quan tâm xây dựng củng cố nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội, phát huy vai trò của các nhân tố này.

2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới.

- *Mục tiêu:* Nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ XHCN, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

- *Quan điểm:*

+ Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

+ Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị năng động hơn, có hiệu quả hơn.

+ Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

+ Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- *Chủ trương:*

+ Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị. Mục tiêu là giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng; phải trên cơ sở kiên định những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Đó là công việc hệ trọng, đòi hỏi phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm.

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN với 5 đặc điểm: Là nhà nước của dân do dân và vì dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp, pháp luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội; nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật; nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

+ Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong hệ thống chính trị. Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt